VĂN HỌC
Nghệ thuật

SÁNG TÁC ● NHẬN ĐỊNH

TRONG SỐ NÀY :

VÕ PHIẾN: CÁI GỐC ● MẠC ĐỖ: CON NGƯỜI NGA TRONG KHUÔN ĐÚC CỘNG SẢN ● ĐĂNG KHOA: TIẾNG CHIM GIỮA TRỜI ● CAO TIỀU : LƯU LẠC ● NGUYỄN THỊ MƯA SA : NHỚ NGƯỜI ● VÕ ĐÌNH : XỨ SẤM SÉT ● NGH L. : CŨNG VÌ EM ● TRẦN THẾ DU : MỘT NGÀY TẠI KIEV ● XUÂN HIẾN : KHUNG TRỜI THÁNG TƯ ● MỐI KỲ GIỚI THIỆU MỘT DANH PHẨM QUỐC TẾ ● TÌM HIỂU ● TÀI LIỆU ● VĂN NGHỆ KHẮP NƠI ● SÁCH VIỆT HẢI NGOẠI ●

SỐ 7 THÁNG MƯỜI NĂM 1978

● tạp chí văn nghệ đầu tiên của người việt hải ngoại

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Chủ nhiệm: Võ - Phiến

Chủ bút: Lê - tất - Điều

Giám đốc trị sự: Lâm Triết

Giám đốc kỹ thuật: Trần đình Long

Tòa soạn: P.O. Box 19555 San Diego Ca. 92119 U.S.A.

MỤC LỤC

NHẬN ĐỊNH		
Cái gốc	VÕ PHIẾN	3
Con người Nga trong khuôn đúc cộng sản	MẶC ĐỖ dịch	12
SÁNG TÁC		
Tiếng chim giữa trời	ĐĂNG KHOA	17
Lưu lạc	CAO TIÊU	20
Nhớ người	NGUYỄN THỊ MƯA SA	20
Xứ sấm sét	VÕ ĐÌNH	21
Cũng vì em	NGH. L.	29
Một ngày tại Kiev	TRẦN THẾ DU	30
Khung trời tháng tư	XUÂN HIẾN	42
VIỆT NAM VÀ THẾ GIỚI		
Ầm ầm tiếng sóng	YUKIO MISHIMA	44
TÌM HIỂU		
Cách mạng Pháp đi về đâu	NGỌC LIÊN	62
Du học sinh Việt nam thế kỷ thứ XVIII	THU DUNG	64
TÀI LIỆU		
Tàn sát văn hóa và tự sát văn hóa	PHẠM KIM VINH	73
THỜI SỰ		
Những nốt đàn kỳ diệu của Lưu danh Bình	PHAN LẠC TIẾP	82
Sách Việt ở hải ngoại	NAM CHI	85
Văn nghệ khắp nơi	THẠCH TÂM	86
V.H.N.T. VÀ CÁC BẠN		
Bạn viết		92
Bạn đọc		93
PHỤ BẢN	*Tranh của NGUYỄN VĂN MỘCH*	71

In tại Văn nghệ ấn quán (213) 256 - 503

LẠI THƯ GỬI BẠN

CÁI GỐC

VÕ PHIẾN

Bài này trước đã đăng trên tạp chí Quê mẹ *(số 18 và 19), xuất bản tại Pháp . Vì ở đây một vấn đề văn học nghệ thuật được đề cập, lại vì tạp chí* Quê mẹ *không được phổ biến rộng tại Mỹ, nên tác giả xin đăng lại trên* Văn học nghệ thuật.

Bạn hiền,

Tôi chịu bạn quá. Bạn là người vững gốc kinh khủng.

Hồi còn ở Sài gòn, chúng ta đã biết có bao nhiêu kẻ không thể nào nghe được dân ca, hát bộ, hát chèo v.v... mà lại ghiền nhạc rốc, nhạc pốp, lại khoái nguẩy mông; có bao nhiêu bạn trẻ trông cứ hệt như Mỹ, từ cái tóc, cái râu, cái quần cái áo cho tới cái nhún vai, cái lối đối xử với anh em cha mẹ; lại có những người khác, món Việt thì nấu không thạo, ăn chưa rành, mà động có dịp đãi đằng là toàn kéo nhau đi tiệm Tàu, đi nhà hàng Tây: thói quen ăn uống vốn khó rời bỏ, thế mà một thói quen truyền từ mấy nghìn năm họ chợt bỏ cái rụp, khẩu vị của họ không giống của tổ tiên, bống dưng lại giống những ai đâu. Những hạng như vậy đâu có cần ra khỏi nước, có cần đi xa ? Chỉ ở nguyên tại quê hương mình cũng mất gốc được như thường. Mất gốc tại chỗ, kỳ cục chưa !

Đàng này, bạn ra đi muốn dặm mà ôm gốc khư khư, ai động tới bạn sửng cồ ngay. Bạn hô hào trẻ con học vần Việt ngữ, nói tiếng Việt nam; bạn đi lùng mắm thái khắp chợ Á đông ở Los Angeles, bạn thề trung thành với mắm tôm đến hơi thở cuối cùng, bạn phát huy tưng bừng cái "hay" của hột vịt lộn rau răm v.v... Thế rồi thấy cơ quan di trú của Mỹ hay nhắc nhở đến câu chuyện "assimilation" bạn nổi sùng.

Assimilation , cái tiếng khó nghe nọ, nhiều người trong chúng ta thích dịch bằng chữ "hội nhập ". Chẳng qua là vì muốn kiêng cữ: "đồng hóa " nghe đau đớn quá.

Hồi tháng 5 - 1975 , chúng ta bỏ nước chạy đi bất quá là muốn tìm một nơi nào có thể sống đời tự do, gửi thân tạm một thời gian để chờ cơ hội; có ai trong chúng ta định đi... làm Mỹ đâu !Thế mà ta tới đây, người Mỹ họ giúp đỡ, rồi họ theo dõi cách ăn cách ở của chúng ta, rồi cứ mỗi lúc họ mỗi nêu vấn đề:"Đám ấy đã đồng hóa tới đâu ? có tiến bộ không ? khá không ? ". Bộ họ muốn ta thành ra Mỹ thiệt hã ? họ đòi nhổ gốc ta thiệt hã ?

Nghe đau, nhưng đấy vẫn là chuyện thực đó bạn. Hơn sáu chục năm trước, tổng thống Theodore Roosevelt đã nói chuyện Mỹ hóa một cách dữ dằn: nào là tinh thần, là tâm hồn, là tấm lòng, nào là cái tư cách người Mỹ trộn không có lẳng nhẳng gốc rế gì ráo (1), nào là những kẻ sống ở Mỹ, làm dân Mỹ mà lòng còn mơ tưởng đến cố quốc thì hãy cút đi, nhanh chừng nào hay chừng ấy (2).

Trong vòng hơn nửa thế kỷ qua, chắc chắn người Mỹ có những kế hoạch đồng hóa di dần mỗi lúc một tinh vi thêm. Và cũng chắc chắn sau tháng 5-75 họ không có ý duyệt lại chính sách di dân hay đặt ra một chính sách đặc biệt dành cho những quí khách đến từ Việt nam. Chắc thế.

Cho nên thoạt nghĩ đến cuộc thử hùng giữa nước Hoa kỳ và bạn – một bên nhổ gốc một bên giữ gốc – không khỏi não lòng.

Cuộc thử hùng tạm gác sang một bên, hãy nói đến trường hợp những thành phần ngoan ngoãn hưởng ứng chính sách và đang hồ hởi làm Mỹ: liệu những người ấy rồi sẽ thành Mỹ đến chừng nào ?

Văn hào Steibeck về già bỗng nảy cái ý kiến cần phải đi tung tăng khắp nước, nhìn tận mắt từng ngọn đồi giòng sông, nghe tận tai giọng nói của con người mỗi địa phương, ngửi tận mũi mùi cây mùi cỏ của đất nước, cần phải tiếp xúc thẳng để thực sự hiểu biết về xứ sở mình. Thế là mười bảy năm trước đây, một người một chó, Steinbeck lên đường ngao du ngót bốn chục tiểu bang. Nghe ngóng xong, ngắm nghía xong, hít ngửi xong, văn hào hớn hở loan báo: người Mỹ thật giống người Mỹ.

Lạ chứ, chỉ trong vòng không đầy hai trăm năm mà dân năm châu bốn biển họp mặt tại xứ này đã kịp hòa với nhau làm một, gây nên một dân tộc mới, thuần nhất. Nói hai trăm năm là nói cả lịch sử nước Mỹ, chứ thực ra cuộc đồng hóa di dân nọ phần lớn diễn ra trong khoảng năm chục năm gần đây thôi. Thế mà - theo lời Steinbeck- dù là Mỹ miền Bắc hay Mỹ miền Nam, Mỹ miền Đông hay Mỹ miền Tây, Mỹ gốc Anh hay gốc Ý, Mỹ gốc Đức hay gốc Ba-Lan, người Mỹ vẫn chủ yếu là Mỹ. Quan sát cẩn thận nhà văn nhận thấy giữa những ông Mỹ gốc Hoa ở California với những ông Mỹ gốc Ái-nhĩ-Lan ở Boston, những ông Mỹ đen ở Alabama với những ông Mỹ gốc Đức ở Wisconsin , cái phần giống nhau vẫn lớn hơn phần khác nhau (3).

Thế thì hay quá. Những điều John Steinbeck trông thấy nhất định phải làm cho Theodore Roosevelt hài lòng. Di dân tứ chiếng đã được đồng hóa đến nơi đến chốn. Hầu hết di dân đều ngoan ngoãn: từ chính khách cho đến văn nhân Mỹ đều không có gì để băn khoăn nữa.

Và trước cảnh ấy, tôi chợt thấy có chỗ đáng mừng cho bạn: là đồng hóa mặc đồng hóa, cái gốc vẫn giữ được.

Thật vậy, mức đòi hỏi đồng hóa của chính sách Mỹ hình như không mấy cao. Giống nhau như người Trung hoa ở khu phố Tàu Cựu-kim-Sơn với người da đen ở nông

trại Alabama đã gọi là giống, thì người như bạn cũng có thể giống Mỹ lắm. Bảo rằng cái phần khác nhau giữa đôi bên nhỏ bé, nhưng phần ấy vẫn thừa đủ chỗ để bạn cất giữ cái gốc, có thể một cái gốc thật bự.

Nhân dịp này tôi sắp tán nhảm với bạn về cái phần nhỏ bé ấy đây, bạn có chán không ?

Tôi thích nhắc đến người Tàu. Họ quen thuộc với ta: chú Ba ở Mỹ gợi lại hình ảnh những chú Ba ở Chợ Lớn. Vả lại, họ vào Mỹ thật sớm, tận hồi giữa thế kỷ 19, họ đã sống tại đây nhiều thế hệ, "hội nhập " hẳn vào xã hội và vào cả lịch sử nước Mỹ. Nói về cuộc sống vật chất thì mức lợi tức trung bình của họ cao hơn của người dân Mỹ. Tôi không có được những con số thống kê mới mẻ, chỉ biết hồi 1969 lợi tức trung bình của người Mỹ là 9.596 Mỹ kim mỗi năm thì của người Mỹ gốc Hoa đã lên tới 10.610 Mỹ kim. Nói về đời sống tinh thần, trong khi chỉ có 11% người Mỹ từ 25 tuổi trở lên đã học xong bốn năm đại học hoặc học cao hơn, thì riêng người Mỹ gốc Hoa đã đạt tới 26% . Thế phải nhận là một cuộc" hội nhập" thành công chứ bạn ?

Nhìn vào cái cộng đồng người Mỹ gốc Hoa đông đảo hàng nửa triệu con người xuất sắc ấy, tôi có điều ngạc nhiên. Là họ chưa có một đóng góp đáng kể vào sinh hoạt văn học nghệ thuật của xứ này.

Thật vậy, tôi chưa biết có những họa sĩ, nhạc sĩ, văn sĩ lỗi lạc người Mỹ gốc Hoa. Gốc Hoa không có mà gốc Nhật, gốc Hàn, gốc Phi-luật-tân cũng không. Bạn để ý và mách hộ tôi: bạn có thấy tí ảnh hưởng nào của nhạc Hoa, nhạc Nhật trong nền âm nhạc hiện đại của Hoa Kỳ chăng, một tí ảnh hưởng con con thôi bên cạnh cái ảnh hưởng mênh mông của nhạc Phi châu Da đen cũng đủ làm tôi bớt băn khoăn, bạn có thấy không ? Bạn có biết một nhà hội họa, điêu khắc nào có thể xem như tiêu biểu cho một

khuynh hướng nghệ thuật Hoa-kỳ mà vốn là người gốc Hoa gốc Nhật, gốc Á châu nói chung chăng ?

Năm ngoái, một nhà văn gốc Do Thái nhận giải thưởng văn chương Nobel nhân danh văn học Hoa kỳ. Tác phẩm của Saul Bellow nói về cuộc sống Mỹ, nói lên những cảm nghĩ của người Mỹ, tiêu biểu cho sự thể hiện cái tâm hồn Mỹ. Gốc Do Thái không hiếm những văn nghệ sĩ như thế tại Hoa Kỳ; gốc Ba-Lan, gốc Đức, gốc Anh, gốc Phần-Lan, Thụy-điển, Ý, Hung, Lỗ v.v... cũng không hiếm. Những kẻ có tài trong các ngành nghệ thuật từ xứ họ sang đây lắm khi thành công ngay trong thế hệ đầu tiên. Nhưng người di dân gốc Á châu thì không thế.

Những cộng đồng người Mỹ gốc Á Châu có tỉ số học thức cao như cộng đồng gốc Hoa, gốc Nhật có thể góp vào Mỹ quốc những khoa học gia giỏi giang, những nhà ngôn ngữ học, xã hội học, toán học, vật lý học, nguyên tử học v...v... Trí óc họ không thua ai. Tuy nhiên khi hát ca, khi vẽ vời, khi làm thơ văn họ không thể nói lên cái tâm tình Mỹ để được quần chúng Mỹ tán thưởng, xem như người nghệ sĩ "của mình". Nhạc Hoa nhạc Nhật vẫn chỉ được thưởng thức trong vòng những cộng đồng gốc Hoa gốc Nhật; trải qua hàng thế kỷ vẫn không ảnh hưởng đáng kể ra ngoài.

Nói ra điều ấy, tôi đang nghĩ đến trường hợp chúng ta. Sang đây từ tháng 5-75, chúng ta có những ca sĩ tiếng tăm, những nhạc sĩ tài năng; những người ấy đã cố mở "một con đường máu" vào xã hội Mỹ. Hai năm rưỡi sau, những cố gắng ấy đã tỏ ra vô hiệu: người Việt rốt cuộc chỉ hát cho người Việt nghe mà thôi. Dĩ nhiên thời gian thí nghiệm của chúng ta quá ngắn ngủi, không cho phép rút ra một kết luận. Tôi chỉ nêu nó ra bên cạnh kinh nghiệm dài hạn của các thành phần gốc Á châu khác.

Người Mỹ thật cởi mở, ít thành kiến. Ảnh hưởng nhạc Âu châu trong nhạc Mỹ, cái đó thì đành. Quần chúng của họ còn vui vẻ đón mừng nhạc bộ lạc Phi châu một cách tưng bừng, sẵn sàng gào thét nhún nhẩy theo các ca sĩ Da Đen. Nhưng quần chúng ấy dửng dưng ngỡ ngàng trước nhạc Á châu.

Giữa người Mỹ gốc Á với người Mỹ gốc Âu quả có sự cách biệt sâu xa trong tâm tình, trong cảm xúc. Một cuộc "hội nhập" chừng mấy nghìn năm thì đủ xóa cách biệt ấy?

Hồi còn ở Sài gòn có những họa sĩ Việt nam bán được nhiều tranh cho Mỹ, phát tài nhờ khách hàng Mỹ. Những người ấy dễ có cảm tưởng là hội họa Việt nam "hợp" với Mỹ , vã khi ra đi tị nạn họ mang theo một số ảo tưởng.

Tôi có câu chuyện xin kể bạn nghe. Một họa sĩ tị nạn mới vừa tới đảo Guam đã gặp thành công: anh tổ chức triển lãm, và những binh lính sĩ quan Mỹ làm việc trong trại xúm nhau mua tranh của anh đến hơn vạn rưỡi Mỹ kim. Tiếng đồn vang xa, anh được đặc cách mời sang Hạ uy-Di triển lãm : lại thành công nữa, số thu ngót vạn rưỡi Mỹ kim nữa. Thừa cỏ trúc chẻ ngói tan, vào lục địa Hoa kỳ anh chọn định cư ở thủ đô cho dễ bề hoạt động văn hóa . Tại đây anh bỏ ra nhiều tiền để trang bị một xưởng họa thật tư cách với dụng cụ vật liệu thật đắt tiền; và anh hăng hái lao mình vào sáng tác. Một năm sau anh thu dọn hành trang chồng chất lên một chiếc xe, khiêu vài thằng bạn, bỏ Hoa-thịnh-Đốn, kéo nhau băng ngang trọn chiều rộng nước Mỹ, sang tận California để làm ăn. Anh vất lại tất cả xưởng họa, với mọi thứ dụng cụ vật liệu. Bởi vì chừng ấy thời gian đã cho anh thấy mình không thể vẽ với gì được, không thể bán tranh cho ai được ở xứ này.

Tới California, anh "làm ăn" như mọi người, sống bằng một nghề không liên quan gì với nghệ thuật. Bỗng một hôm có kẻ nói đến tai: tại Cựu-kim-Sơn , một họa sĩ bạn anh triển lãm ráo riết, hốt bạc tưng bừng, đang đi xe Mercedes do tài xế Mỹ lái.

Anh ngờ vực: có thế chăng ? Đất Mỹ bao la, quần chúng Cựu-kim-Sơn biết đâu không khác quần chúng Hoa thịnh-Đốn ?

Trượng phu thoắt lại động lòng, anh bương bả phóng lên Cựu - kim -Sơn. Quả nhiên bạn anh đang ngồi xe

Mercedes... của bảo trợ., và dĩ nhiên do người bảo trợ Mỹ lái lấy. Bạn anh chưa mua nổi xe , còn "mệt" hơn anh nhiều.

Cũng nét bút ấy, cũng tranh ấy mà ở Sàigòn thì bán được, ở trại tị nạn trên hải đảo giữa Thái bình Dương thì bán được, mà vào đến tận đất Mỹ rồi lại bị chối từ. Của ấy khi ở xa thì tìm kiếm, mà khi mang đến dí sấn vào tay thì lại xõ ra đấy đẩy!

Như thế tỏ rằng những người Mỹ mua tranh Việt ở Việt nam , ở đảo Guam v.v... không phải mua một họa phẩm mà là mua một kỷ vật, không phải mua vì nghệ thuật của ta mà vì chuyến đi xa trong đời họ. Du khách Việt nam ta đi Nhật cũng dám tốn tiền vì những cái áo Kimono , đi Đài Loan cũng chịu chi cho những bức ảnh sao cổ họa chứ không sao ? Một bức tranh mua tận Sàigòn mang về Mỹ, chưng trên tường, là cả một cái gì để khoe với vợ con, một đề tài để tán với bạn bè. Nhưng mua tranh loanh quanh trong thành phố thì phải chọn bức nào cho hợp "gu" chứ. Bức ấy không phải của những người bạn lang thang của chúng ta.

Mặt khác , Mỹ có thể phiên dịch một cách trân trọng thơ của Lý thái Bạch, truyện của Kawabata , có thể trân tàng tranh mộc bản Nhật, tranh thủy mặc Tàu v.v... Nhưng một Lý Bạch, một Kawabata chưa thành danh mà di cư sang đây thì có triển vọng mãi mãi chẳng bao giờ thành danh cả. Dân Mỹ cũng như bất cứ dân tộc nào trên thế giới, tò mò tìm hiểu những tài năng tiêu biểu của các quốc gia dân tộc khác. Bạn cứ ở yên nơi xứ bạn mà làm văn nghệ, bạn nổi bật lên, bạn được hoan nghênh, thế là thế giới bên ngoài – Mỹ hay không phải Mỹ – sẵn sàng chú ý tìm hiểu bạn. Nhưng bạn đã đem thân sang Mỹ rồi, bạn hoạt động với tư cách người Mỹ, thì bạn phải vẽ phải viết, để nói lên cái cảm nghĩ hợp với quần chúng Mỹ, cái cảm nghĩ đích thực là Mỹ, bạn mới được hoan nghênh. Sức mấy mà bạn hợp , khi bạn là người Á đông ?

Nhà khoa học là người của lý trí , không cần "hợp"

với ai cả, nhà khoa học Á châu tha hồ thành công ở Âu Mỹ. Còn các nghệ sĩ đi đến đâu cũng khệ nệ cái tàm hồn theo đến đó. Cái tâm hồn nó có gốc, có rễ sâu xa lắm bạn ạ.

Trước sự thất bại của những họa sĩ ta tại Mỹ, có kẻ chép miệng bảo:"Ở bên này trình độ thẩm mỹ của dân chúng cao lắm. Bên này các nhà phê bình của họ thật giỏi, thật rành v.v.."

Chắc thế. Quần chúng Mỹ không những có trình độ cao về thẩm mỹ mà còn cao về nhiều mặt khác: tỉ số học thức của dân Mỹ vốn cao quá mà. Nhưng nếu nói ra điều ấy trong cái ý cho rằng nghệ sĩ của ta còn kém cỏi, chỉ có thể thành công giữa một quần chúng "thấp" , thì không nghe được đâu. Trong nghệ thuật sự thành công không nhất thiết vì thấp với cao. Vả lại, đâu có lẽ khoái múa mông vì trình độ cao, thích múa quạt vì trình độ thấp ? Chẳng qua đó là những sắc thái tâm hồn không dung được nhau. Di dân tứ chiếng mang theo đến đây nhiều món lỉnh kỉnh, trong đó có cái món... tâm hồn. Những tâm hồn Âu Phi rồi dân dà đánh bạn với nhau được, những tâm hồn Á châu thì như tuồng vẫn cứ lạc loài.

Steibeck bảo Mỹ giống Mỹ. Tội nghiệp, ông vận dụng cả thính giác lẫn khứu giác trên khắp cõng xứ sở này: nhưng đáng tiếc cái tàm hồn nó không nghe,không trông, không ngửi được. Chán nó ghê.

Các văn thi sĩ Á châu tới đây thoạt tiên ai nấy ái ngại cho họ vì cái trở ngại ngôn ngữ. Các họa sĩ nhạc sĩ không bị trở ngại ấy, rốt cuộc vẫn đáng ái ngại, lại càng đáng ái ngại hơn. Vì khi thất bại, họ không còn biết gán tội vào đâu được.

Bạn đang lo giữ gốc, có kẻ bảo cái gốc ấy có vứt đi cũng không mất đi đâu được, bạn thích chứ ? Xã hội Mỹ toàn gồm di dân, vốn khỏe "tiêu hóa" đủ mọi thứ bản sắc dân tộc dị biệt, thế mà không tiêu hóa nổi gốc bản sắc của bạn, càng thích nhé !

Nhưng bạn có khỏi lo lắng trước một viễn ảnh bơ vơ

lơ láo không có tận cùng giữa cái khối người đông đảo tấp nập này ?

Tháng 11- 1977

---

(1) Americanism is a matter of the spirit and of the soul (....) heartily and singly loyal to this republic (...) an American and nothing else (Theodore Roosevelt . Diễn văn đọc trước hội hoi Knights of Columbus ở Nữu-Ước năm 1915)

(2) The man who calls himself an American citizen ... (yet who) shows by his actions that he is primarily the citizen of a foreign land , plays a thoroughly mischievous part in the life of our body politic . He has no place here ; and the sooner he returns to the end to which he feels his real hearallegiance, the better it will be for every good American ... (Theodore Roosevelt - s.d.d.)

(3) John Steinbeck : Travels with Charley.

CÁC CUỘC NÓI CHUYỆN TRÊN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Số 1: NHẠC VIỆT TRÊN ĐẤT MỸ, với nhạc sĩ Phạm Duy
Số 2: TRIẾT VIỆT VÀ TRIẾT MỸ, với giáo sư Kim Định
Số 3: NGƯỜI VIỆT TRÊN ĐẤT MỸ, với nhà văn Nghiêm xuân Hồng
Số 4: VĂN NGHỆ VIỆT NAM Ở HẢI NGOẠI, với nhà văn Mặc Đỗ
Số 5: HỘI HỌA VIỆT NAM Ở HẢI NGOẠI, với họa sĩ Võ Đình
Số 6: VĂN NGHỆ VIỆT NAM TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC, với nhà văn Mai Thảo.

con người Nga trong khuôn đúc cộng sản

Từ sau ngày cộng sản chiếm nước vấn đề đặt ra cho những người Việt hẳng ưu tư về tương lai đất nước thường vượt quá số phận hiện - tại của mình, của bạn bè hay những người thân. Sự quan tâm thiên - trọng hẳn về tình trạng sẽ được bày ra trên đất nước với những mẫu người do khuôn đúc cộng sản tạo nên. Qua con mắt của nhiều đồng - bào mới vượt biển, sau ba năm kinh nghiệm chế độ cộng sản, đã có khá nhiều bằng chứng cho thấy có thay đổi quan trọng nơi phần lớn những bà con từ Bắc mới vô (bề ngoài để thăm thân quyến nhưng thật sự để vét chút hương thừa Mỹ- Ngụy), thay đổi còn rõ rệt hơn nơi các ông bà cán bộ được thuyên chuyển vô coi trị miền Nam. Nhận định k hông ngụ ý lên án những đồng bào miền Bắc cũng là nạn nhân của chính sách cộng sản. Nhận định chỉ ghi dấu một báo hiệu đáng quan tâm, trên bình diện văn hóa cũng như trên những bình diện khác.

Tìm hiểu chế độ cộng sản biến đổi con người như thế nào (hiểu để mà lo) chúng ta có thể chú ý tới những phương trời cộng sản khác, chẳng hạn như tại Nga xô, nơi mà cộng sản Việt nam đang chọn làm mẫu mực tốt nhất. Những gì cộng sản Nga đã làm cộng sản Việt nam không thể làm khác, chẳng được làm khác. Biết được tâm tư con người Nga hiện tại còn ai bằng những người làm văn học nghệ thuật s ống trên đất Nga hiện tại. Từ hạ bán niên 1977 đến thượng bán niên 1978 hai bản Pháp dịch hai tác phẩm của một tác giả Nga đã gây chấn động trong học giới Tây phương, tương tợ như vụ "Quần đảo Goulag" của Solj enitsyne. Đó là hai cuốn nửa tự truyện nửa tiểu thuyết "Les hauteurs béantes" và "L'Avenir radieux". Tác giả Alexandre Zinoviev là một nhà xã hội học kiêm luận lý học danh tiếng quốc tế, bị chính quyền cộng sản đẩy ra ngoài lề vì thái độ ra ngoài khuôn phép. Cả hai tác ph ẩm đều viết bằng Nga văn tại Thụy sĩ năm 1976. Chấn động tại Tây phương đã đưa tới hậu quả A. Zinoviev bị tạm đuổi ra khỏi nước trong một năm và được mời tới dạy tại đại học Munich. Tuần báo "L'Express" mới đăng tải một đoạn đối thoại với Zinoviev về nòng cốt của cuốn "L'Avenir radieux" là con người Nga trong chế độ cộng sản. Được

biết tầm phổ biến của tuần báo "L'Express" khá hẹp tại đây, chúng tôi dịch đăng nguyên văn. Chúng ta đọc những phát giác của A. Zinoviev về con người Nga hiện tại để suy ra những gì đã đến, đang đến và sẽ đến với con người Việt nam trong vòng khuôn phép tương tợ.

M.Đ.

HỎI: Trong cuốn L'Avenir radieux *một nhân vật có tuyên bố: "Tôi muốn nói lên đời sống của chúng tôi như thế nào và thật sự chúng tôi ra sao." Đó có phải là chủ ý của ông ?*

ĐÁP: Đúng. Và tôi muốn từ chối hẳn quan điểm dựa trên tình cảm, tôi không bi quan cũng không lạc quan, chỉ chuyên chú ở bình diện hợp lý. Tôi muốn được khách quan. Xã hội xô-viết là một thực tế. Tôi muốn mô tả sự thiết yếu và những quy luật của hệ thống đó, lối sống đó.

HỎI: Tôi thấy rằng bản chất của cọng sản chủ nghĩa thật ra nằm trong đời sống hằng ngày, chính đời sống đó mới khó chịu, trong khi người ta hay chú trọng tới những vụ bắt bớ huê dạng, những vụ án. Ông nghĩ sao?

ĐÁP: Chính thế. Cho nên những mô tả của tôi về cọng sản chủ nghĩa không đề cập tới những cạnh khía đặc biệt của tổ chức. Tôi muốn chứng tỏ rằng xã hội đó tạo nên mẫu người thích hợp và lối sống đó hợp với con người đó. Có một thứ đồng lõa giữa con người cọng sản, con người do hệ thống đó khuôn đúc nên, và chính hệ thống đó.

HỎI: Ta có thể vẽ ra chân dung mẫu người xô-viết (homo sovieticus) đó được không ?

ĐÁP: Đó là đề tài hai tác phẩm của tôi. Trước hết là thứ homo sovieticus thụ động. Cục cằn, đố kị, nóng nảy, thô bạo, tình cảm, hiếu khách kiểu "Ăn đi, nếu không tao đập bể mặt". Hắn ghét thậm tệ những ai mà hắn cảm thấy là thứ bậc trên hắn. Hắn thích "lặn": "Đi làm ở đâu cũng được, miễn là có thể trốn việc". Hắn kị người có tài. Hắn luôn miệng: "Thôi đi, đừng tài khôn!". Còn thứ homo sovieticus tích cực thì dễ lên lắm. Đó là thứ người trở tráo, sẵn sàng bán rẻ xóm giềng nếu thấy có lợi dù nhỏ. Lẽ dĩ nhiên trong xã hội xô-viết cũng có đủ thứ mẫu người.

HỎI: Trong bài đọc tại đại học Harvard, Soljenitsyne tuyên bố rằng trình độ chung về đạo đức của dân Nga cao hơn của dân Tây phương, bởi lẽ dân Nga đã phải chịu đau khổ nhiều và bị đàn áp. Ông có đồng ý như vậy không?

ĐÁP: Tuyệt đối không. Đau khổ có thể nâng cao một số cá nhân, nhưng không hề cả một dân tộc. Tôi không được biết hoàn cảnh của dân Nga trước chế độ này ra sao. Nhưng hiện tại dân tộc Nga ở trong tình trạng thảm hại.

HỎI: Thế mà vẫn nổi bật những người mà ông gọi là những kẻ "độc lập", những người chống đối...

ĐÁP: Họ hiếm lắm. Trong một xã hội lớn, có lẽ vì số đông, có đủ hạng người, kể cả những người "độc lập". Đôi khi chính quyền không đủ cảnh giác và để cho những người đó nổi lên được. Như trường hợp của tôi. Những người này có thể bị chế độ dùng làm vật tế thần hoặc một thứ chiêu bài để che đậy đối với Tây phương. Tại Viện Triết học, một hồi tôi đã được coi như một thứ "không mác-xít"! Tuy nhiên, hiện tượng chống đối —và việc đàn áp chống đối— cứ sẽ tiếp diễn, trong khi đối với đại đa số dân chúng chế độ vẫn chấp nhận được.

HỎI: Điều làm cho tôi thắc mắc nhất chính là điểm then chốt này, điểm dân chúng tán thành chế độ. Tù nhân có thể chịu bị nhốt trong tù, nhưng như thế không phải là y tán thành bị tù. Sự cam chịu không phải là một đồng tình chính trị bình thường. Tại Hung, Tiệp, khắc, đã có khi chỉ cần một viễn tượng hé lộ là chính quyền bị cô lập liền.

ĐÁP: Tại Nga xô, chế độ không do từ bên ngoài áp đặt. Nó được tạo dựng từ nội tại. Tôi đề cập tới con người Nga xô điển thực, con người sinh ra trong chế độ và phát triển trong chế độ. Tôi đề cập tới chủ nghĩa cộng sản điển thực — không còn chủ nghĩa nào khác— thứ cộng sản chủ nghĩa hiện diện cụ thể trên đất Nga. Thứ cộng sản chủ nghĩa đó thích hợp với tôi đại đa số dân chúng. Dân số Nga gồm 250 triệu người. Ít nhất cũng có 50 triệu người được ưu đãi, gồm những bộ trưởng, bí thư Đảng bộ, chỉ huy dân quân, quản lý quốc doanh, vân vân. Những kẻ này có đời sống chẳng thua gì những tầng lớp ưu thế ở Tây phương, họ chẳng phải lo chi hết: điều kiện xã hội được bảo đảm cho họ và cho con cái họ. Họ giấu kín những đặc quyền (có nơi cung cấp nhu yếu riêng, được tiếp xúc với văn hóa Tây phương vân vân), chỉ riêng họ được hưởng. Còn những giai tầng thấp trong xã hội thì trước hết họ rất bằng lòng đời sống đơn giản. Đời sống xã hội là một chuyện phức tạp đòi hỏi một thời gian hấp thụ dài lâu. Tại Nga xô kỹ thuật hấp thụ rất đơn giản. Từ

ngày đến Tây phương tôi khám phá thấy đời sống tại đây phức tạp hơn nhiều.

HỎI: Đời sống trong ngục tù cũng đơn giản lắm chứ.

ĐÁP: Quả tình đời sống tại Nga xô giống như trong tù, nhưng cũng có khác. Chẳng hạn như dân chúng kiếm được rất ít nhưng họ phải làm việc cũng ít. Họ không cần có những tự do chính - trị cá nhân, còn đối với những tự do khác thì họ có những cái khác để điền khuyết (sự tục tằn, tật nghiện rượu, lối sống buông thả), những điểm này chứng tỏ sự sa đọa của dân chúng, nhưng cũng h ợp với dân chúng đó.

HỎI: Thế còn lý thuyết, cái cung cách tư tưởng chẳng khoa học mà cũng chẳng có màu sắc tôn giáo, lý thuyết giữ vai trò gì ở trong chế độ ?

ĐÁP: Lý thuyết là công cụ nắm giữ lương tri của đám đông. Tại Nga xô đó là chủ nghĩa Mác—Lê. Đó là một lý thuyết rất dễ thấm, đơn thuần, bất nhất. Lý thuyết đó có thể đưa ra biện minh cho bất kỳ một hành động nào. Nó nuôi sống khá nhiều người: triết gia, ký giả chuyên xách động, nhà văn, văn vân... Nhờ nó nhà cầm quyền có thể núp sau một thứ lý do tối thượng để lẩn tránh trách nhiệm. Nhờ nó mà quần chúng có thể có thái độ thờ ơ. Nó giẹp bỏ được nhu cầu tư tưởng, nhu cầu bày ra những vấn nạn tinh thần, chính trị, văn vân... Tôi cũng nói thêm rằng tình trạng lý thuyết đè bẹp mọi người chỉ có bề ngoài mà thôi, ai ai cũng có thể tránh né được.

HỎI: Nhưng tránh né cơ quan K G B và công an chắc khó khăn hơn ?

ĐÁP: Công an, K G B, là những thành quả của xã hội cọng sản. Thật vậy, nguyên lý của chế độ là quyền lợi tập thể ở trên quyền lợi cá nhân. Thành ra trong mỗi cơ cấu xã hội đều có sự đàn áp. Nếu không có tổ chức công an bao trùm toàn quốc thì ở mỗi nơi như công xưởng , học viện, đều tự nhiên nảy sinh một hệ thống công an riêng. Mỗi hệ thống này xem ra còn ghê gớm hơn KGB. Những tổ chức đàn áp địa phương đó tạo nên chế độ đàn áp toàn quốc, của tập thể đè lên đầu những cá nhân.

HỎI: Ông cơ liên tưởng tới thuyết của Hobbes và Montesquieu không ? Qua hệ thống xô-viết người ta có cảm tưởng Nhà Nước buộc mọi người phải đối đãi với nhau như lang sói, đúng như là thuyết của Hobbes. Và không có một cản trở xã hội nào ngăn tình trạng độc đoán, đúng như thuyết của Montesquieu.

ĐÁP: Công thức của Hobbes: "Người với người như lang sói", nếu áp dụng trong xã hội cọng sản Nga sẽ thành: "Người là một đồng-chí-sói đối với người..." ! Trên thực tế tập thể nguyên - thủy, cơ cấu xã hội cơ bản (xưởng máy, học viện...) đàn áp ,

nhưng cũng chu toàn cho mỗi cá nhân. Nếu cá nhân tách rời khỏi tập thể sẽ mất hết. Tuy nhiên sự chu toàn cho cá nhân do tập thể phải trả giá rất mắc : con người bị buộc phải sống trong khuôn phép của tập thể đó.

HỎI: Phân tích như vậy, phải chăng ông muốn chứng minh rằng cộng sản chủ nghĩa đích thực hữu hiệu. Nhưng như vậy có "bình thường" không ? Một cơ thể bị ung thư tôi thấy chẳng bình thường chút nào.

ĐÁP: Tôi dùng từ "bình thường" là để đối lại với quan điểm cho rằng xã hội cộng sản do một nhóm người áp đặt lên đầu cả một dân tộc. Rằng một dân tộc thông minh, đại lượng, tốt, bị một đám đầu trộm đuôi cướp đàn áp. Thật ra đã có một cơ cấu xã hội tự nó phát triển trong lòng đời sống dân chúng. Chế độ hiện tại là sản phẩm do hàng triệu người tạo nên. Nhiều người cho rằng cứ đem tự do đến cho dân Nga là họ sẽ nổi dậy lật đổ chính quyền hiện tại. Đối với tôi nghĩ như vậy hoàn toàn ngu xuẩn. Tôi rất thích hình ảnh ung thư, nhưng cần phải nói rõ rằng xã hội cộng sản Nga là một cục ung thư đang phát triển trên cơ thể của toàn nhân loại. Xã hội cộng sản Nga như thể một thứ tầm gửi mọc ra trên nền văn minh Tây phương. Nó được tạo dựng nên theo mô hình Tây phương, nhưng nó bám vào cơ thể Tây phương và lợi dụng.

HỎI: Ông có cho rằng tổ chức tầm gửi đó mang tánh cách lấn lướt, chinh phục?

ĐÁP: Trong nội tại tổ chức cộng sản có khuynh hướng phát triển. Cơ cấu của nó đẩy tới việc tràn lấn. Không riêng tràn lấn ở trong nước mà tràn ra khắp thế giới. Muốn cho cách sống cộng sản tồn tại thì phải giệp hết mọi khả năng so sánh với những cách sống khác. Phải thanh toán hết những gì tốt đẹp hơn, hoặc phải tách biệt hẳn ra. Chỉ có cách duy nhất đó mới khiến cho đời sống ở Nga xô có vẻ toàn thịnh. Nhất định phải tiêu diệt hết những mức sống cao hơn. Muốn vậy, Nga xô phải kéo bức màn sắt xuống, để không thể so sánh với bên ngoài, hoặc hạ những nơi khác xuống cùng một mức với Nga xô. Mặt khác, chế độ đàn áp tại Nga xô gây nên tật háo thắng nơi những người cầm quyền Nga. Chúng muốn cai trị cả thế giới. Tật này lây sang những con người bậc trung khác. Họ thích dạy người khác sống. Chúng ta đã thấy có những người Nga tị nạn muốn dạy bảo các lãnh tụ Tây phương ! Tôi khuyên các tổng thống Carter, Giscard d'Estaing và Schmidt đừng nên nghe những lời khuyên của chúng tôi !

MẶC ĐỖ *dịch.*

Tiếng chim giữa trời

ĐĂNG KHOA

Chiều chủ nhật, bốn người rủ nhau ra hồ để bơi thuyền. Họ lái xe ra ngoại ô thành phố, chọn một khu vực thật yên tĩnh. Đi chung với Thụy, Chương và Thu Hạnh là Vân, em gái Chương, mới dọn đến đây ở.

Hạnh mặc một chiếc áo pull màu xanh nhạt. Tóc nàng cột thành một búi về phía sau nên càng nổi bật nước da trắng. Chương vẫn hay nói đùa với bạn bè một hai lần là từ khi quen thằng Thụy, tao thấy Thu Hạnh ăn diện dữ quá. Nhưng hôm nay, Thụy thấy Hạnh rất giản dị. Và có lẽ vì thế, ra ngoài đồng trống, trước cảnh gió chiều. Thụy thấy Hạnh có một vẻ gì như xơ xác, yếu đuối hơn vẻ bình thường.

Thuyền vừa ra khỏi bờ được một chút. Vân đã kêu ầm lên vì lạnh. Chương cằn nhằn :

- Đã bảo mang theo áo lạnh mà không chịu nghe.

Thụy nói đùa :

- Để Vân tập chịu đựng với cái lạnh của vùng này là vừa. Không

lâu đâu, chỉ vài tháng nữa thôi.

Vân biểu môi :

- Vân đâu sợ lạnh, chỉ sợ gió thôi.

Hạnh cởi chiếc áo khoát ra đưa cho bạn. Vân hỏi:

- Hạnh không sợ lạnh sao ?

Hạnh lắc đầu. Nàng nheo mắt nhìn về phía xa. Ở bên kia bờ hồ là một rừng thông, ở đó ánh nắng mặt trời đùa giỡn qua từng kẻ lá xanh. Ở đây êm đềm như thế đấy. Nơi lý tưởng cho người muốn quên đi cái ồn ào náo động của sinh hoạt mỗi ngày.

Chương lúi húi xếp đặt dụng cụ đi câu trong lúc Thụy tiếp tục chèo thuyền. Hạnh chỉ về phía bên kia bờ:

- Anh Thụy chèo về phía bờ bên kia đi.

Vân tán thành:

- Ừ, đẹp lắm.

Chương kêu ầm lên:

- Lại đi vào bờ thì làm gì có cá để câu.

Vân hỏi vặn:

- Nước trong như thế này, thấy cả đáy hồ không biết có cá hay không.

- Cứ thử sẽ biết ngay.

Chương đưa cho Hạnh và Vân mỗi người một chiếc cần câu. Xong hắn ta khoanh tay lại, hai con mắt lim dim như mơ ngủ. Trông thằng này ngồi yên không làm gì cả, thấy nản dễ sợ. Không biết nó có thể yên lặng được năm phút không. đấy.

Vân kể qua vùng biển Vân đã ở trước khi dọn đến. Người ta không phải chỉ biết bơi thuyền ra hồ ngắm cảnh. Người ta có thể đua thuyền, trượt nước, bơi lội, nhiều nhiều lắm. Vui lắm. Ở đó cũng có nhiều người Việt nữa. Nhưng học xong trung học thì ba mẹ bảo Vân lên đây học, ở chung với anh Chương.

- Sao mày không xuống dưới đó học hả Chương. Như vậy có phải vui hơn không ?

Vân ẩm ừ tán thành. Chương nhìn Thụy :

- Còn mày thì sao, ở đây bao nhiêu lâu rồi cũng chưa biết chán.

Bởi lẽ tao mọc rễ ở đây lâu rồi Chương ạ. Thụy bâng quơ nghĩ đến có thể một ngày nào đó, mình sẽ từ biệt nơi này. Chắc chắn sẽ không phải là một cuộc chia tay có nước mắt hay buồn như khi xa Sài gòn. Nhưng nơi đây Thụy đã từng gửi gắm những kỷ niệm vui, đã lưu lại một đoạn đời buồn. Có dấu vết, có kỷ niệm là có nhớ nhung tiếc nuối. Những ngày mùa đông ảm đạm đến độ Thụy chỉ muốn bỏ đi lập tức, nhưng vì việc làm, chưa thể đi đến một nơi lạ cho một cuộc thử thách mới, nên rồi cũng loanh quanh ở đây. Và nghĩ đến lúc mùa đông sẽ qua đi, đến mùa hè sẽ đi đến, cũng có thể làm lòng người quên bớt một phần hiu quạnh. Tuy vậy, có lẽ mai kia, vì một mục đích hay chẳng vì một mục đích nào rõ rệt, Thụy sẽ bỏ đi. Thụy quay lại nhìn Hạnh, chưa bao giờ hai người nói với nhau về điều này cả.

Hạnh nói, Hạnh có một người chị ở California, có rủ Hạnh xuống dưới đó chơi nhiều lần. Có thể giáng sinh năm nay, Hạnh sẽ xuống ở một tháng.

Chương cười trêu chọc:

- Hạnh xuống dưới đó ở lâu như vậy chỉ sợ trên đây lại có người đi theo.

Và hắn nhìn Thụy cười hóm hỉnh. Vân chêm vào:

- Dám lắm ạ, biết đâu Hạnh xuống đó ở luôn không quay trở lại nữa.

Hạnh thẹn cười đỏ mặt. Thụy cũng chỉ biết nhìn bạn mỉm cười. Nếu lúc đó Thụy quay về phía Hạnh, có lẽ đôi mắt hai người đã gặp nhau. Và Thụy đã có thể đọc được trên đôi mắt to một điều gì đó, chẳng hạn như "mãi đến giờ mới chịu nhìn người ta". Nhưng chỉ thế thôi, sau cái cười ngắn ngủi rồi chỉ là một sự yên lặng, không ai nói gì thêm.

Một câu nói trêu chọc của bạn bè có nghĩa lý gì đâu, có đáng gì đâu hở Thụy. Tuần trước, có dịp lên trường, vừa gặp mặt Thụy, Larry đã giơ hai tay lên trời tỏ vẻ hớn hở:

- Tuần trước lên phố tôi có thấy bạn đi với *girlfriend*. Thảo nào lâu nay không có dịp gặp mặt.

Thụy chỉ bỏ qua, không tỏ vẻ đáp ứng với câu nói đó. Nếu có hỏi thêm để thấy Thụy yên lặng, chắc Larry phải ngạc nhiên.

Chuyện hai người quen với nhau, đi chơi với nhau nhiều lần, bạn bè đều biết. Nhưng có lẽ không ai biết chuyện buổi tối hôm đó, họ đã hôn nhau, và từ đó đến nay qua nhiều lần gặp gỡ vẫn chưa tiến thêm được bước nào. Có một động lực nào đó làm Thụy phải lui lại một chút, và cảm giác nghi ngại mình có lẽ đã đi lố, cái bất mãn ngầm với chính mình vì vẫn chưa hiểu rõ chính xác những gì mình muốn theo đuổi là mới đây vò âm ỉ trong lòng Thụy.

Thu-Hạnh vẫn cắn móng tay. Cặp mắt nàng vẫn đăm đăm nhìn về phía xa, và Thụy chợt ước ao có thể đọc được những gì Hạnh đang nghĩ lúc đó.

Một tiếng chim giữa không gian bao la phá tan sự yên tĩnh. Chắc đó là tiếng kêu của một con chim lạc đàn, Thụy tưởng như đang nghe một lời than gọi vì lạc lõng, yếu đuối. Và lại thêm một lần, Thụy thấy rõ cái hờ hững, phẳng lặng của đời sống, của chính mình.

Cảm giác âm ỉ đó kéo dài cho đến tới khi Thụy trở về phòng. Cầm trên tay bức thư do mẹ viết, Thụy lạnh người đi khi nghe tin bà Thụy qua đời sau một cơn trọng bệnh ở quê nhà cách đây hai tháng.

ĐẶNG KHOA

(Trích truyện dài TÌNH KHÚC BUỒN)

lưu lạc

Lá rơi từng cánh, gió vun sầu
Trăng quạnh, sông buồn, chạy mãi đâu?
Vận nước nổi trôi, cồn bạc sóng
Tin nhà xa khuất bãi xanh dâu
Thương thân lưu lạc sương pha áo
Xót bước ly hương tuyết nhuộm đầu
Bạn tác cách xa người mỗi ngả
Áo thơ ngày cũ cũng phai màu.

CAO TIÊU

nhớ người

Xưa ta về, đường mòn, bước nhỏ
Chiều qua mau sáng ánh điện vàng
Sáng mắt ai dịu dàng trước ngõ
Mắt trông nhau lòng bỗng rộn ràng

Xưa ta về, trời mưa ướt lối
Ngập ngừng theo nhau, biển động buồn
Lá lao xao tình nghe rất tội
Sóng lênh đênh, ngậm khói, mưa tuôn

Nụ tình thơm ép vào cuối vở
Lời hẹn hò gửi ngọn cây cao
Hồn tan theo giọt mưa bỡ ngỡ
Mất dõi theo chiếc lá lao đao

Nay ta về, đường xa, người lạ
Ngậm khói sương đếm tháng năm rơi
Đốt que diêm tìm người trong lá
Thấy đất trời xa, lòng rối bời.

NGUYỄN THỊ MƯA SA

xứ sầm sét

VÕ ĐÌNH

Phía đông-nam tiểu-bang Tennessee, Hoa-kỳ, siêu lộ 403 đưa về đường quận Williams số 7. Bốn dặm xa hơn, miền bắc gốc đồi đường ấy, gần đến làng Tamoras, nếu du khách tình cờ nhìn lên phía trái sẽ thấy núi South Mountain.

Núi này chẳng có gì là kỳ vĩ. So sánh với nhiều rặng khác trong dãy Blue Ridge, nó vừa thấp, vừa ngắn vừa hẹp. Điều đáng chú ý là cái đẹp độc đáo của nó. Ở xa đến, nhìn thấy nó lần đầu tiên, người tinh mắt không khỏi bỡ ngỡ. Mùa nào cũng thế, núi thường có "sắc" đen. Ngay cả đầu xuân khi núi xanh rờn, đến giữa thu khi núi vàng đỏ rực, nhìn rặng South Mountain ta có cảm tưởng đó là một con cá sấu vĩ đại *đen huyền* lổm ngổm bò xuống nước. Khi trời mưa gió, sương tuyết, hình ảnh đó càng thêm rõ rệt. Cả những buổi trời tốt, màu đen toát ra từ bên trong thân núi, tương phản dữ dội với những đám mây trắng tuyền lúc nào cũng lảng đảng bên trên.

Còn cái đẹp thời tiết của South Mountain thì chỉ có "thổ dân" mới biết đến. Từ cuối tháng năm cho đến đầu tháng một, mưa nắng vùng núi đó thất thường, nhưng mê hoặc, như một vương hậu khó tính. Không một tuần lễ trôi qua mà không có mưa lớn, sấm rền từ đầu núi đến cuối núi, chớp rực trời, và sét đánh long óc. Rồi chỉ vài giờ đồng hồ sau, trời quang mây tạnh, cả vùng núi đồi sáng rực lên như một bức họa khảm xà cừ.

Ở dưới chân núi ấy, trên quốc lộ số 7 chừng nửa dặm, trước kia là nhà ông Jim và bà vợ người Việt của ông, bà Lan.

oOo

Bà Lan đứng trước tấm gương lớn, phản chiếu toàn thân, chậm rải chải tóc. Đã ngót lục tuần -- bà đúng năm mươi bảy tuổi năm con Mèo đó -- tóc bà vẫn còn khá xanh, có đứng gần nhìn kỹ mới thấy lốm đốm vài sợi bạc. Trên ba mươi năm trôi qua từ khi bà đến xứ này, từ cuối xuân Ất-Mão ba giáp trước, bà vẫn cõn thích mặc áo quần lối cũ: mùa ấm ở nhà, quay đi quẩn lại chỉ có bà ba trắng quần đen.

Bà Lan dang cao tay chải ngược tóc về phía sau. Ngực bà căng lên sau lần vải mỏng, đường eo của bà thóp lại một tí, chỉ một tí thôi, lăm hông bà càng đầy đặn thêm, mịn màng thêm. Những đường cong duyên dáng chín muồi đó càng làm cho sắc mặt bà thêm vẻ hao gầy xa xăm. Bà Lan là một người đàn bà đẹp. Nhưng khuôn mặt bà, vốn là một khuôn mặt bầu bĩnh hiền hậu, tựa tựa như những dung nhan bồ-tát trong điêu khắc đời Đường, lại đeo nặng thêm những nét phi phạm thừa thãi. Hóa-công là một nghệ-sĩ tài ba nhưng nghiệt ngã: sau khi tạo nên được một tác phẩm dung-dị, viên mãn như thế, lại tiếc rẻ vung dao khắc thêm vào đây đó một đôi chấm phết, những vết rạch, tuy vô cùng tinh vi kín đáo nhưng cũng đủ để phanh phui lộ lồ cái thế giới phức tạp bên trong của bà Lan. Bà có cái đẹp của một cánh rừng già về chiều: mênh mông thu hút, nhưng bàng bạc một nỗi hoang vu bất trắc, hằn sâu vết nét tang thương.

Trên ba mươi năm, bà đã cười đã khóc, đã chờ đợi đã tuyệt vọng ở đất người. Những năm tháng đó như giòng thác lũ, vừa lấm tràn đầy vừa làm bức rức thân xác và tâm hồn bà. Chỉ cái cử động đơ cao tay chải tóc của bà, làm mệt mỏi thêm, làm quyến rũ thêm nét cong của vai và eo bà, cũng đủ phơi bày sự căng phồng đầy đe dọa của một sức đam mê quằn quại. Sức đam mê của một nỗi khát khao vô tận, cho đến ngất ngư, mà chính bà cũng không ngờ vực được.

"Không phải là ông ấy không biết thế...", từ một khóe sâu nào đó trong tâm khảm có khi bà Lan tự nhủ. Bà không trách móc chồng. Bà yêu chồng, kính chồng. Bà biết ông Jim, chồng bà, cũng yêu bà sâu xa, với một tình yêu bền bỉ và rộng rãi. Hai ông bà gặp nhau, thương nhau lấy nhau từ ba mươi mấy năm, từ ngày bà mới đặt chân đến xứ lạ này sau cơn biến động vĩ đại ở quê hương bà. Ông Jim là một người có kiến thức, một giáo sư; ông yêu sách, yêu nhạc, yêu thiên nhiên, đời sống nội tâm của ông phong phú. Hai ông bà sống với nhau ngót bốn mươi năm, chia sẻ gánh vác cùng nhau bao nhiêu sự việc lớn nhỏ, tình tự vui

buồn. Nhưng ông Jim là một người bản xứ, gốc gác Đức quốc. Trái tim và trí tuệ đã tỏ ra bất lực không giúp ông thỏa mãn trọn vẹn được những tò mò khát khao của ông mỗi lần ông muốn đi phiêu lưu thêm sâu vào tâm hồn người vợ yêu.

Có lúc nhìn vợ, ông Jim bâng khuâng, xót xa. Song cả đời với nhau mà có lúc ông đành thót thấy mình nhìn vợ chẳng khác gì người ở trái đất đứng nhìn mặt trăng. Gần gũi nhưng xa xôi, yêu kiều mà lạnh lẽo: mặt trăng lúc nào cũng chỉ xoay một khuôn mặt về trái đất. Những nhà tinh-tú-học đều quả quyết phía bên kia mặt trăng thực cũng chẳng khác gì phía bên này. Cũng núi non, cũng vực thẳm, những khoáng chất cũng tựa tựa như nhau. Ông Jim biết thế. Nhưng nhìn vợ dang tay chải tóc, vú còn nở đầy dưới làn vải phin, lòng ông nôn nao, bất an. Ông ngờ vực biết đâu phía bên kia mặt trăng lại chẳng có lâu đài lớp lớp, có đường rộng trải đá hoa, có hoa nhài hoa quỳnh đêm đêm ngát hương. Những mùi hương mà mũi ông chưa bao giờ được phập phồng đón nhận.

oOo

Khi ông Jim quay về phòng làm việc thì bà Lan thay áo quần ở nhà -- áo bà ba trắng, quần lụa đen -- để mặc vào sơ-mi tay vãng, váy vải thô nâu, và đi ủng da đen cao đến gối. Từ ngày ba người con khôn lớn, lập gia đình, ở riêng, bà Lan rỗi rảnh nhiều ra. Ngoài công việc nội trợ bà còn có thì giờ đọc sách, trồng rau, trồng hoa... Dạo sau này, bà lại có một thú vui mới: đi bộ một mình lên rừng. Nhà ông bà tọa lạc trên sườn đồi; leo lên núi South Mountain phía sau --- bà Lan gọi là "Nam-sơn" -- chỉ mất độ nửa giờ, bốn mươi lăm phút. Bà Lan nghĩ cười một mình. Bà không cưỡi ngựa, bà không uống rượu, cũng chẳng có việc lớn "bất đắc ý" như người bạn thiết (Mạnh Hạo Nhiên chăng) của Vương Duy, bà cũng vẫn phải "Qui ngọa Nam-sơn thủy" chẳng khác chi cổ nhân !

Ban đầu, nếu thì giờ cho phép, ông Jim thường hay cùng đi với bà. Nhưng từ hai năm qua, từ ngày ông được nâng lên lãm khoa-trưởng ở trường ông dạy, ông bận bịu hơn trước nhiều. Không muốn phá rầy chồng, bà Lan thường đành đi một mình. Năm thì mười họa, ông Jim mới cùng lên núi với vợ -- go up to *The Mountain*. Cả hai ông bà cùng nói hai tiếng *The - Mountain* một cách gần gũi quen thuộc, như thể núi đó là vật sở hữu, một kẻ thân thích ruột rà của họ. Từ ngày các con đủ lông cánh, rời tổ ấm, ông bà ngoài công việc chỉ lủi thủi với nhau, và "Nam sơn" đã trở thành một kẻ thứ ba trong khung cảnh núi đồi cỏ cây hoang tịch và biệt lập ấy.

Nhưng ông Jim là một người tinh tế: linh tính cho ông biết vợ ông yêu núi không phải chỉ vì đó là bối cảnh của những chuyện cuốc bộ bồi bổ cho sức khỏe thân xác và tâm thần một người đàn bà đến tuổi hoàng hôn. Ông đoán chắc thế nào bà Lan cũng đã tìm được trên núi ấy một xúc động nào đó, một thích thú, khoái cảm khác thường nào đó mà ông chỉ lờ mờ hiểu được căn nguyên.

Ông lờ mờ hiểu được, nhưng ông không muốn đi xa hơn, tìm hiểu thêm. Có thể ông kín đáo cố ý để dành sự riêng tư, cách biệt ấy cho vợ như một cái quà quí. Một cái quà trên trời rơi xuống mà thành thực đối với mình ông biết ông không có đủ điều kiện, may mắn, tự mình tậu lấy được để chính tay mình trao tặng vợ. Cũng có thể ông e ngại, vì vụng về hay bất cẩn, biết đâu ông sẽ làm cho bà tổn thương, cho niềm riêng ấy của bà sứt mẻ rẻ rúng đi chăng.

Nhưng vị giáo sư già yêu vợ thắm thiết. Mỗi lần biết bà Lan sửa soạn để "go up to The Mountain", ông lại thấy nhem nhúm trong lòng ngọn lửa sắc lạnh ác nghiệt của ghen tuông. Nhưng lần nào ông cũng lại vội vã dụp tắt nó ngay: ông nghĩ rằng mình có bổn phận đối với một người đàn bà, người vợ, đã thủy chung cũng sống trong thông cảm và hạnh phúc ngót bốn mươi năm trường. Vậy thế mà có lúc ông không tránh được băn khoăn: mỗi lần bà Lan đi chơi núi về, mặt bà thoáng có nét vui đầy, mắt bà long lanh, môi bà hé mở, hơi thở bà hấp tấp nồng nàn. Ông cầm tay vợ, thấy ấm nóng khác thường. Và khi tối đến, người đàn bà đoan trang, người vợ hiền thục ngót lục tuần ấy, gần gủi ông, thách thức ông, trao tặng ông một cách khẩn thiết, gần như ngấu nghiến, hung hăng. Ông chào đón vợ với tất cảcái cung cách trang trọng tất cả cái vuốt ve kiên nhẫn và chu đáo -- trong đó có che dấu, gói ghém những lỡ lầm thô bạo cố tình ! -- của một người đàn ông từng trải, một người chồng biết yêu vợ. Và ông lại tiếp tục dụp tắt ngọn lửa sắc lạnh của nỗi ghen tuông vô cớ mỗi khi nó mới lóe lên.

Vị giáo sư già khôn ngoan, chờ đợi một cơ hội. Không phải chỉ để hiểu tại làm sao lại có sự thế như vậy ở vợ ông. Hơn thế nhiều, ông chờ đợi một cơ hội hé mở cho phép ông lách được vào cái thế giới bên kia của bà Lan, bên kia mặt trăng, nơi ông nghĩ biết đâu có lâu đài lớp lớp, có đường rộng lót đá hoa, có hoa nhài hoa quỳnh đêm đêm ngát hương...

oOo

Bà Lan sợ rắn mà vùng đất này, ở miền Nam, bà thường nghe nói

có giống rắn rung chuông rất độc. Bà vừa đi vừa thỉnh thoảng quất mạnh chiếc roi bách-hương vào bụi rậm hai bên đường mòn. Nhưng bà Lan thừa biết tim bà đập mạnh không phải vì bà sợ rắn. Cũng không phải vì bà sợ cánh rừng đang hé dần, mở dần trước chân bà, đón nhận bà. Tim bà đập rộn ràng vì bà cảm nhận mờ mịt rằng bà chúi ngã theo một sức thu hút mãnh liệt nào đó đang làm cho bà đê mê túy luý. Bà càng rảo bước lối mòn càng hẹp lại, càng chập chùng, sắc rừng càng tối tăm u ám.. Xa trên kia, bà Lan chỉ thấy thoi thóp những điểm nắng chiều sáng rực như vũng nước, lung linh, rung rinh với những đọt cây cao. Bà không ngờ sau trận mưa chiều dữ dội thế mà nắng lại hé lên. Bà vẫn biết mùa hè vùng này thường có mưa lớn và sấm sét bất ngờ. Ông Jim gọi đùa là *Thunder Country*. Nhưng bà Lan thấy *Thunder* thì chưa đủ; chẳng lẽ lại gọi là *Thunder AND Lightning Country* bà mới cầu cứu đến tiếng mẹ đẻ: Xứ Sấm Sét. Bà nhớ đến Trần-tế-Xương :

Đã không chớp bể với mưa nguồn,
Đem não đem nao tớ cũng buồn...

và thấy gần gũi với quê hương hơn.

Một hôm, lâu lắm rồi, mới dọn đến nhà này, bà Lan cùng chồng đi bách bộ. Hai người dừng chân ở cuối vườn, gần thửa ruộng *rye*, nhìn lên ngôi nhà cũ kỹ đơn độc trên sườn đồi. Hình ảnh khắc sâu trong lòng bà Lan chiều nắng tắt đó: sau nhà, những vòm cây lớn của núi "Nam-sơn", những cây *ash, locust, tulip,* vươn lên cao gấp hai gấp ba mái nhà, chụm lại thành những thành trì hình mũi kiếm, sừng sững, đen ngòm. Những thành trì cây lá ấy khiến bà xúc động là thường, liên tưởng đến những tháp chùa Phổ-Minh ở Nam-định, Bình-sơn ở Vĩnh-yên, Thiên-mụ ở Huế... Bà nghĩ rằng một ngày nào đó trong tương lai xa xôi, có thể là trong một kiếp sau, nếu bà được thấy tận mắt, nhìn tận mắt những tháp chùa đồ sộ cao quí của chốn quê cha đất tổ ấy, bà cũng sẽ xúc động như bây giờ: bà cũng sẽ rờn rợn chan chứa một niềm chiêm ngưỡng vừa âm thầm vừa nôn nao như thế.

Đường mòn mỗi lúc mỗi gồ ghề cheo leo mà bà Lan không chùng bước. Cỏ dại mọc lan tràn lối đi. Hai bên đường mòn, nước mưa chảy xiết thành con suối nhỏ; đất sét lún dần, để lộ những tảng đá tím, xám, nằm ngơ ngác,, chênh vênh. Bà Lan thở mạnh, thở gấp, thấm mệt. Nhưng đó là cái mệt bà khao khat, cái mệt đã nhiều năm nay bà cần đến như bụng đói cần miếng cơm, bát canh. Bà mệt nhưng bà cảm thấy sảng khoái, rạo rực từ kẻ tóc đến móng chân. Vì trước mắt bà đã lộ ra thân hình vĩ đại của cây sồi già. Khi bà Lan bước vội đến, dừng lại, tần ngần, rồi dang hai tay ôm lấy thân cây, thì trời lại bắt đầu mưa nặng hạt.

Cây sồi hùng cứ một khoảng rộng lớn. Từ đám rễ bự, lồm ngồm chen chúc nhau như lũ giao-long mắc cạn, thân cây cuồn cuộn vươn lên

tựa những bắp thịt căng chắc của một lực sĩ khổng lồ, một sơn thần, rồi tỏa ra, bung ra, thành trăm ngàn cành nhánh, phóng về tứ phía, mất hút trong biển lá tối om. Chiếm ngưỡng cây đại thụ trong mối chuyến leo núi, bà Lan đã có lần mang máng hình dung đức Thích-Ca ngồi thiền định dưới cây, có khi bà lại thấy vua Hùng vua Ngô chống gươm quì nghỉ trên một gối... Cây bao nhiêu tuổi, bà không cần biết. Bà chỉ nghĩ rằng đời cây đã bắt đầu từ ngày mặt đất chưa in dấu người. Và cứ thế, đã từ lâu, bà yêu thương cây sồi già ấy như bà mẹ yêu thương một miền quê cha đất mẹ, qua thời gian không gian, đã đâm rễ kết cành ở đây để ngày mai che chở ôm ấp bà ở nơi tha phương.

Bà ôm lấy cây đại thụ. Vòng tay bà không choáng hết một phần tư, một phần năm thân cây. Bà gục mặt vào vỏ cây nức nẻ, và lòng bà nức nở. Ôi, cây sồi già với thân cây bao la, vòm cây mênh mông... Bà Lan cảm nhận rõ ràng tuổi sống và sinh lực của cây đã bắt đầu rỉ ra chuyền sang bà, miên man chạy vào cơ thể bà, như nước biển chuyền sang một con bệnh thập tử nhất sinh. Bà ấn sát người vào thân cây, hai chân ghì lấy cây. Toàn thân bà run rẩy, rạo rực. Vỏ cây sồi, cứng như đá, gồ ghề sắc cạnh như vảy cá sấu , lấn sát vào ngực bà, vào bụng, vào đùi bà. Nhưng thay vì đau đớn, bà chỉ có cảm giác rực rỡ của một sự chuyền giao ban đầu còn nhẹ nhàng từ tốn nhưng mỗi lúc mỗi ngập lụt. Mưa đã lấm cho tóc bà ướt rũ rượi, nước chảy xuống vai, xuống lưng, chảy cùng, chảy ướt dầm toàn thân.

Bà Lan rùng mình ớn lạnh, nhưng bên trong bà hừng hực bốc cháy. Bà muốn cào cấu, cắn xé, cho đến khi thân cây sồi toét ra một lỗ lớn để bà chui vào, nằm gọn trong ấy, co quắp chân tay, để đầu bà gục xuống ngực, để gối bà đè lên vú, để cho lưng, cho hông bà cuốn lại thành một khoanh tròn, cho toàn thân bà trở thành một khối đầy ắp, nằm yên, mê mệt, trong gốc cây đại thụ trăm ngàn tuổi thọ. Rồi trong giấc mê mệt đó, bà sẽ thấy mình lơ lửng không cùng, vượt thoát khỏi những tình cờ của kiếp sống, những sắp đặt của con người, bà sẽ nương theo huyết mạch cây sồi già để bơi về một cội nguồn miên viễn.

Bà muốn thế, biết thế, nhưng bà không thể làm như thế được. Bà càng ôm lấy cây sồi già vĩ đại như nếu buông nó ra bà sẽ tiêu tan đi mất. Như thế có thể bà, toàn lẽ hiện hữu của bà đang được trì-dưỡng bởi tinh túy và hơi ẩm tiết ra, phóng ra, từ thân cây đại thụ. Bà đê mê, ngất ngư. Bà đưa tay lên, nhe răng, cắn đau điếng; nếu không bà sẽ rên siết, kêu la vang rừng. Nước mắt bà trào ra, hòa với nước mưa, chảy rõng...

oOo

Cùng trong lúc đó, sét đánh một tiếng long trời, mưa căng tầm tã. Cứ thế mưa như cả một đại-dương lật ngược, đổ ập xuống. Sấm rền vang, chớp loè sáng rạch nát trời, và sau mỗi cái chớp, tiếng sét xé tai ông Jim.

Thấy trời đổ mưa lớn, mà bà Lan chưa về, ông giáo sư già mặc áo đội mũ lên rừng đón vợ. Tuy sức khỏe ông còn dồi dào ở tuổi sáu mươi, nhưng vì không thường xuyên hoạt động chân tay, ông Jim leo chưa hết nửa đường núi, leo vội vã, ông đã thở dồn. Áo mũ ẩm ướt, ông vừa lạnh vừa mệt. Nhưng biết vợ còn ở phía trước, -- bà Lan tự lúc nào vẫn khiếp đảm khi có sấm sét -- ông vẫn toàn lực tiến lên.

Quanh một ngã queo chín mươi độ, ông Jim bỗng dừng lại: vợ ông, bà Lan, người đàn bà Á-đông nhỏ nhắn, thân thể áo váy ướt dầm, hai tay ôm choàng lấy cây sồi như dán chặt vào thân đại thụ. Ông lại gần hơn. Nhưng vì mưa lớn, sấm sét rền trời, bà Lan không hay không biết. Tóc bà xõa dài, ướt mềm, vai lưng bà lồ lộ dưới làn áo vàng mỏng dính sát da. Bỗng nhiên lòng ông Jim trần trề, rạt rào thương vợ. Ông tưởng như ông đã rốt cuộc thấy được cái căng phồng của sự đắm mê quằn quại bấy lâu nung nấu người vợ già. Lấy nhau đã gần bốn mươi năm, chưa bao giờ ông thấy thương vợ, yêu vợ như trong giây phút ấy ! ông tiến gấp, dang hai tay ôm lấy vợ. Bà Lan kinh hoàng bật kêu một tiếng khẻ, quay lại. Nhận ra chồng, bà nức nở lao trọn mình vào vòng tay người đàn ông râu bạc.

Chiều đó, trong rừng núi "Nam-sơn", trong tiếng sấm rền trời, trong cơn mưa thác đổ, ông Jim và bà Lan yêu nhau như họ còn ở tuổi hai mươi. Bà Lan vừa ôm ghì đầu chồng vừa khóc. Vai bà chống thẳng vào thân cây sồi già. Bà uốn người hứng nhận trần trề trận gió mưa hung dữ của trời đất, của tình yêu. Và chồng bà lao về bà, lao vào cây đại thụ. cây sồi mà vỏ dày nức nẻ sũ sì cọ sát da thịt mềm mỏng của vợ ông, lao về một thế giới xa hoắc mịt mù bên kia mặt trăng nơi ông đã từ lâu ngờ vực có hoa nhài hoa quỳnh đêm đêm ngát hương mà mãi đến bây giờ, lần đầu tiên, mũi ông mới phảng phất thoáng nhận được mùi thơm.

Bỗng chốc, mưa tạnh hẳn -- cùng lúc với tiếng thét của bà Lan. Tiếng thét cũng tắt ngay, nửa chừng; rồi chỉ còn lại tiếng nấc rên rỉ của đôi vợ chồng già ...

oOo

Một mùa xuân, hơn mười năm sau. South Mountain rực rỡ trong nắng lành. Những loại cây dogwood, redbud, nở rộ hoa, biến cảnh rừng sau ngôi nhà củ kỷ thành một thảm nhung với ba màu, xanh lá non, trắng, và đỏ thược dược.

Ông Jim đã tạ thế mùa thu trước. Còn bà Lan thì các con bà nhất định không thể để bà già yếu lủi thủi một mình nơi quạnh quẻ lâu hơn nữa, đã van lạy bà về ở cùng người con gái lớn có chồng con bên Âu-châu.

Rồi hè năm ấy lại về. Mỗi tuần lại có ít nhất một hai ngày mưa lớn, sấm sét liên miên. Một hôm trời động, cây sồi vĩ đại trên núi "Nam-sơn" bị sét đánh toác làm hai. May vì mưa như trút nước, nên không bị cháy rừng. Sở Kiểm-lâm tiểu bang đã cho xe có xích sắt lên núi, đốn nó xuống và chở nó đi đâu mất.

VÕ ĐÌNH

SÁCH NGƯỜI VIỆT

TRUYỆN KIỀU của Nguyễn Du	3$70
LY HƯƠNG của Võ Phiến và Lê tất Điều	3$50
THƯ GỬI BẠN của Võ Phiến	(hết)
NGỪNG BẮN NGÀY THỨ 492 của Lê tất Điều	3$70
ĐẤT NƯỚC QUÊ HƯƠNG của Võ Phiến	(hết)
THƠ CAO TẦN của Cao Tần	2$50
NGUYÊN VẸN của Võ Phiến	6 $50
ĐÓNG CỬA TRẦN GIAN của Lê tất Điều	4$00
LẠI THƯ GỬI BẠN của Võ Phiến	4$00

Thư từ và chi phiếu xin đề: NGƯỜI VIỆT
P.O.Box 486
Wesminster , CA 92683

cũng vì em

Anh tính ba hoa
tật hay lếu láo
em xinh tươi nên anh phải vẽ vời
trong quá khứ anh mới vừa trung sĩ
giờ tha hương xưng đại úy chịu chơi

anh rửa chén ở nhà hàng khá nhỏ
nhưng bảo em, anh đang học kỹ sư
tháng bảy ra trường
tháng mười có việc
nhà đẹp, xe hơi sắm chẳng mấy hồi

lương anh chỉ độ bốn trăm trước thuế
buộc bụng, thắt lưng, chỏi chút hào hoa
mỗi cuối tuần đưa em đi dạo phố
anh lựa phố nào họ đang có sale

anh thành lừa lọc vì em khó tính
qua xứ người em chỉ thích xa hoa
tụi gian lận mới có tiền tiêu phí
lương thiện như anh, em chẳng ngó bao giờ

xin lỗi vậy, đành ba hoa lếu láo
cưới nhau rồi hư thật sẽ tính sau
ai biết được anh hùng khi thất thế
ai biết anh mai mốt chẳng sang giàu.

NGH. L. (Little Rock)
viết tặng bạn T.H.

Một ngày tại Kiew

Hồi ký của TRẦN THẾ DU

"Đồng quê bát ngát mênh mông Ukraine,
Thùy dương lắng reo bên sông ơ thờ..."

Đó là câu mở đầu rất thơ mộng của một bài hát lời Việt nhạc Nga ca tụng liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Ukraine. Thơ văn của Cộng sản Việt nam, với bọn khướu vườn ăn lương nhà nước, hót còn hay hơn thế nhiều và làm ai cũng tưởng là chỉ việc đến vựa lúa thiên nhiên Ukraine bốc lúa ăn mà khỏi phải trả tiền. Có phần nào là lúa Mỹ hay lúa Gia-nã-đại không thì chẳng thấy khi nào đá động tới... Lại lúc Cút-xếp lên làm trùm đỏ ngự trị tại điện Kremlin, ai nấy đều được nhắc nhở kỹ là họ Cút vốn xuất thân từ Ukraine và đã ngự trị tại Kiev với chức vụ bí thư thứ nhất của ủy ban trung ương đảng cộng sản địa phương. Do đó, trong giấc mơ lớn "mơ Liên xô" của những chú cán bộ Việt nam không khỏi có xen lẫn giấc mơ nhỏ "mơ Ukraine".

Keiv, thủ đô của Ukraine, là tỉnh đứng hàng thứ ba của Nga. Không vì "mơ Liên xô" mà bỉ nhân đặt chân tới Moscou và Leningrad, thì lần này cũng không vì "mơ Ukraine" mà bỉ nhân đi Kiev. Ý nghĩ đi Keiv đã đến bất thần do sự thuận lợi

ề địa thế và điều kiện du lịch: bỉ nhân đang có mặt bên bờ Hắc Hải thuộc xứ Lỗ-mã-ni gần như sát nách với Kiev và từ đó đi Kiev một ngày chỉ cần sổ thông hành mà không cần in chiếu khán trước. Chương trình này cũng do Intourist tổ chức với sự trung gian của cơ quan du lịch Lỗ. Một ngày là quá đủ. Trên một ngày thì lại sợ buồn như hồi ở Moscou và Leningrad...

Vợ chồng một thương gia Pháp đi chuyến trước về cáu thậu lên:

- Đúng là một bọn ngược sát !

- Ai ngược sát ? tôi hỏi.

- Nói đúng ra là chúng nó phá đám. Đi có một ngày mà bọn Nga nó ngâm tôm mãi đến giữa trưa mới cho đưa xe từ phi trường vào Kiev.

Thực tâm tôi không tin rằng bọn Nga phá đám. Ai đã đi Nga một lần thì thấy ngay là cái cung cách lãm việc cẩ rầm cẩ rì chỉ là triệu chứng của bệnh quan liêu. Thêm vào sự nghi kỵ khách ngoại quốc thì triệu chứng ấy trở nên nặng hơn.

Đã mua vé rồi thì đi vậy. Hãng du lịch Lỗ tổ chức chung với Intourist nên phái một nhân viên kèm dẫn chúng tôi suốt ngày hôm đó. Vì công việc bắt buộc mà anh này được phát sổ thông hành chứ không phải người dân Lỗ nào cũng được quyền sờ đến quyển sổ đó. Về vụ này, Lỗ mã-ni nghiệt chẳng kém Liên-xô.

Có điều là từ khi đặt chân lên chiếc Tupolev 134 thì anh Lỗ này không còn kèm dẫn ai nữa, cũng hết ba hoa chổi xể và giữ sự im lặng dè dặt như chúng tôi. Đa có nhân viên Intourist kèm dẫn vã kèm dẫn luôn cả anh ta... Công tác xã-hội chủ-nghĩa như vậy đó: vừa được đi chơi vừa ăn lương nhà nước. Song đi chơi đâu, chứ đi chơi Kiev mỗi tuần mấy lần thật cũng là khổ hình cho anh ta.

Từ phi trường Constantza bên bờ Hắc hải tới Kiev, máy bay chỉ để mất khoảng một tiếng. Khi đến phi trường Borispol, tôi mừng thầm nhìn đồng hồ thấy chưa tới 8 giờ. Hành khách nhao nhao đứng dậy, thu xếp hành lý để chóng ra cửa. Anh nhân viên Lỗ vội ra hiệu cho mọi người ngồi xuống:

- Đợi họ tới.

Hai bên hông chiếc Tupolev có hai chú hồng quân cầm

súng canh không biết tự lúc nào. Ngồi trong máy bay nghe tiếng lịch kịch bên ngoài thì biết là cái thang đang được gắn vào. Hồi lâu vẫn chưa thấy có lệnh cho ra, mấy du khách người Ý dục khéo anh nhân viên Lô:

- Có thang rồi kìa.
- Đợi họ tới !

Anh ta chỉ biết có vậy. Hành khách biết điều không hỏi thêm. Vả kẻ nào dù mới đến Liên xô lần đầu thì trong khoảng khắc cũng hiểu được là ở cái xứ này người ta đặt đâu mình ngồi đấy, đừng có "nhộn". Nửa tiếng qua đi. Mấy cậu "cao bồi tư bản" tóc dài cũng mất cái phản ứng tự nhiên như ở nhà là muốn đập phá cho hả hơi. Vào khuôn rồi đấy... Đám du khách Ý vốn dĩ không biết trật tự là gì cũng chỉ còn biết chuyện hão lùm tum, rồi người nọ tấy máy thảo ống kính máy ảnh ra để người khác lắp lại cho qua thì giờ.

Bỗng mấy người ở hàng ghế đầu rục rịch đứng dậy. Tôi lại mừng thầm vì chưa đến 9 giờ, và còn lâu mới đến ... trưa. Từng người một ra. Có điều lạ là người sau phải đợi mấy phút mới được theo bước người trước. Đến lượt tôi hăm hở bước ra thì bị cản sững lại. Ngay trước cửa máy bay và trên đầu cầu thang, đứng án ngữ phía phải là một sĩ quan cao cấp Nga (lại lon vàng chóe !) và phía trái là một hạ sĩ quan. Anh nhân viên Lô sau cho biết viên sĩ quan này giữ chức vụ giámđốc an ninh phi trường Borispol. Một xấp sổ thông hành vừa được thu lại chất đống trên cái bàn nhỏ kê trên cầu thang. Viên hạ sĩ ôm một xấp sổ khác bìa xanh rêu trông tựa như sổ thông hành nhưng mỏng và nhỏ, và trong mỗi cuốn có kẹp một tấm cạc-tông dài.

Đầu tiên viên sĩ quan tra ngay sổ thông hành của tôi xem có giá trị đến ngày nào, và được cấp phát cho những nước nào. Vừa ý rồi, hắn mới chỉ vào ảnh mấy đứa con tôi. Tôi lắc đầu, tỏ ý là chúng nó không có mặt trong máy bay. Hắn lật đi lật lại mấy trang đầu cuốn sổ, rồi nhìn tôi trừng trừng. Đó là thuật "thôi miên" mà tôi đã có dịp trình bày trong bài trước. Để dễ việc cho hắn, tôi chỉ vào tấm hình rồi quay ngón tay lại chỉ vào ngực mình và nói :

- Chính tôi !

Hắn không để ý, tiếp tục nghiên cứu tấm hình và nghiên cứu

tôi. Hồi sau, hất đầu một cái về phía viên hạ sĩ, hắn ra lệnh:

- Da !

Đây là lần đầu tiên tôi thấy một người Liên-xô biết nói tiếng "Da" rõ rệt và dõng dạc. Thật vậy, ngữ vựng của mấy đồng chí tại các khách sạn Intourist hầu như thu gọn lại chỉ có tiếng "Niet".

Viên hạ sĩ thu lại sổ thông hành và kẹp vào trong sổ tấm thẻ các-tông. Còn cuốn sổ nhỏ bìa xanh rêu mang cùng số với tấm thẻ thì được trao lại cho tôi. Chỉ ở Liên-xô một ngày nên cuốn sổ nhỏ này được dùng thay thế cho chiếu khán.

Hành khách có vài chục mống, mỗi mống chiếm vài ba phút. Đến khi tất cả ra khỏi máy bay thì chỉ còn độ 20 phút nữa là tới 11 giờ. Từ chỗ máy bay đậu tới phòng khách phi trường cách khoảng độ 50 thước, song mọi người không được tự do tới mà cần được dẫn dắt. Vừa ra khỏi máy bay, gặp không khí khoáng đảng, đám du khách Ý hứng khởi giở bản tính "nhộn" cũ ra, dương dương giơ máy ảnh chụp chiếc Tupolev 134. Một nữ tiếp viên hãng không xấn lại, lấy tay gạt ngang chiếc máy ảnh. Anh phó nhòm Ý bở ngỡ chưa hiểu thì nàng đã giải thích liền:

- Niet !

Borispol của Kiev là phi trường dân dụng. Máy bay ở đây toàn là máy bay dân dụng. Quân sự ở chỗ nào mà lại cấm chụp hình? Nói thực ra muốn chụp trộm không khó gì cả. Tỉ như lúc ngồi đợi trong máy bay, rình lúc tiếp viên hãng không không để ý và nhấn nút một phát qua cửa sổ là xong ngay. Tôi còn nhớ trong chuyến bay từ Moscou về Paris, chiếc Boeing 707 của Air France đậu chặng lại một giờ tại Léningrad để lấy khách. Các nữ tiếp viên hàng không Pháp vui vẻ dặn mọi người nên ở lại máy bay, vì nếu xuống thì không biết mấy giờ nữa mới trở lại được. Các nàng rất "chịu chơi", mở toang cửa máy bay ra cho thoáng khí và để hành khách nào muốn chụp hình phi trường thì cứ việc đứng trong phi cơ đương nhiên chụp ra. Cũng chẳng ngại hai chú hồng quân cầm súng canh hai bên hông máy bay; vì trên phương diện pháp lý, đứng trong máy bay Pháp tức là đứng trên đất Pháp rồi.

Viên sĩ quan dẫn chúng tôi đến phòng đợi, rồi hắn chuồn luôn đi đâu mất. Anh thanh niên Lỗ dẫn mọi người khai đoan với mẫu giấy để sẵn trong phòng: Lại khai hết: ngoại tệ vòng tay, hoa tai, nhẫn cưới... Rồi anh ta cũng đợi như ai. Phi trường quốc tế gì mà bốn bề yên lặng như tờ. Trong phòng đợi chỉ có bọn chúng tôi. Anh người Lỗ sợ mọi người quên, dặn đi dặn lại :

- Cuốn sổ nhỏ đó, các bạn giữ thật cẩn thận. Mất thì rầy rà lắm đó.

Dặn xong, anh ta lại tiếp tục đi ngang đi dọc, xem chừng cũng nóng ruột. Thỉnh thoảng anh lại ghé mắt nhìn vào hành lang chỗ bán giấy xem nhân viên Nga phụ trách đã tới chưa. Đúng là Lỗ sang đến Nga thì Lỗ cũng hết quyền và cụt hứng. Thật y như cái cảnh đem con bỏ chợ...

Trong khi chờ đợi, tôi giở cuốn sổ nhỏ ra đọc. Cuốn này được in bằng nhiều thứ tiếng: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Ý, tiếng Y-pha-nho, tiếng Hy-lạp... Nội dung toàn những điều cấm du khách không được lãm, như:

- Không được đi chệch ra ngoài chương trình của Intourist. Nếu chương trình có thay đổi thì phải do chính Intourist thay đổi.

- Nếu là thủy thủ cặp bến nào ở Liên-xô thì đêm không được ngủ ngoài mà phải về tàu ngủ.

v.v...

Có điều lạ lùng là đợi lâu quá ai nấy lại cảm thấy hết nóng ruột. Thế thì phải thế, miễn là tối nay rời Liên-xô theo ... đúng chương trình là được rồi.

Bỗng một mẹ Intourist búi tó vừa hiện ra trong khung cửa làm đám người đổ ùn vào đầu hành lang. Mẹ đến chậm nên hăm hở đôn đốc, dục mọi người phải qua trạm đoan ngay. Ai vội mặc ai, nhân viên đoan tuy rồi việc song chỉ chịu nhận từng loạt năm người.

Tôi và hai bạn đồng hành được may mắn qua đoan trước nhất. Cả ba vắt chân chạy ra ghiết-sê đổi tiền. Mục đích của riêng tôi là muốn có một hai tờ tiền giấy rouble để đem về nhà làm kỷ niệm. Nhà nước Liên-xô tuyệt đối cấm xuất cảng tiền bản xứ. Bị bắt quả tang về vụ này thì hình phạt rất nặng. Nhưng đã đi Nga một lần rồi và đã có phần nào kinh

nghiệm, tôi thấy khéo dấu vẫn có thể mang rouble ra ngoài được. Thiên hạ xếp hàng sau lưng chúng tôi mỗi lúc một dài mà hai cô thư ký vẫn toét miệng cười nói chuyện coi như chốn không người. Cuối cùng một cô chịu đảo mắt đo lường đám đông lao xao tụ lại trước ghít-sê. Cô điềm nhiên hạ tấm kiếng chắn xuống để đỡ bị khó chịu về tiếng động và tiếp tục đấu lưỡi với cô kia. Tấm kính chỉ được mở lại khi một cô dường như đã cạn chuyện và bước ra khỏi phòng. Mới có một người được đổi tiền và chỉ được phép đổi có hai dollars (!) thì mẹ Intourist búi tó xồng xộc chạy tới hối thúc:

- Phải đi ngay. Các bạn không cần đổi tiền. Muốn mua gì ở khách sạn hay *shopping*, chỉ cần dùng ngoại tệ.

Trong khoảng khắc, trước ghít-sê không còn nhân mạng nào nữa vì dân xếp hàng toàn là bọn chúng tôi. Bọn này mà lên xe vào Kiev thì phi trường lại vắng lặng và cô thư ký lại thừa thì giờ để đấu mép.

Khi xe chuyển bánh, tôi khoan khoái nhìn đồng hồ thấy chưa đến trưa. Chỉ còn thiếu 5 phút. Hãy tiết kiệm được 5 phút đã so với vợ chồng ông thương gia người Pháp...

Đường vào Kiev to rộng và thẳng tắp hơn đường vào Moscou hay Leningrad. Lưu lượng xe cộ nơi đây còn kém hai tỉnh sau này một bậc. Hai bên đường hầu như vắng bóng nhà cửa, ngoài mấy trạm đợi xe buýt. Cây cối thấp, còn là đồng cỏ mướt xanh đưa tầm mắt xa vời. Bỏ ra ngoài câu chuyện kinh tế thì kể cũng đúng "đồng quê bát ngát mênh mông Ukraine" thật.

Bốn chữ K N E B xây bằng gạch sơn trắng cao chừng ba thước báo cho du khách biết đã vào tới ngoại ô thành phố. Nếu đến khách sạn ăn trưa ngày thì hết còn thăm thú gì nữa. Ăn phải đợi rất lâu nên dân Nga mỗi lần đi ăn hàng buổi tối chẳng hạn đã quen lệ coi như mất hẳn cả buổi tối đó. Chờ đợi cả buổi sáng ở phi trường, ai nấy đã đói ngòm nhưng thảy đều đồng ý với mẹ Intourist búi tó là phải tranh thủ đi thăm một hai nơi rồi vào bàn ăn sau. Do đó xe đổi hướng chạy thẳng xuống phần "tỉnh thấp" (ville basse) của Kiev tức là tỉnh Kiev cổ, trái với phần "tỉnh cao" (ville haute) là phần mới được thiết lập từ vài chục năm trở lại đây. Vì vậy phần "tỉnh thấp" có nhiều di tích. Xe đậu lại và đổ khách xuống trước cửa vào tu viện Pechersh Lavra. Tu viện này được xây từ thế kỷ thứ 11 với những nét kiến trúc độc đáo của thời

Nga cổ, độc đáo về cả màu sắc nhất là màu vàng và màu xanh lơ. Cố nhiên các thầy tu đã cuốn gói từ khuya để nhường chỗ cho khách du lịch. Chưa tham quan được bao nhiêu, đã bị mẹ búi tó thúc quá nên chúng tôi cũng cuốn gói luôn để kịp về khách sạn trước khi hết giờ nhậu.

Xe chạy dọc theo đại lộ lớn nhất của Kiev là Kreschatik, rồi đậu lại tại công trường Komsomol. Ngay bên lề công trường là một tòa nhà tương đối mới với tiền diện lợp toàn kính và mang bảng hiệu: Hotel Dnipro - Restaurant. Nguyên văn bằng tiếng Tây như vậy. Bọn dân ngu cu đen Liên-xô nhìn bảng hiệu đó thì nên biết điều và tránh nhảo dô...

Món ăn mở đầu là miếng bánh mì nhêm caviar. Dịch nôm thì caviar là trứng cá ướp. Tôi thường nghe nói caviar Nga đắt tiền và ngon. Thành thật tôi không thấy lạ khẩu. Vài người sành điệu cho biết caviar Ba-tư tuyệt hơn caviar Nga. Sau đó lại canh bắp cải béo ngậy và thịt vò viên... Thế là ưu đãi lắm. Chẳng phải ai cũng xực thịt vò viên luôn luôn được. Họa may phải là đoàn viên văn công Liên-xô nghĩa là một thứ khí cụ tuyên truyền đắc lực cho nhà nước. Ẩm thực gần xong thì nhóm du khách chợt khám phá ra là thiếu mất hai mống. Người nọ hỏi người kia, báo cáo mẹ búi tó, rồi tất cả hợp lực moi trí nhớ mới suy ra được hai mống đó là hai mẹ con một bà ở vùng Lyon. Bà này chiều lòng cho cô con gái đi thăm Nga vì cô nhỏ dự định sang niên học mới sẽ chọn Nga văn làm sinh ngữ chính trong chương trình ban Tú tài. Lạc lõng ở xứ nào chứ ở xứ vô sản này thì tối đến chỉ có cách nằm đường nằm chợ. Chỉ tại mẹ Intourist không tận tâm phục vụ nhân dân, đến làm việc tại phi trường chậm trễ. Chỉ tại mẹ dục tài xế nổ máy ngay tại Pechersk Lavra...

Ra khỏi bàn ăn, chúng tôi lên xe và ngồi đợi. Mẹ Intourist không tìm ra giải pháp nào hay hơn giải pháp đó. Lúc lâu sau, quả có một chiếc tắc-xi đậu lại trước khách sạn Dnipro và nhả ra hai người đàn bà. Tài thiệt ! Mẹ con bà Lyon vừa leo lên xe vừa thở hổn hển không ra hơi. Mặt bà mẹ còn tái mét, chỉ có cô con sớm lấy lại được bình tĩnh và trả lời một người tò mò:

- Ra khỏi tu viện thì xe đã hút dạng. Chúng tôi sợ quá, đi như mất hồn. Sau bỗng nẫy sang ý là khách sạn Intourist

nơi tụ tập của người ngoại quốc thì như cái đinh của thành phố, hỏi chắc ai cũng phải biết. Vì thế...! Sáng nay không đổi được tiền, bà dẫn dắt đành ứng tiền trả tắc-xi. Chúng tôi hoàn lại bà ấy bằng ngoại tệ.

Ông kia vừa cười vừa nói đùa :

- Cô học được mấy tiếng rồi ?

- Được một tiếng: niet !

Trong một bài trước, tôi đã đề cập đến cái quang cảnh tệ nhất của Moscou và Leningrad. Nay nói lại nữa điều này đối với Kiev chỉ là thừa. Xã hội nào thì quang cảnh ấy thôi. Khác tí chút chăng có lẽ là vì vị trí Kiev thuộc miền Nam nên dân tình xem vẻ thản nhiên hơn ở thủ đô Nga. Và chăng cũng vì thế mà Ukraine mới sản xuất ra một lãnh tụ đỏ ngạo ngược như Cút-xếp ? Nhắc đến Cút-xếp, tôi lại liên tưởng tới sự xích mích Nga-Tàu do Cút-xếp gây ra. Thú thật hồi đầu đọc báo Tây phương đề cập đến vụ này, tôi vẫn còn hồ nghi. Nay được đọc báo Nga (ấn bản tiếng Pháp) trong khách sạn Dnipro, tôi thấy dùng chữ "xích mích" là còn nhẹ quá. Chửi nhau thậm tệ tục tĩu như vậy thì chỉ còn cách cuối cùng là... choảng nhau.

Chúng tôi lại vòng xuống phần "tỉnh thấp" để thăm nhà thờ Sainte Sophie. Thăm là để thưởng thức những nét kiến trúc kỳ của thời đã qua. Còn cảnh con chiên khấn vái (toàn là bà già kể miệng lố cả) thì riêng tôi chỉ mới thấy tận mắt một lần tại Zagorsk. Phải chăng vì thế mà Zagorsk đã được người Tây phương mệnh danh là "thủ đô tôn giáo của Nga"? Cho tự do tín ngưỡng đấy, nhưng...

Sau Sainte Sophie, chúng tôi được dẫn xuống bên sông Dniepr (tiếng Nga: Dnipro). Ở đầu bến, sừng sững một tấm bảng lớn nền đỏ chói với chân dung to tướng của Tổ sư Lê-nin được vẽ bên góc trái. Bảng trưng ra hàng chục tấm hình các cá nhân xuất sắc, nói khác đi là các cá nhân thiêu thân trong các phong trào thi đua. Xã hội chủ nghĩa bóc lột người một cách... vinh quang như vậy.

Nhờ ngoại tệ và mang bảng hiệu khách hàng của Intourist, chúng tôi cũng được nếm phần nào mùi vinh quang vì xuống tàu khỏi phải xếp hàng như dân bản xứ. Và những con người chịu đựng này chỉ được xuống khi còn chỗ. Tàu tách

bến, rẽ nước sông Dniepr xanh rờn để tiến thẳng về phía cầu Paton cách đo chừng trên cây số. Khúc sông này đẹp và tôi không ngừng bấm máy ảnh. Chụp xong mỗi "pô", tôi lại dập gan bàn tay phải vào một đầu của chiếc máy ảnh tý hon. Người "văn minh" hiểu ngay là tác động đó cốt để hoặc chuyển sang "pô" mới hoặc đóng máy lại. Nhưng anh thanh niên Nga đứng ở trong góc tàu kia không hiểu, lặng lẽ nghiên cứu hành động của tôi từ mười phút rồi với ánh mắt đôi khi lóe lên vì thầm phục. Cảm thấy thương hại, tôi mới tiến lại gần anh ta và nhờ anh ta chụp tôi. Hai tay anh ta run run đỡ chiếc máy Optima 6000. Con người tốt bụng làm việc thật tận tình: ngắm nghía tôi kỹ càng, rồi dùng một cái tay phải anh vừa bấm vừa dập vào máy một cú mạnh như trời dáng. Tôi cám ơn anh thanh niên Nga với nụ cười gần như méo xệch. Bấm trước rồi dập sau, chứ không thể vừa bấm vừa dập được. Ảnh hỏng chẳng cần, nhưng dập mạnh thế thì còn gì là máy ảnh của người ta nữa... Làm sao trách được người nhà quê là không biết xử dụng đồ tối tân ? Nên khen là khác: trong khoảnh 1/10 giây đồng hồ mà bàn tay phải làm được hai động tác cùng một lúc ! Nhân đây tôi không thể cầm mình mà không kể ra một chuyện Việt nam thật trăm phần trăm. Đầu năm nay tôi có gửi về Việt nam cho đứa con 8 tuổi của ông bạn một cái máy ảnh bằng nhựa. Tháng 5 rồi, cán bộ đến nhà ông bạn kiểm kê và niêm phong đồ đạc và tìm thấy cái máy ảnh trên. Loay hoay một hồi, cụ cán không tìm ra được cách sử dụng máy, đành mang về trụ sở hội họp và nghiên cứu mất một ngày mới vỡ lẽ ra là cái máy đó không thể chụp hình được vì là máy giả. Đồ chơi trẻ con bây giờ cũng tối tân lắm...

Chỉ còn một mục nữa là mục *shopping* trước khi trở lại phi trường. Chữ *shopping* do chính mẹ Intourist dũng. Cả nhóm đã theo mẹ vào trong một Beriozka, còn tôi thì chậm rãi nhìn phố xá trước khi theo bước họ. Một đồng chí Liên-xô cản tôi lại trước cửa, nghĩ tôi là đồng bào thiểu số ở vùng Tachkent hay Khabarovsk nào đó về thành và quên rằng Bériozka và chỉ được dành cho khách ngoại quốc. Đồng chí cụt hứng khi vừa liếc thấy bìa cuốn sổ chiếu khán của tôi. *Shopping* ? Tưởng tượng quá nhiều nên thất vọng. Lại mấy con búp-bê gỗ, mấy cái đàn balalaika, và một ít đồ tư bản lặt vặt, còn kém xa Bériozka ở Moscou hay Leningrad...

- Cô có bưu ảnh Kiev ? Tôi hỏi cô bán hàng.
- Không có.

Tôi hơi buồn vì sẽ không mang về nhà được chút kỷ niệm. Cúi nhìn qua mặt kính quày hàng, tôi ngạc nhiên thấy một sấp bưu ảnh Kiev nằm sờ sờ. Mới ngẩng lên hỏi lại cô ta:

- Thế cái gì đây ?
- Bưu ảnh Kiev.

Rõ chán cái sự đời. Buôn bán như thế chỉ ngày mai ngày mốt là vỡ nợ phá sản. Trả cô ta tiền Pháp thì được thối lại bằng tiền đồng Ăng-lê. Trời, không hiểu bỉ nhân đã bị Nga hóa từ hồi nào mà chẳng phản đối gì cả. Tiền giấy Anh mang về Pháp còn đổi lại được, chứ tiền đồng thì không băng nào chịu đổi và coi như là mất. Vậy mà bỉ nhân chỉ buồn tình xúc xắc mấy đồng kền trong tay và nghĩ bụng " Đem về cho con nó chơi..."

Bên vệ đường gần Bériozka, có một quán bán rau với đúng bốn cái bắp cải; và một quán bán cá với đúng bảy con cá. Mấy kẻ thương mại lẻ này chắc cần kiếm ăn hơn kẻ đi làm cho nhà nước, nhưng buôn bán như thế chỉ ngày mai ngày mốt là cái dạ dày lại gào cơm.

Ở Kiev cũng không có quán cà-phê. Muốn giải khát có thể mua nước Kvas, một thứ nước chan chát của mấy bà già nông dân. Đồ nghề của mấy bà này gồm một thung phi đặt trên chiếc xe hai bánh đậu ở dìa đường. Hoặc cũng có thể bỏ mấy kopeck vào máy bán li-mô-nát kê trên vỉa hè nơi nào có đông người qua lại. Kẻ cẩn thận để ý rửa cốc trước khi uống bởi chỉ có một cốc bằng thủy tinh cho thiên hạ thay phiên nhau dùng. Liệu có vệ sinh hơn... nhai kẹo chewing-gum không ?

Xe đưa chúng tôi trở vào trung tâm Kiev, dừng lại ở đường Kirov để du khách chụp hình trụ sở Sô-viết Tối cao Ukraine, rồi thẳng đường ra phi trường Borispol.

Xếp hàng lấy lại sổ thông hành. Xếp hàng qua đoan. Rồi xếp hàng đi qua một khung sắt hình chữ nhật để được rọi quang tuyến xem có dấu vũ khí không. Nhận thấy nhân viên phụ trách khung sắt này chưa tới, những người đeo máy ảnh giả vờ đi thẳng vô khung sắt và lúc đến gần thì chệch ra ngoài

để tránh phim khỏi bị quang tuyến làm hư. Bất ngờ viên cảnh sát phụ trách dẫn mặt tới, bắt đúng quả tang một cu cậu đang chơi trò ăn gian, ra lệnh cu cậu phải quay lại và chui qua khung sắt hai lần.

Chỉ còn 15 phút nữa là được trở lại chiếc Tu 134. Mới đứng đợi trong bóng tối ở đầu sân bay được hai ba phút mà ông già bà trẻ đã kêu theng théc và đập tay đập chân vỗ mặt cứ rầm rầm. Thương thay cho những cô nào mặc áo mùa hè hở ngực... Muỗi Liên-xô đốt đau không kém muỗi Sai gon. Khi về mặt tôi bị lốm đốm đỏ đến mươi chỗ. Càng gãi càng ngứa càng đỏ thêm, làm gia đình lo lắng tưởng bị nhân quàng phải bệnh lên sởi.

Máy bay vừa lên cao thì các nữ tiếp viên hàng không Aeroflot đã có nhã ý mang cà-phê nóng lại đãi chúng tôi để... lại hồn. Uống được giọt cà-phê lúc này thật khoan khoái biết bao. Một cô người Bồ-đào-nha ngồi cạnh vừa đưa lưỡi nếm đã kêu là đắng quá. Tôi nói:

- Cô quên bỏ đường.
- Tôi đã bỏ hai cục.
- Song cô quên lấy thìa dầm mạnh cho nát đường ra.

Đường Liên-xô màu vàng nhờ nhờ, được lọc không kỹ xem như còn chứa ít cặn. Hạt đường to và rắn nên khi đóng cục phải bửa ra mới tan được.

Thế là cô Bồ-đào-nha dầm đường, tôi dầm đường, người hàng trên người hàng dưới dầm đường. Đang dầm thì nghe tiếng phì phì ở trên đầu. Suốt dọc phòng ngồi, từ những kẻ hở dưới chỗ để hành lý toát ra những luồng bạch khí có mùi kỳ kỳ. Hành khách đang ngơ ngơ ngác ngác thì anh thanh niên Lô vội vàng giải thích:

- Tẩy uế khử trùng ! Tẩy uế khử trùng !

Thôi đúng là tại cái bọn muỗi ác ôn ở Borispol rồi. Cô Bồ-đào-nha tâm sự với tôi :

- Tôi sẽ không đi sang một nước Cộng sản nào khác nữa.
- Tại muỗi ?
- Không, tại nhiều sự việc... Từ ngày chính phủ Suarez thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước cộng sản, thông hành mới được cấp cho đi các nước này. Lần này tôi mới đi

thử là một.

Dọn cốc tách cà-phê xong, các nữ tiếp viên hàng không mang vào phòng mấy va-li đồ thủ công nghệ để bán lấy ngoại tệ. Thì ra các cô cho uống cà-phê sớm để còn thì giờ làm thương mại cho nhà nước. Máy bay vẫn bay. Bên ngoài là trời đêm tối đen. Bên trong phi cơ là chợ trời. Khác gì chợ trời đâu: kẻ đứng, người ngồi, kẻ đi, người lại, vài đám đông tụ lại ở lối giữa để chọn mặt hàng gửi... ngoại tệ. Cứ buôn bán vui vẻ như thế cho tới khi máy bay đáp xuống sân bay Const-za mà một số hành khách vẫn không hay. Chẳng ai dặn ngồi ngay người, đút thuốc hút và thắt giây lưng lại. Aeroflot muôn năm !

Về đến đất Lỗ, anh nhân viên Lỗ mồm miệng trở lại hoạt bát:

- Các bạn ra dần dần, đừng xô đẩy nhau. Phải khử trùng lần nữa.

Tính tò mò của tôi bị kích thích. Tôi không thể không hỏi cho ra lẽ:

- Tại sao ?

- Bên Liên-xô có dịch.

Dịch gì ? Dịch muỗi ư ? Chịu không hiểu ra.

Trong đêm khuya, có bóng người cầm đèn pin đợi hành khách và bóng khác mắc vào chân cầu thang một thùng nước. Đã nhiều người xuống trước tôi, đang vùng vẫy tay cho khô hoặc đang chùi tay vào mùi xoa. Đến lượt tôi, vòi nước lại được mở ra. Tôi rửa tay, thấy nhờn nhờn, đưa lên mũi ngửi thì là nước pha xà-bông.

Vừa quay gót chạy theo đám đông tiến về nhà ga phi trường, tôi kịp nghe thấy cô Bồ-đào-nha lẩm bẩm nói một mình trong đêm :

- Ôn dịch. Một bọn ôn dịch !

TRẦN THẾ DU

khung trời tháng tư

Có phải Tháng Tư khung trời đỏ lửa,
Của Sài gòn, Hà nội, cũa chiêm bao ?
Hành trang tháng Tư gói tròn thương nhớ,
Khóc Tháng–Tư–Quê, nức nở ngàn sao.

Anh bỏ Tháng Tư, bỏ Quê, bỏ Mẹ
Bỏ phố phường, bỏ tà áo em bay
Một sớm quê người mắt trào dòng lệ
Tiếng rao quà hẻm cũ vẳng đâu đây ...

Ôi những Tháng–Tư–Trầu–Thương–Cau–Nhớ,
Dòng sông Quê bẹ chuối thả làm thuyền
Đâu cơ biết một Tháng Tư đổ vỡ
Bè chuối đưa thân thế vượt Trùng Dương

Anh đã sống bốn Tháng Tư bỡ ngỡ
Xa Chợ Tình có suối tóc em thuở
Chợ quê n-gười đã nung đau đớt nhớ
Tưởng chân đi trên lầy lội con đường

Những xôn xao của xóm giềng nghèo khó
Đèn lu mờ nhà bác Sáu, anh Năm
Đêm hỏa châu, soi nếp nhăn khắc khổ
Những con đường quằn quại tự ngàn năm

Đâu tà áo bay dài đường phố cũ
Trời tháng Tư của Hà nội Sài gòn
Trời Tháng Tư bỗng thành trời khói lửa
Trời đó ngục tù, trời đây tha phương...

Xác người trôi,...trôi...xa dần xứ sở
Đáy biển sâu chôn những Nguyễn những Hoàng
Hãy khóc họ bằng tưởng lai lở dở
Của những người "may-mắn kiếp-lang-thang"

Những tủi ra đi, những đau ở lại
Những con người-mất-ánh-sáng-ban-mai
Trên đất Mẹ những linh hồn Do thái
Bởi tìm Quê Cha nỏi bụi chuối, bờ khoai

Rồi những Tháng-Tư-Bạo-Tàn-Ngư-Trị
Rồi những Tháng-Tư-Tuyết-Phủ-Mưa-Giăng
Em đã mất những Đồng Nai Bến Ngự
Anh tìm đâu Hoàn Kiếm ánh trăng rằm...

Những mái tóc cần, đôi chưa chớm nửa
Những tờ thư xé nát những buồng tim
Tháng Tư Mẹ, ngàn đời, bên Bếp Lửa
Đăm đăm nhìn dấu bưu điên con tem

Thật đã xa rồi khung trời rực lửa
Lời Mẹ ru đẳng đẳng giấc chiêm bao
Áo cởi , súng quăng triệu Tháng Tư nức nở
Những điểm hồn lác đác tựa ngàn sao...

Ta gửi về nhau Tháng Tư, Tháng Nhớ
Đắng trôi từ cuống họng tới buồng tim
Cớ còn là em môi hồng má đỏ?
Sao giờ là anh bèo bọt thê lương ?

Gửi về thăm em Tháng Tư tháng lệ
Không là Trời anh, không là Quê em...
Mắt Dĩ Vãng chợt nhìn anh mai mỉa:
Chăn, gối, nhà, xe, thành nấm mộ êm đềm...

Gửi em Tháng-Tư-Ngục-Tù-Đói-Khổ
Gửi anh Tháng-Tư-gai-góc-đồng-lưỡng
Đường còn lại anh đi mà bỡ ngỡ
Vì thiếu Tháng Tư Khung Trời Quê Hương

XUÂN HIẾN

Tháng Tư – Tháng Tám 1978

ầm ầm tiếng sóng

YUKIO MISHIMA

Yukio Mishima là một trong những nhà văn lớn nhất của Nhật bản hiện đại. Sự nghiệp văn chương của ông rất phong phú, bao gồm từ khảo luận, kịch bản, tiểu thuyết đến du ký; ông còn đạo diễn cả phim ảnh nữa, cuốn phim báo hiệu một cái chết bi đát, và hào hùng: cuộc mổ bụng tự sát vào tháng 11–1970, làm chấn động dư luận Nhật bản và hoàn cầu.

Một số tác phẩm của Yukio Mishima đã được phiên dịch ra Việt ngữ ở Saigon trước 1975, trong đó có cuốn Kim các tự.

Ầm ầm tiếng sóng *là một câu chuyện tình trong trắng, gần như ngây thơ, trong khung cảnh thơ mộng của một hải đảo, được vẽ lại bằng những nét cực kỳ mạnh mẽ, bạo liệt: cái độc đao của bút pháp Mishima.*

Utajima là một hòn đảo nhỏ, dân số độ một nghìn tư, chu vi không tới bốn cây số. Đảo có hai thắng cảnh: đền Yashiro, và ngọn hải đăng trên đỉnh núi Higashi.

Yashiro là đền thờ Hải thần, nơi ngư dân đến khấn vái cầu cho bể lặng sóng êm. Trèo hai trăm bậc cấp bằng đá mới đến cổng, hai bên cổng là hai con sư tử; đứng trước cổng đền có thể nhìn bao quát khắp vịnh Ise, trời nước mênh mông. Trong đền còn giữ bảy chục tấm gương bằng đồng, có tấm truyền lại từ thế kỷ thứ VIII, có tấm phỏng theo kiểu gương Trung quốc đời Lục triều, có tấm lưu lạc từ Ba-tư sang...

Còn ngọn hải đăng thì cheo leo trên gành đá dựng đứng sừng sững. Những ngày gió động người ta đứng đó nhìn xuống sóng bể gầm thét dữ dội dưới chân thăm thẳm. Lúc quang tạnh, có thể trông thấy ngọn núi Phú sĩ. Nhân viên gác đèn theo dõi từng con tàu đi ngang qua kênh Irako, nhìn vào viễn kính thấy được những thuỷ thủ đi lại trên boong, và đọc được tên tàu ở mạn sườn.

Chiều hôm ấy, Shinji tay xách con cá, leo thoăn thoắt hai trăm bậc cấp, băng qua khu vườn sau đến Yashiro, sắp bắt qua con đường dốc trèo lên hải đăng. Đột nhiên, anh chàng trông thấy một người con gái ngồi ngoài bãi nhìn ra khơi. Gió lộng thổi giạt mái tóc tơi bời.

Lạ thật! Shinji còn lạ gì dân trên đảo? Anh ta biết hết, không sót một ai; thế mà cô gái này thì chưa trông thấy bao giờ. Vả lại, cô ta cũng có một vẻ gì khang khác. Ăn mặc thì thường thôi: áo cộc tay, quần bó ống ngay mắt cá; nhưng cái kiểu ngồi một mình hướng mắt ra xa khơi như thế làm cho cô nàng khác hẳn những cô gái ở đây vốn thường vui nhộn.

Shinji tiến đến gần, dừng lại, nhìn cô gái tận mặt. Cô ta hơi nhíu mày lại, nhưng vẫn tiếp tục trông ra khơi, không hề quay lại. Người thanh niên bước đi. Một lát, tự dưng anh ta sực nhớ lại cử chỉ của mình và lấy làm xấu hổ: sao mình có thể nhìn vào mặt cô ấy, bất lịch sự thế?

Lên đến hải đăng, biếu con cá tươi cho vợ chồng người quản đăng, anh ta vội vã quay về. Trong bữa cơm tối, anh lắng nghe nhưng cả mẹ lẫn em không ai nói gì đến cô gái mới tới.

Bố Shinji bị đạn chết vào những ngày cuối cuộc Đại chiến. Từ đó, một mình mẹ anh lo nuôi hai đứa con trai. Năm nay anh vừa mười tám tuổi; chú em mới mười hai, tên Hiroshi. Gia đình nghèo túng, Shinji ngày ngày vẫn còn mặc chiếc quần do bố anh để lại. Năm ngoái, đáng lẽ anh hỏng thi, phải học lại một năm nữa; nhưng mẹ anh than thở: nếu anh chưa xong trung học, chưa ra làm việc được, thì bà khốn đốn quá; nghe thế người quản đăng can thiệp với ông hiệu trưởng vốn là chỗ quen biết, khiến anh được lấy đậu. Hăng ngày Shinji và Ryuji theo ông O-yama Jukichi đi đánh cá trên chiếc *Taihei- maru*, sáng đi chiều về.

Trưa hôm ấy, khi ba người nghỉ tay để ăn ngoài khơi, ông Jukichi hỏi hai cậu thanh niên:

— Ông Miyata Teru vừa đem con gái về, biết không?

Không ai biết cả. Ông ta giải thích: Ông Teru có bốn gái

một trai. Ông ta cho là thừa gái, cho người ta nuôi cô thư tư. Năm ngoái cậu con trai chết, ông ta vừa đem cô gái về, hứa chọn được anh nào vừa ý sẽ gả con bắt rể. Con nhỏ tên Hatsue. Mấy chú nghĩ sao?

Hai anh chàng nhìn nhau cười, cùng đỏ mặt.

Shinji nghĩ đến hình ảnh người con gái ngoài bãi chiều hôm qua, chợt thấy xa vời quá. Ông Teru rất giàu, có nhiều ghe con tàu lớn, có chiếc trọng tải ngót vài trăm tấn; còn mình thì nghèo rớt mồng tơi.

Tuy vậy mà không hiểu sao, Shinji cứ nghĩ hoài tới cô gái, mỗi lần nghĩ tới là mỗi đỏ mặt. Đêm hôm ấy, ở cuộc họp Thanh niên đoàn ra về, anh ta lủng thủng trèo lên các bậc cấp đá trước đền Yashiro, nhìn về phía ánh đèn nhà Teru: ông cụ đang bày tiệc thết đãi nhân dịp đem cô gái về.

Thần thờ hồi lâu, rồi anh đi thẳng vào đền, khẽ vỗ tay mấy cái để được Hải thần chú ý, rồi thầm khấn xin sóng êm bể lặng, cả làng trù phú, mẹ con anh an lành và một ngày kia anh có thể lấy được một người đẹp...như cô con gái ông Teru chẳng hạn!

Dut loi, anh lang nghi tieng gio thoi, nhin ngon duong lieu lay dong nhe nhang, nghi rang Hai than da chap thuan. Chợt anh lại lo lắng: "Cầu xin ích kỷ như thế, e bị thần ghét chăng?"

Bốn năm ngày sau, gió mạnh, biển động, ngư dân nghỉ việc. Nhân đấy, bà mẹ nhờ Shinji lên núi vác hộ mớ củi bà đã lượm và chất đống sẵn gần chỗ đài quan sát cũ.

Hồi còn chiến tranh, pháo binh thường tập bắn đại bác từ núi Kenala sang mũi Irako; quân đội xây một cái đài bê-tông hai tầng trên ngọn núi cao nhất để lên đó theo dõi độ chính xác của mỗi phát đạn. Ngày nay, ngôi nhà hoang phế vẫn còn đó, giữa cảnh tịch mịch của núi rừng trùng điệp.

Trước khi vác củi, người thanh niên tò mò tiến lên thang lầu. Chợt anh nghe như có một tiếng động. Ngạc nhiên, anh ta dừng bước. Hình như có tiếng khóc. Anh ta tiến lên. Đến tầng trên anh sững sờ: Trước mắt anh ta là Hatsue!

Cả hai nhìn nhau như hai con thú dại chợt đối diện bất ngờ, giữa rừng. Rồi Shinji cất tiếng:

– Có là Hatsue đấy phỏng?

Bất giác cô gái gật đầu, lấy làm lạ vì anh chàng biết tên mình.

– Cô khóc, phải không?

– Tôi đấy.

– Sao vậy ?

Người con trai hỏi, cứ như là cảnh sát thẩm vấn. Cô gái bảo mình đi học nữ công ở đàng bà quản đăng, thấy còn quá sớm, định đi lang thang xem phong cảnh một lát, không ngờ bị lạc đường. Shinji hứa sẽ đưa cô nàng về hải đăng. Hatsue liền nhoẻn cười, không buồn lau nước mắt.

Hai người ra ngoài bao lơn. Cô gái hỏi cái nọ cái kia, cậu trai giảng giải: Nơi này ngày trước lính đứng dùng viễn kính quan sát, chỗ mỏm kia cảnh sát viên Suzuki đi câu bị sóng cuốn mất v.v...

Vì tựa vào bao lơn cũ kỹ, ngực áo cô gái bị lấm lem. Cô ta lấy tay đập nhẹ, phủi bụi. Và Shinji ngẩn ngơ nhìn theo những rung rinh trên cái ngực tròn trĩnh.

Rồi anh chàng vác củi, đưa cô gái xuống núi. Cô ta hỏi tên anh ta nói xong dặn nàng đừng kể với ai về cuộc gặp gỡ này vì dân làng hay đồn đại nhảm nhí lắm. Tự dưng một chuyện ngẫu nhiên vô tội hóa thành một bí mật riêng tư giữa hai người với nhau.

Ở thành phố, một thanh niên vào cỡ tuổi Shinji chắc chắn biết nhiều cách tỏ tình, nhờ sự "giáo dục" của tiểu thuyết, của phim ảnh. Nhưng ở Utajima, kiến thức của Shinji về phương diện này thật nghèo nàn. Anh ta biết đáng lẽ mình có thể làm một cái gì đó trong cái cơ hội hãn hữu ở đài quan sát hôm nọ, nhưng không biết rõ là làm gì. Cơ hội qua rồi, Shinji bị dằn vặt mãi mà không biết làm sao gặp lại Hatsue. Tình thế thật nan giải, tuyệt vọng. Lắm lúc, anh chàng nản chí, muốn tìm cách khuây lảng, xua đuổi hình ảnh Hatsue ra khỏi trí óc mình.

Như thế cho đến một tối, một buổi sáng trời còn tờ mờ, trong khi anh ta sắp lên thuyền rakhơi, thì chợt nghe trong đám người léo nhéo ngoài bãi, có ai đó thốt ra một câu:

– Yasuo sắp cưới Hatsue đấy.

Shinji lặng đi. Suốt ngày hôm ấy, anh ta hì hục làm việc, không nói một tiếng. Thực ra, người con trai ấy vốn ít lời, cho nên sự im lặng của anh ta chẳng có ai chú ý; tâm sự anh ta ra sao chẳng ai hay.

Buổi chiều, vào kỳ phát lương, anh ta lãnh được bốn nghìn yên. Ông chủ trao cái phong bì có đề tên anh, Shinji nhét vào

túi áo trên, rồi lẳng lặng quay gót.

Trên đường về, tình cờ anh để ý thấy có hai người đàn bà đang ì ạch đẩy một con thuyền lên bãi. Trời đã tối, mà thuyền không nhúc nhích. Shinji tự nhiên tiến đến, quàng lấy một sợi dây, phụ vào mấy người đàn ông đang kéo thuyền. Cùng lúc ấy anh nhác nhận ra một trong hai người đàn bà đẩy thuyền là Hatsue: trán dầm dấp mồ hôi, hai má đỏ ửng, mắt đen nhánh!

Shinji vốn lực lưỡng. Có anh phụ vào, chiếc thuyền được kéo soạt lên bãi nhanh chóng. Anh chàng liền bỏ đi, nhất định không quay mặt lại một lần nào.

Về đến nhà, như thường lệ anh rút ngay phong bì đựng tiền lương trao cho mẹ. Anh rờ vào túi trong: không có. Sờ túi ngoài: không có. Túi quần: không có! Không nói một tiếng, Shinji vội vã chạy ngược ra bãi.

Một lát sau, có tiếng gõ cửa. Bà mẹ mở cửa, thấy một cô gái:

— Ông Shinji có nhà chứ ạ?

— Anh ấy vừa về, nhưng lại đi.

— Cháu nhặt được cái này ngoài bãi, có đề tên ông ấy...

— Ồ! cô thật là quí hóa! Chắc Shinji nó đang tìm cái này đây.

— Có lẽ cháu nên ra bảo anh ấy biết.

— Cám ơn cô vô cùng.

Ngoài bãi, bóng đêm đã buông xuống hoàn toàn. Hai người gặp nhau bên cạnh một chiếc ghe. Người con gái kể lại sự việc Nâng còn bảo trong lúc hỏi thăm người này người kia để tìm nhà anh, nàng phải luôn luôn đưa chiếc phong bì ra để ai nấy khỏi nghi ngờ.

Tự dưng một câu hỏi thình lình buột ra khỏi miệng Shinji, lúc nào anh không ngờ đến: "Tôi nghe nói cô sắp lấy Yasuo, có phải không?"

Người con gái phát lên cười, cười mỗi lúc một dữ dội, cười đến sặc sụa. Người con trai muốn chận lại mà không biết làm thế nào. Anh ta đặt nhẹ một bàn tay lên vai, thế mà cô gái đã ngã xuống cát, và càng cười lớn hơn. Shinji ngồi theo, vừa lắc vai nàng vừa hỏi:

— Gì thế? Gì thế hả?

Cô gái ngưng cười, nhìn thẳng vào mắt anh. Rồi lại bật cười. Anh hỏi:

— Chuyện đó có không?

– Nhảm.

Rồi cô ta đặt tay lên ngực: "Cười quá, tức cả ngực. Đau chỗ này này..." Bất giác, Shinji đưa tay mình đặt theo chỗ ấy. Hai người kề sát nhau, nghe hơi thở của nhau, hơi ấm của nhau. Rồi đôi môi họ tìm nhau.

Hôm ấy, trước khi chia tay, Shinji bảo chiều mai anh sẽ đến nhà ông quản đăng để cho cá. Và cô gái nói nàng cũng có việc đến đấy.

Cuộc gặp sau suýt nữa thì mất vui. Lỗi ở bà quản đăng: bà ta vô tình nói đến chuyện Chiyoko yêu Shinji.

Người vợ và cô con gái duy nhất của ông quản đăng đều có chỗ đặc biệt. Trước kia bà vợ làm giáo viên trường nữ, về sau sống cô độc với chồng ở một mỏm gành cao vắng người, bà ta quen lấy sách làm vui. Đọc mãi, rồi kiến thức của bà về mọi mặt đều rộng, ai tiếp xúc cũng phải khâm phục. Hai vợ chồng chỉ có một cô con gái, đang học ở đại học Đông kinh. Cô gái tội nghiệp thực ra cũng thường thường, không đến nỗi nào, nhưng cứ có mặc cảm là xấu xí. Mặc dù sống giữa đô thị lớn cô ta vẫn đơn chiếc, và vẫn giữ mối cảm tình đối với người con trai ở xóm xưa vẫn lui tới nhà mình.

Độ ấy, nhằm kỳ nghỉ, Hiroshi cùng một số bạn học trong lớp được thày cô dẫn đi xem Kyoto và Osaka trong sáu ngày. Trước Shinji không làm gì có tiền để đóng nổi phí tổn cho những cuộc du ngoạn như thế này, nhưng bây giờ anh lãm ra tiền nên chú em được hưởng một vài thú vui. Ngày đưa đám học sinh xuống tàu, đám phụ huynh – nhất là các bà mẹ – tíu tít cả lên.

Con tàu ấy đưa học sinh Utajima đi, rồi cũng chính con tàu *Kamikaze-maru* ấy đưa Chiyoko về thăm nhà. Trên tàu, cô ta gặp Yasuo, anh chàng mà người ta đồn đại là sắp cưới Hatsue. Chính anh ta cũng khoe với Chiyoko như thế.

Yasuo mười tám tuổi, nhưng là con nhà giàu, nên giao du rộng, có vẻ từng trải. Anh ta làm chủ tịch Thanh niên đoàn trên đảo, điệu bộ tự mãn. Nguyên cái lối anh ta nói về sắc đẹp của Hatsue – người vợ tương lai của anh ta – đủ làm cho Chiyoko chột dạ, đâm buồn...

Hiroshi đi được vài ngày thì trời bỗng nổi bão tố. Dân chài lại nghỉ việc. Buổi sáng, thức giấc, nằm nghe mưa tuôn xối-xả, gió vật vã quanh nhà, sóng đánh ì ầm ngoài bể, Shinji bỗng

nhiên cảm thấy rạo rực. Anh ta vụt dậy, bất chấp mưa gió, đi thẳng ra bãi, nhìn những ngọn sóng khổng lồ dựng lên cao vút rồi đập mạnh vào bờ, phát ra những tiếng kinh hồn, bọt bắn lên đập xối xả vào mặt anh. Đứng mãi một lúc, anh ta trông thấy một con ốc màu hồng thật xinh dưới chân, cúi xuống nhặt, rồi về.

Ăn qua mấy miếng, anh ta lại ra đi nữa, vẫn trong bão táp, mưa gió tối trời. Mẹ anh lắc đầu nhìn theo, làm sao hiểu được rằng anh có cái hẹn với Hatsue. "Mưa thế này, không biết là nàng có đến được không ?" Tuy có nghĩ thế, nhưng vốn đơn giản anh không thắc mắc nhiều.

Trèo lên tới chỗ đài quan sát, Shinji ướt teng meng như chuột lột. Ở chốn hoang vu, bão càng dữ dội, gió càng hung tợn. Anh chàng gom góp những cành cây khô lại, đánh diêm nhóm một ngọn lửa. Ngồi sưởi một lát, chờ đợi mãi, anh chàng nằm xuống bên cạnh ngọn lửa và thiếp ngủ lúc nào không hay.

Khi anh mở mắt ra, ngọn lửa vẫn còn. Và bên kia ngọn lửa có một cái gì... ở kia, một người con gái khỏa thân đang cúi đầu giặng chiếc áo ra hong.

Trước khi được cha đem về, cô gái đã có thời gian sống tại một miền làm nghề thợ lặn, và nàng cũng làm việc như mọi người. Mỗi lần xong công việc, từ dưới bể ngoi lên, thợ lặn vẫn quen sưởi khỏa thân bên lửa. Khi người con gái đội mưa đến đây, thấy ngọn lửa ngon lành, thấy anh chàng kia đã ngủ ngon, nàng tự tiện.

Trong một ngôi nhà hoang phế trên đỉnh núi cao, bốn bề bão tố, mưa như thác đổ, dưới kia sóng bể gầm thét, trước ngọn lửa bập bùng, một người con trai với một người con gái mơn mởn nõn nà, hoàn toàn lõ lộ ! Bất giác Shinji không giữ nổi một cử động. Người con gái vội vàng chụp cái áo lên ngực, la:

– Đừng mở mắt !

Anh con trai chất phát vội vã nhắm tít hai mắt. Nhưng rồi anh ta choàng mở ra ngay ! Cô gái la lớn:

– Nhắm mắt lại, anh !

Lần này anh ta không thể vâng lời. Như một đứa trẻ tò mò, anh ta chồm đứng lên. Cô gái chạy tránh ra.

– Ủa, sao em trốn anh ?

– Em mắc cỡ.

– Anh phải làm thế nào để em khỏi mắc cỡ ?

Câu trả lời thật đột ngột, ngây ngô:

– Anh mà cũng khỏa thân thì huề.

Shinji lưỡng lự một thoáng, rồi quyết định: thoắt cái anh chỉ còn giữ một cái khố trên người.

– Em hết mắc cỡ chưa nào ?

– Chưa.

– Sao vậy ?

– Anh vẫn chưa cởi hết !

Đứng sừng sững trước ngọn lửa, anh con trai như muốn nói một điều gì, nhưng dừng lại. Rốt cuộc anh bảo:

– Em đừng che nữa, anh mới cởi hết.

Hatsue vất chiếc áo đang cầm che từ ngực xuống đùi. Và ngay tức khắc Shinji cũng tung luôn mảnh khố. Bên ngoài gió rít lên ầm ầm. Cô gái bất giác lùi lại sát vách. Người thanh niên kêu :

– Hatsue !

Giọng của cô gái trong và mạnh mẽ :

– Nhảy qua lửa ! Anh nhảy qua ngọn lửa đi nào...

Lập tức, Shinji nhún mình nhảy phóng qua, rồi xuống sát mặt người con gái, ngực anh chạm nhẹ vào ngực Hatsu. Và hai người ôm chầm lấy nhau. Và người con gái từ từ ngã mình xuống đất.

Anh trai quờ tay tìm chiếc áo, định lót dưới lưng người yêu. Nhưng cô ta vội ngăn lại, co đầu gối lại, giật lấy cái áo che lại.

– Đừng anh ! Một đứa con gái không được lăm thế trước khi lấy chồng.

Shinji ngơ ngác :

– Không được thiệt hả ?

– Không !

Cô gái nhắm mắt lại, nói thong thả :

– Bây giờ thì không được. Em đã quyết định sẽ lấy anh làm chồng, chúng ta phải đợi tới khi cưới nhau đã anh.

Shinji không nài ép. Anh vẫn ôm cô gái vào lòng. Họ hôn nhau, người này nghe rõ nhịp đập quả tim người kia. Ngọn lửa bập bùng, củi reo lách tách bên cạnh. Gió rú bên ngoài.

Rồi Shinji buông cô gái ra, nói :"Anh vừa nhặt được cái vỏ ốc này ngoài bãi, cho em". Anh ta vừa đưa con ốc vừa mặc đồ. Cô gái cũng vừa mặc vừa kêu :"Ồ, đẹp quá !"

Khi Shinji đưa Hatsue về mưa vẫn chưa ngớt. Họ nép sát vào nhau dưới mưa gió... Trong lúc ấy, từ một khung cửa sổ ở trên hải đăng cô nữ sinh viên Chiyoko nhìn ra ngoài trời, và chợt

bắt gặp đôi tình nhân. Nàng lặng người, đau đớn.

Trên đảo Utajima, nước uống là một vấn đề rắc rối. Cả làng chỉ có một con suối nhỏ chảy róc rách, cung cấp nước ngọt. Mỗi năm, vào khoảng đầu xuân nước khan hiếm, người ta phải cùng nhau thuận về một thứ "lịch lấy nước". Để tránh sự tranh chấp, cãi cọ, mọi gia đình đều được ghi tên trên danh sách, và cứ theo thứ tự ấn định ấy mà luân phiên đến suối gánh nước. Những gia đình kỳ này gặp giờ khuya khoắt thì kỳ sau được đổi sang một giờ sớm hơn, thuận lợi hơn.

Yasuo tìm xem danh sách, biết lần này Hatsue sẽ đi gánh nước vào lúc hai giờ đêm; và anh ta quyết tâm hạ thủ. Số là Chiyoko đã bảo anh ta rằng cô gái mà anh ta khoe là vợ chưa cưới đã ngủ với Shinji. Lòng tự ái bị tổn thương quá nặng, anh ta nhất định làm nhục Hatsue.

Đêm ấy, Yasuo lần mò ra ngồi rình bên bờ suối. Lúc Hatsue lom khom lấy nước, chợt một con ong vò vẽ chích vào cổ tay Yasuo, làm anh ta bật kêu một tiếng khẽ. Cô gái giật mình ngẩng phắt lên; trông thấy bóng người, nàng rút ngay cây đòn gánh thủ thế. Anh chàng cười hề hề:

— Cô sợ ma hả ?

— Á, anh Yasuo !

Vừa tìm mấy câu nói qua quít, anh ta vừa tiến tới gần, rồi bất ngờ chụp lấy cây đòn gánh, nắm chặt tay người con gái, bảo :

— Cô nghe tôi nói, nếu không cả làng sẽ biết hết chuyện cô với thằng Shinji, lúc đó đừng trách...

— Anh có thả tay tôi ra không ? Chuyện gì với Shinji ?

— Cô đừng giả vờ. Tôi biết cả. Hôm nọ trên núi cô làm gì với hắn, bây giờ cô có bằng lòng làm chuyện đó với tôi không nào ?

— Ơ ! cái anh này !

Cô gái ra sức vùng mạnh tay. Yasuo quật người con gái xuống cỏ, đè lên. Cô ta khạt một bãi nước bọt bắn vào cằm anh ta. Yasuo cáu hung hăng, áp sát mặt xuống. Bỗng nhiên, anh ta hét lên một tiếng, quật một tay ra sau ót, đập đập : con ong lại đốt. Thừa lúc sơ hở, Hatsue vùng thoát, chạy lên triền núi nấp sau một bụi cây.

Lúc Yasuo tìm thấy nàng, người con gái nhặt một hòn đá lớn

giơ lên cao, dọa sẽ ném xuống nếu anh ta còn bước tới. Biết không thể làm gì được, lẽ ra anh ta có thể rút êm, nhưng sợ cô gái thuật lại câu chuyện với ông bố thì mệt. Bởi vậy, lưỡng lự một lát, rồi anh ta hỏi :

– Chuyện này, cô đừng kể lại với ông cụ nhá. Cô có thể đặt một điều kiện.

Cô gái nghĩ một lúc, rồi bảo :

– Được, anh gánh đôi nước về nhà cho tôi.

– Cô đừng nói. Thật chứ ?

– Được rồi.

Tất cả mưu kế trở thành một trò lố bịch, Yasuo lủi thủi cúi đầu gánh nước đi. Nửa đường, anh ta quay đầu lại, thấy người con gái đang theo sau, cười tự nhiên. Anh ta dừng bước, cô ta cũng dừng lại ngay, thủ thế. Anh ta đành tiếp tục đi.

Tuy vậy Yasuo không bỏ cuộc dễ dàng. Tiếng đồn xấu về Hatsue lan tràn đến nỗi gia đình Shinji đi đâu cũng gặp phản-ứng khác lạ. Chú em Hiroshi đi du ngoạn về, không biết đầu đuôi ra sao cả, bị bạn bè chế giễu về chuyện ông anh. Bà mẹ của Shinji đi họp gặp ngay vẻ lạnh nhạt của phụ nữ trong làng. Một đêm, chờ cho Hiroshi ngủ yên, bà khẽ hỏi đứa con trai lớn :

– Con có biết những điều người ta nói về con với Hatsue chứ ?

Anh con trai đỏ mặt, lắc đầu. Bà mẹ hỏi thẳng :

– Chúng mày ăn nằm với nhau đấy à ?

Shinji lại lắc đầu.

– Chúng mày không làm gì bậy bạ như người ta nói chứ hả ?

– Không.

– Thế thì được. Mẹ không có gì phiền trách. Nhưng coi chừng miệng lưỡi thiên hạ độc địa lắm có.

Nhưng rắc rối nhất là câu chuyện xảy ra một hôm tại nhà tắm công cộng. Hôm ấy ông Teru cởi bỏ quần áo, bước vào phòng tắm nước nóng trong khi mọi người đang vui nhộn, cười nói ồn-ào giữa hơi khói bốc lên mù mịt. Hai cậu nhỏ đang nghịch ngố om sòm trong bể nước, không trông thấy ông Teru, hỏi nhau :

– Cái ông Teru coi bộ lú lẫn rồi mày nhỉ. Con gái bị phá tân mà ông ta chẳng biết gì cả. Còn cái thằng Shinji, ai cũng tưởng hiền lành, không ngờ lại là tay tổ !

Ai nấy lo lắng liếc nhìn Teru. Ông già bước ra khỏi bồn tắm

nét mặt bình tĩnh, múc hai gáo nước lạnh xối lên đầu hai cậu nhỏ, đá mỗi cậu một cái vào mông, đè đầu hai cậu nhóc xuống bể nước, rồi cụng đầu cậu này vào cậu kia cốp cốp mấy cái. Xong, ông ta bước ngay ra khỏi phòng, không kịp lau mình.

Trưa hôm sau, trên chiếc *Taibei-maru*, lúc nghỉ ngơi để ăn trưa, ông Jukichi rút trong túi ra một tờ giấy xếp lại thật nhỏ, đưa cho Shinji :

— Hồi sáng, lúc tao đi ngang qua nhà Teru, con bé Hatsue nó chạy theo nhét vào tay cái này. Tao tưởng đã già còn nhận được thư tình, khoái quá. Chừng mở ra thấy gửi cho "Ông Shinji", tao tính vất xuống nước rồi đấy.

Lá thư báo cho Shinji biết : Từ nay cô gái bị ông bố cấm tuyệt đối không được gặp mặt Shinji. Hàng ngày từ lúc ghe chài về đảo cho tới lúc ghe ra khơi, cô không được ra khỏi nhà. Những ngày ngư dân không đi bể, ông bố sẽ nằm nhà trông kỹ cô con gái. Cô bé không dám gửi thư bằng lối bưu điện, sợ lộ. Hàng ngày, cô ta sẽ nhét một lá thư dưới cái nắp khạp ngoài vườn, trước cửa nhà bếp. Đó là địa điểm trao đổi thư từ giữa đôi bên. Cô ta cầu Trời khấn Phật...

Shinji đọc xong, ông Jukichi giật lấy lá thư, thong thả đọc từng chữ, vừa đọc vừa ngâm nga như thương lệ. Cuối cùng, ông ta kết luận :

— Con gái, tụi nó khôn thiệt.

Rồi ông ta bảo Shinji kể lại đầu đuôi tự sự cho nghe. Anh chàng khá vụng về, nói vòng vo, đầu Ngô mình Sở, thiếu trước hụt sau. Dầu sao rồi cũng tới câu chuyện xảy ra tại đài quan sát vào cái hôm trời bão tố, bên cạnh ngọn lửa. Nghe tới đây, ông Jukichi phá lên cười ha hả, cười ngất :

— Trời đất ơi ! Tao mà ở địa vị mày thì phải biết. Con nhỏ "cứng" thiệt. Mai mốt cưới về rồi mày phải truy lãnh một ngày mười bận mới được.

Giữa chỗ bể rộng trời cao, ông Jukichi nói oang oang, tiếng vang xa hàng trăm thước bốn bề. Nhưng xung quanh không có ai trên thuyền chỉ có ba thầy trò với nhau. Thằng Ryûji nghe xong, tình nguyện moi sang ghe lay thu cho Shinji.

Từ đó, ngày ngày họ đều đọc thư với nhau, đều bàn luận với nhau. Shinji có những người bạn tâm tình tin cậy, cũng thấy ấm lòng. Như thế cho đến khi nhận được lá thư Hatsue kể lại vụ Yasuo nửa đêm rình ngoài suối định làm ô uế nàng, và mặc dù

nàng đã tha thứ hắn ta vẫn cứ rêu rao khắp đảo.

Cả ba thày trò giận uất người. Bất giác, Shinji buột miệng:

– Chỉ vì tôi nghèo nên mới tới nỗi này.

Nói xong, tự dưng nước mắt trào ra. Những giọt nước mắt xấu hổ, không phải vì nghèo mà chính là vì đã mềm yếu không nén giữ được một lời than thở. Ông Jukichi trầm ngâm hồi lâu rồi bảo cả hai cậu thanh niên :

– Tao biết tụi bay tính toán những gì. Tính đập thằng Yasuo một trận, phải không ? Đừng. Nghe lời tao đi. Nó là một thằng tồi. Mặc xác nó, đừng động tới. Ông Teru không phải là một người ngu đâu. Rồi thế nào đứa tốt vẫn thắng. Để rồi coi.

Hết kỳ nghỉ sau khóa mùa xuân, Chiyoko trở lại Đông kinh, với tất cả niềm hối hận đã gieo tiếng dữ, làm đau khổ Shinji.

Cả một mùa hè, người con trai tội nghiệp ấy không làm cách nào gặp mặt được người yêu lấy một lần. Chỉ có thể vào lúc chạng vạng đứng xa xa nhìn về phía cửa sổ nhà nàng, thấy một hình dáng lờ mờ. Như thế không ích gì, chỉ càng thêm nhớ nhau.

Bà mẹ anh ta thấy con buồn bã, lấy làm đau xót. Một hôm, bà ta đánh bạo quyết định liều lĩnh : đi thẳng tới nhà ông Teru để cầu hôn.

Vẫn mặc bộ đồ thường nhật, bà đến nơi giữa một cảnh vắng vẻ, tĩnh mịch. Bà gọi cửa, Hatsue chạy ra, kêu :

– Ô ! Thưa bác !

Bà ngắm nghía người con gái khiến cô bé đỏ mặt. Bà khen :

– Cô buộc tóc bằng sợi dây vàng, trông xinh lắm.

Bà bảo cô gái vào thưa với bố là bà muốn gặp ông, – rồi bà ngồi xuống chờ đợi. Sự chờ đợi càng kéo dài người đàn bà tự dưng càng cảm thấy mất can đảm. Thế rồi cô gái trở ra ngập ngừng thưa rằng bố mình từ chối cuộc tiếp kiến. Bà mẹ nổi tam bành :

– Á à ! Các người không muốn nói chuyện với mụ đàn bà góa này hả. Được rồi, cô hãy nói lại với ba cô là từ rày về sau nhất định không bao giờ tôi đặt chân tới nhà này nữa đâu.

Cái kết thúc bi đát của một chuyến mạo hiểm ấy, rồi bà cụ không hề kể lại cho con nghe mà Hatsue cũng không thuật lại trong thư cho Shinji. Nhưng rồi người con trai vẫn biết rõ sự thất bại của mẹ mình.

Một ngày tháng năm, bỗng nhiên anh chàng nhận được mấy

hàng :"Đến tối mai ba em tiếp khách từ xa tới chơi. Thường , cứ sau khi uống rượu, ba em ngủ sớm.. Vậy chừng 11 giờ đêm, đợi em ở đền Yashiro ". Anh chàng mừng rỡ, tưởng mình bay thấu mây xanh.

Đêm ấy không trăng. Anh ta ngồi khuất vào bóng thông um tùm, tận cùng hai trăm bậc cấp, ngồi hàng giờ nhìn vẩn vơ ngoài vịnh Ise, trông theo ánh đèn nhấp nhô bên kia các bán đảo Chi-ta và Atsumi. Thế rồi cái bóng dáng nhỏ nhắn quen thuộc xuất hiện, rồi tiếng guốc gỗ lóc cóc trên bậc cấp...

Shinji muốn cố gắng ngồi yên, nhưng vẫn cứ nhấp nhổm, toan bật dậy chạy bổ xuống . Đột nhiên, anh ta nghe những tiếng quát tháo giận dữ : ông Teru ở đâu xuất hiện, túm lấy cổ tay cô gái, lôi thẳng về nhà.

Người con trai đứng sững như trời trồng trên cao, nhìn theo bóng người yêu khuất dạng trong đêm tối.

Ở đảo Utajima mùa lặn bắt ốc sôi nổi nhất là vào tháng 6, tháng 7. Phụ nữ tập trung về phía Bãi Vườn. Tại đây có nhúm sẵn một ngọn lửa cao để chờ những người vừa ngoi lên từ dưới bể sâu chạy đến sưởi ấm.

Ở đây không có đàn ông lọt vào. Đến giờ nghỉ trưa, đám đàn bà con gái tự do trò chuyện, đùa giỡn, cười chí chóe. Họ mang nhũ hoa ra đấu với nhau. Có những bộ nhũ hoa đã bắt đầu héo, nhưng phần lớn còn rắn chắc, đầy đặn, và tất cả đều rám nắng trông đầy sinh lực. Có cô kêu rằng của mình bên bé bên lớn không đều nhau. Một bà già liến cố vấn :

– Đừng lo, cháu ơi. Mai mốt có chồng, bảo nó sờ nắn bên bé, nó phồng lên ngay.

Cả bọn cười ầm ĩ.

Chính nhờ vào mùa lặn này mà những tiếng đồn đại về vụ Hatsue giảm dần nhanh chóng. Bởi vì đàn bà họ biết rõ điều ấy: một khi ai nấy đã trông thấy bộ ngực mơn mởn với cái núm hồng nhỏ xíu thế kia thì không ai còn tin là cô gái đã gần gũi đàn ông

Đám thợ lặn ăn trưa xong, đang cười giỡn, bỗng họ giơ tay ôm lấy ngực kêu chí chóe : Từ xa có bóng một người đàn ông đi lại. Thực ra, đám đàn bà chỉ giả vờ thế thôi. Họ đã biết rõ đó là ai rồi. Chỉ là một ông lão gầy nhom, đi bán dạo các món trang sức. Ông ta ranh mãnh bảo :

– Ô, xin lỗi ! Tôi làm các bà sợ hãi. Tôi đi nhé ?

Không ! họ đổ xô lại xem hàng của ông ta : nào áo kimono, nào áo quần trẻ con, đồ lót, nào gương , lược, dây thắt lưng,cài kẹp v.v...

Khi đã bán xong một số hàng, ông lão tuyên bố :

— Hôm nay có c huyện hay. Các bà các cô xem đây : Ba cái ví đẹp nhá. (Cả bọn n hao nhao) . Y một kiểu. Cái màu xanh là của con gái; cái màu nâu cho các bà đứng tuổi, còn cái màu đen này cho các bà cao niên. Giá nhất định : 800đồng yên

— Đắc nhỉ !

— Không đắc đâu. 800 đồng là đáng giá. Nhưng hôm nay nhà hàng Omiya muốn tặng khách hàng Utajima một hàng , một trong ba chiếc ví này. Tặng cho người thắng cuộc saumột trận tranh tài.

— Tranh cái gì mới được chứ ?

— Chẳng hạn chúng ta thi lặn tìm ốc xà cừ . Ai bắt được nhiều nhất thì chọn lấy một cái ví.

Tất cả có tám người dự thi, trong số ấy có cả bà mẹ Sh in-ji lẫn Hatsue. Một chiếc tàu con đưa cả bọn ra khơi. Và một giờ đồng hồ sau,họ trở về, n gười nào người ấy xác xơ,nhợtnhạt sau những cố gắng vừa qua. Dưới ánh nắng chan hòa, nhũ hoa họ nổi da gà, làn da họ như tái xanh. Mặc ai nấy hoan hô, tám người xoài ra bãi cát, nằm quanh đống lửa, mệt lử, không nói một tiếng.

Ông lão kiểm điểm kết quả, rồi tuyên bố :

— Hatsue, nhất ! Hai mươi con ốc.

Người con gái lặng lẽ đứng lên, chọn chiếc ví màu nâu,tiến tới trao vào tay bà mẹ Sh in ji. Bà mừng rỡ ra mặt, hỏi :

— Tại sao cô lại... ?

— Vì cháu vẫn muốn chuộc lại cái lỗi...từ khi ba cháu ...có thái độ không nhã nhặn đối với bác.

Mọi người xung quanh xúm lại khen ngợi cô gái. Người đàn bà đơn giản lấy từ giấy lớn gói chiếc ví lại cẩn thận, và nhìn cô gái mỉm cười. Hai n gười cười với nhau.

Thuyền trưởng chiếc *Utajima-maru* là một người cao lớn, cỡ tứ tuần, hói trán, và hơi nhiều vợ, mỗi bà ở một bến. Đám thủy thủ gọi họ là bà Yok o hama, bà Moji v.v... Cuối mùa mư a năm ấy, khi tàu trở về đảo, th uyền trưởng đến gặp chủ tàu là ông Teru xong, lại sang nhà Yasuo, nhà ông Jukichi, rồi đến nhà

Shinji, mời anh ta tập sự trên chiếc *Utajima-maru* trong chuyến đi sắp tới.

Lệ thường ở đảo, con trai đến tuổi mười bảy, mười tám bắt đầu tập nghề thủy thủ. Được có người tới giúp một cơ hội, đáng lẽ Shinji thuận ngay, nhưng anh ta lấy làm suy nghĩ về một điểm tại sao lại chọn một chiếc tàu của ông Teru ? Anh đến nhà ông Jukichi để xin giúp ý kiến : Ông này hoan hỉ tán thành đề nghị của người thuyền trưởng, và xui Shinji nên nhận lời. Cũng lúc ấy anh chàng được biết thêm một điều ngộ nghĩnh nữa : là Yasuo cũng cùng tập sự trên tàu này với anh ta. Nghe phong thanh rằng đây là do ông Teru : Ông chỉ chọn làm rể người con trai nào đã tập sự thủy thủ xong.

Hôm tàu khởi hành, Hatsue có ra bến. Người con gái không hề ngó qua Shinji một lần nào trước mặt mọi người. Chỉ vào lúc tàu sắp kéo neo, nàng nghiêng mình về phía bà mẹ Shinji , nói nhỏ mấy lời và trao một gói giấy. Bà mẹ đưa cái gói cho con trai.

Khi con tàu đã ra xa bờ, Shinji tìm chỗ vắng, mở cái gói ra : một tấm hình của Hatsue và một lá thư:

"Em gửi anh cái hình này, chụp ở mũi Daio, cũng như có em theo anh. Ba em không nói gì về chuyến đi này, nhưng khi ông đã chọn anh cùng đi với Yasuo, em chắc ông có một ý gì đó. Em thấy có tia hi vọng đó anh. Kể từ hôm nay, ngày nào em cũng lên đền Yashiro khấn vái cho anh được bình an. Xin anh bền lòng . Yêu anh. "

Người con trai cảm thấy phấn khởi, tự tin. Chuyến này , chiếc *Uttajima-maru* chở gỗ tới Okinawa, trở về Kobe trong 6 tuần, rồi quặc sang hướng tây đi Moji, sau đó lại dọc theo bờ bể đến bến Nichinan, rồi tới Fukushima chở 1400 thước khối gỗ trở lại Okinawa. Thủy thủ trên tàu, lúc rảnh rỗi, cũng nhauuống sa-kê lai rai, nghe nhạc, chuyện trò đùa giỡn với nhau trên ba chiếc chiếu trải giữa buồng. Trong những cuộc hội họp như thế Yasuo nói năng lưu loát , được nhiều chú ý ; còn Shinji thì lặng lẽ âm thầm. Nhưng dần dần, sinh hoạt trên tàu chứng tỏ cho ai nấy thấy rõ Yasuo nhác nhớn, còn Shinji thảo vát, tốt bụng.

Có lần Yasuo bị bắt gặp trốn việc vào buồng chơi, bị cự nự anh ta dọa : "Dù sao, tôi sẽ là rể ông Teru , và làm chủ chiếc tàu này mà." Người chỉ huy giận tím mặt, nhưng không dám nói gì. " Biết đâu rồi hắn ta được thế thật ?"

Lần khác, Yasuo huênh hoang nói về chuyện sắp cưới Hatsue, Shinji hỏi :

– Chắc anh có ảnh kỷ niệm của Hatsue ?

– Dĩ nhiên là có.

Một lát anh ta hỏi lại Shinji :

– Thế còn anh, anh cũng có à ?

– Có cái gì cơ ?

– Hình của Hatsue ấy mà.

– Không !

Shinji âm thầmsung sướng, biết chắc Yasuo vừa rồi đã nói láo hoàn toàn.

Khi con tàu vào bến Unten, vào lúc sáu giờ tối, trời bắt đầu nổi cơn bão. Thuyền trưởng ra lệnh ngừng chạy, buột bốn sợi dây thép vào một cái phao, neo tàu lại.

11 giờ đêm, đến phiên gác của Yasuo, Shinji cùng với một thủy thủ nữa. Cả ba chăm chú theo dõi các sợi dây sinh - tử. Bỗng, Yasuo hét lên:

– Coi kìa !

Một sợi dây bị nghiến đứt, quật mạnh về nhanh như điện. May mà cả ba vừa kịpné tránh, nếu không họ bị cắt đứt ngay. Vấn đề nguy cấp là phải nối ngay một sợi khác để thay thế.

Thuyền trưởng dõng dạc nói :

– Lấy sợi dây cấp cứu ra dùng. Phải có một người ra buộc đầu dây kia vào phao. Ai tình nguyện ?

Giữa tiếng sóng gào thét ầm ầm, ai nấy im lặng. Yasuorụt cổ lại. Thuyền trưởng hỏi :

– Không có ai đi cả à ?

– Tôi !

Shinji mỉm cười, nhận lời. Thuyền trưởng bảo bốn người lấy một đầu sợi dây buộc vào cây cọc ở mũi tàu, và trao đầu dây kia cho Shinji, hét to :"Quấn vào người, bơi đi."

Cuộc vật lộn với những con sóng trên mặt biển đang cơn bão thật khủng khiếp. Bao nhiêu lần, Shinji tưởng với được cái phao thì nó lại vụt cất lên cao vút, hoặc bị sóng lôi xuống sâu thẳm. Khoản cách hai mươi thước giữa con tàu với cái phao bây giờ thành ra vô tận. Có lúc, anh ta suýt bị xô đập vỡ ngực vào cái phao sắt. Nhưng cuối cùng rồi anh chàng vẫn trèo lên được,bám lấy chiếc phao, nằm mẹp xuống để khỏi bị sóng quét đi.

Ngước đầu nhìn lên tàu, Shinji thấy mờ mờ bốn người đứng ở

mũi tàu theo dõi mình. Hì hục mãi mới buộc xong đầu dây, anh ta giơ cao một cánh tay để báo tin mừng. Trên tàu, bốn người cùng giơ tay đáp lại.

Shinji lên tàu, viên thuyền trưởng vỗ vai anh ta, bảo Yasuo dìu anh ta về phòng cho người ta lau vàhong, rồi bắt anh ta nghỉ ngơi. Sáng hôm sau, khi Shinji thức giấc, trời quang tạnh, tưng bừng.

Giữa tháng tám, chiếc *Utajima-maru* về đảo. Ông Jukichi mời Shinji dự một tiệc mừng, ép anh ta uống rượu sa-kê. Hai hôm sau, anh chàng lại ra biển đánh cá như thường lệ, như không hề có việc gì xảy ra. Ông Jukichi hỏi :

– Nghe nói chuyến đi vừa rồi mày xuất sắc lắm, phải không?

– Đâu có gì.

– Ông Teru có nói gì với mày không ?

– Không.

– À.

Shinji tỉnh bơ, tưởng chừng trong một tháng rưỡi vừa qua anh ta vừa rúc vào một nơi nào đó ngủ quên, thế thôi.

Kỳ nghỉ khóa mùa hè năm ấy gần mãn mà Chiyoko vẫn chưa chịu về. Vợ chồng ông quản đăng cuống lên; bà vợ viết liên tiếp nhiều lá thư giục giã lâm ly. Rốt cuộc, cô gái thú thực : Vì nàng đã tung tin bậy về cặp Shinji và Hatsue mà họ điêu đứng, khổ sở lâunay. Nàng lấy làm xấu hổ, không còn mặt mũi nào về quê, trừ phi trong trường hợp mẹ nàng chịu đứng ra thu xếp để cho cặp tình nhân nọ lấy được nhau !

Thế là bà vợ ông quản đăng bắt tay tức thì vào việc. Bà ta vừa đưa ý kiến ra liền được nhiều bà khác hưởng ứng ủng hộ : "Cái ông Teru ấy mà gả con bé cho thằng Yasuo thì điên thật ! Cái thằng vô tích sự. "

Cánh đàn bà bàn tính rồi quyết định cử một đoàn đại diện năm người đi theo bà quản đăng. Đến nhà, gọi mãi mấy lần mới thấy ông Teru lừ lừ bước ra (Hatsue hình như đi vắng). Ông ta trông bệ vệ đến khiếp, mời các bà vào , rồi cứ yên lặng ngồi, nhìn ra cửa sổ, không nói gì. Hồi lâu, không khí trở nên nặng-nề; lắm bà bắt đầu e dè, sợ hãi. Bà quản đăng lên tiếng:"Chúng tôi muốn thưa với ông về câu chuyện cháu Hatsue và anh Shinji".

Lúc bấy giờ ông Teru mới chịu quay lại, nhìn các bà:

– Thế à ? Việc ấy đã giải quyết xong rồi : Shinji sẽ cưới

Hatsue.

Các bà nhốn nháo cả lên. Ông Teru dừng lại, rồi tiếp tục:

– Ban đầu nghe người ta nói, tôi giận. Sau thấy con bé nó tha thiết quá, tôi thử cho cả Shinji và Yasuo đi tập sự trên một chuyến tàu, và nhờ ông thuyền trưởng theo dõi họ. Kết quả ông ấy cho hay là Shinji hơn hẳn. Gia đình, tiền bạc đều thứ yếu ; người đàn ông cần nhất là cái ý chí mạnh mẽ. Đảo Utajima cần những con người có ý chí. Shinji , nó là một đứa quả quyết.

Một buổi chiều, đánh cá về, Shinji đến nhà ông Teru, và đôi trẻ dẫn nhau lên đền Yashiro làm lễ tạ ơn, rồi sang nhà người quản đăng để cảm tạ . Họ được mời ở lại ăn cơm tối, và bà vợ mừng rỡ báo tin : ngày mai Chiyoko sẽ về.

An song, ông quản đăng có nhã ý đưa họ lên xem ngọn đèn, vì Hatsue mới từ xa về chưa bao giờ được đến xem gần ngọn hải đăng. Họ trèo lên các bậc cấp, đến một căn phòng nhỏ hẹp có đặt viễn vọng kính để quan sát tàu bè. Nhìn vào ống kính, cô gái reo lên vì cảnh trí sao đêm nhấp nháy, đèn đuốc lấp lánh rực rỡ . Shinji giải thích : Này là ngọn hải đăng bên mũi Irako, bên trái kia là đảo Shino, xa xa là mũi Noma của bán đảo Chi-ta, bên mặt là ngọn núi Oyama v.v...

Xong, người quản đăng lại đưa họ đến tận chỗ ngọn đèn, sau khi leo một cái cầu thang xoáy trôn ốc lên đến tận trên đỉnh cao rồi ông kín đáo rút lui. Chỉ còn lại đôi tình nhân trẻ với nhau giữa đêm tối bao la, vắng lặng. Ngọn đèn quay tròn đều đều, quét một làn ánh sáng vào cái mịt mùng bốn bề không cùng tận. Hai người đứng sát vào nhau. Đôi má nóng bỏng của họ khẽ áp vào nhau. Họ lặng im hồi lâu, đăm đăm nhìn ra bên ngoài.

Đột nhiên, Hatsue quay lại nhìn Shinji mỉm cười. Cô ta rút trong tay áo ra chiếc vỏ sò màu hồng, hỏi:

– Anh còn nhớ không ?

– Nhớ.

Người con trai cười, rút chiếc ảnh Hatsue từ túi áo trước ngực ra. Người con gái cầm lấy rồi trả lại cho anh, đôi mắt ánh lên một niềm hãnh diện.

TRẦN THẠCH *giới thiệu.*

CÁCH MẠNG VĂN HÓA PHÁP

BI VỀ ĐÂU ?

❋

Mười năm trước, ngày Lao Động tháng Năm đánh dấu sự thắng thế của giới trẻ, giới sinh viên, học sinh của xứ ông tây bà đầm trong trò làm một màn cách mạng văn hóa.

Mười năm sau, nước Pháp nhìn lại năm 1968, thời kỳ vãng son của cách mạng, cái thời kỳ mà tuổi trẻ Pháp hết sức hăng hái trong việc đứng lên đạp đổ mọi lề thói của xã hội, một cách thờ ơ.

1968, thời kỳ thạnh trị của các tư tưởng mới, loại tư tưởng chống đối và nổi loạn của giới trẻ các trường University of California tại Berkeley và Columbia University của Mỹ lan tràn sang các trường đại học Âu châu. Nước Pháp là nước chịu ảnh hưởng các tư tưởng chống đối ấy nhiều nhất. Và những cuộc nổi loạn của sinh viên Pháp cũng nổi tiếng nhất. Trong khi các cuộc xuống đường của sinh viên các nơi khác tại Âu châu thất bại thì các cuộc biểu tình chống đối của sinh viên Pháp làm thế giới phải một phen hú hồn. Tại Pháp, họ đã làm nổi màn kêu gọi hàng triệu công nhân đứng lên theo họ đình công, làm khủng hoảng đời sống dân chúng, và làm nền Đệ Ngũ Cộng Hòa phe De Gaulle lung lay ra gì.

Cả một thế hệ trẻ Pháp dính líu vào những trận đụng độ xô xát với cảnh sát. Những cuộc chạm trán như vậy xảy ra hàng đêm ở khu Latin đánh dấu sự mở màn những ngày cuối cùng của Charles De Gaulle.

Thời kỳ sôi nổi ấy ngày nay đã chìm vào dĩ vãng, tuy ảnh hưởng của nó có phảng phất chút ít trong xã hội Tây, và trong đường lối cai trị của chính quyền Pháp. Sự tương quan giữa các thế hệ với nhau, cũng như sự liên hệ giữa chính quyền và dân chúng đều cởi mở và thân mật hơn.

Phần lớp trẻ ngày xưa, ngày nay lại trở thành đám người đại diện cho tầng lớp mà ngày xưa họ chống đối và đạp đổ. Những nhà cách mạng oai hùng ấy mười năm trước đã từng tuyên bố: *"Bọn 30 trở lên là khó tin, không xài được"*. Ngày nay, bọn 30 trở lên của xã hội Tây, bọn bận bịu vì những lý tưởng cầu nhân tầm thường đều chính là những cựu anh hùng hăm hở làm cách mạng năm xưa.

Còn sinh viên và giới trẻ Pháp thời nay? Chỉ cái màn học hành không xong ra ngoài tìm việc làm không ra và tương lai rước bà cả đọi về chơi cũng đủ cho các cô các cậu lo sốt vó, thì giờ đâu mà chạy theo ba cái trò xuống đường, làm chính trị. Ngay cả thái độ của người Pháp thời nay cũng thay đổi. Lễ Lao Động vừa qua, một nhóm quá khích xuống đường đập phá xe hơi, cửa tiệm sau cuộc biểu tình thường niên, chẳng làm ai chú ý cả trừ mấy ông phú-lít và khổ chủ các xe hơi và cửa tiệm bị đập phá mà thôi.

Quả tình ông tây bà đầm ngày nay chán các trò xuống đường rồi. Trước cuộc tổng tuyển cử vừa qua, khi các anh cộng sản xã hội hăm he sẽ thắng lớn, cả thế giới cũng hơi rét. Nhưng khi đi đầu phiếu tinh thần nhân dân xứ cộng hòa tây cũng tỏ ra cầu an ra gì. Quí cụ dù có mòng một cuộc thay đổi chính sách coi chơi, nhưng thay đổi với mấy ông cộng sản và xã hội thì cũng có hơi nhức tim, nên rốt lại quí cụ quyết định chơi trò an toàn vẫn hơn.

Tuy vậy, chính quyền ngày nay cũng còn hơi e ngại màn 1968 tái diễn. Nhà nước Tây vẫn nhất định không cho phép anh chàng lãnh tụ sinh viên nổi loạn nổi tiếng tại Daniel Cohn-Bendit, bị trục xuất khỏi xứ từ mười năm trước, được phép trở lại mẫu quốc. Daniel hiện giờ vẫn ở Tây Đức, an phận làm ăn, hùn vốn trông coi một cửa tiệm bán sách khuynh tả ở Frankfurt. Các anh hùng ưa làm cách mạng ngày xưa cũng vậy; bây giờ họ là những bác sĩ, kỹ sư, thương gia, đôi khi có buồn buồn ngồi kể chuyện cổ tích cho bạn bè con cháu thì, *"Tui cũng có biểu tình, cũng ở Sorbone khi cảnh sát tấn công"...* " ra gì.

Những cuộc tranh đấu của giới trẻ Pháp ngày nay cũng còn, nhưng với những mục tiêu hoàn toàn khác, chẳng hạn như tranh đấu chống ô nhiễm môi sinh, hay đòi quyền bình đẳng cho phụ nữ.

Một triết gia thuộc nhóm những nhà tư tưởng trẻ của Pháp, được biết dưới danh hiệu "tân triết", Michel de Bris đã tóm tắt thái độ của ông tây bà đầm thời nay bằng một câu, *"Thượng đế đã chết, Marx cũng đã chết; còn tôi, tôi cũng đang ngất ngư."*

NGỌC LIÊN thuật

du học sinh V.N.

THẾ KỶ THỨ XVIII

Cách nhau hai trăm năm, người miền Bắc vào Nam đều cũng chú ý đến đồng hồ – Những chiếc đồng hồ mà cụ Lê Quý Đôn đã trông thấy tại Thuận hóa – Từ thế kỷ thứ XVIII đã có người Việt nam sang tận Hòa lan để du học, chế tạo được đồng hồ v.v

CÁI TỰ MINH CHUNG

Năm 1975, cộng sản từ Bắc vào chiếm miền Nam Việt nam. Cán binh ùa vào, sững sờ trước các tiện nghi "văn minh" trong đời sống hàng ngày của đồng bào Miền Nam. Một trong những vật kỳ lạ là thứ đồng hồ "nhiều cửa sổ, không người lái v.v... "

Ngôn ngữ dùng để mô tả đồng hồ "hiện đại" của Miền Nam đã vượt trùng dương, sang tận Mỹ, góp thêm một trò cười, làm khuây khỏa đời di tản buồn.

Do sự tình cờ của lịch sử, đúng hai trăm năm trước, chúa Trịnh cũng mang quân đánh chiếm đất Thuận Quảng của chúa Nguyễn ở Đàng Trong vào năm 1775. Và lúc bấy giờ đời sống Đang Trong cũng lại sung túc hơn ở Đàng Ngoài. Trong số các người từ Bắc vào Nam hai trăm năm trước cũng có người ngạc nhiên vì đồng hồ. Người ấy là một nhà học giả : Lê Quý Đôn.

Dĩ nhiên trước vật lạ, thái độ của một bậc học giả thấm nhuần đạo đức Khổng Mạnh và thái độ của đám cán binh thấm nhuần tinh thần Mác Lê, hai bên khác nhau xa. Ngôn ngữ cũng khác.

Cuối thế kỷ thứ XVIII, Lê quý Đôn tỉ mỉ quan sát các chiếc đồng hồ ở Thuận hóa và ghi chép vào sách Phủ biên tạp lục như sau:

« Đồng hồ Tây phương gọi là tự minh chung, hình dáng khác nhau. Tử-tâm-bá ở Thiên văn nội viện có một cái đồng hồ do họ Nguyễn giao cho sửa, trông giống như chùa Phật, cao chừng độ 1 thước, mặt trước là một tấm đồng ở giữa vẽ vòng tròn, chia ra làm 12 giờ : giờ ngọ ở trên, giờ tý ở dưới, giờ mão ở phía đông giờ dậu ở phía tây. Thời giờ chia theo bát can (giáp, ất, bính, đinh, canh, tân, nhâm, quí) và tứ duy (càn, khảm, cấn, tốn). Bắt đầu từ chữ đinh là số 1, về một vạch thẳng, mùi là số 2 , khôn là số 3, cứ thuận đi đến tý là số 12. Lại bắt đầu từ chữ quí là số 1, sửu là số 2, càn là số 3, rồi chuyển sang tả để đến ngọ là số 12. Tất cả là 24 giờ. Mỗi giờ 4 khắc. Xung quanh vòng tròn vạch 96 khắc. Ở chính giữa tấm đồng mặt trước thì có hai cây kim, kim trong để chỉ giờ, to mà ngắn, kim ngoài chỉ phút , nhỏ mà dài. Mặt sau là một tấm sắt. Hai mặt tả hữu đều có tấm đồng để che bụi. Bốn góc có bốn cột bằng đồng, ở giữa có 5 trụ đồng, 15 bánh xe đồng vừa lớn vừa nhỏ, trong là 3 chiếc lớn, đều có trục ngang và thẳng, hình răng cưa, khi chuyển xoay thì khớp cọ với nhau. Bên trên có một quả chuông lớn và sáu quả chuông nhỏ, một dùi đồng để gõ chuông lớn và sáu cái dùi để gõ chuông nhỏ. Bên dưới là cái giá cao 5 thước, để đặt đồng hồ. Dùng ba đường dây to cuộn vào trục lớn của ba bánh xe mà bỏ rũ xuống. Dây giữa ngắn, hai dây bên dài; mỗi đầu dây buộc một quả chì nặng 6 cân, một đầu buộc hòn chì nhỏ hơn nặng 1 lạng 7 đồng cân để cho nó chuyển bánh xe . Hễ khi nào thấy quả chì lớn sà xuống còn cách đất 1 thước thì phải đun lên ngay, để cho những quả chì nhỏ đều rũ xuống gần đất. Mặt sau đồng hồ lại có một quả trường canh treo lủng lẳng, gọi là quả lắc, để điều tiết sự vận hành, không thế thì là chuyển vận một chiều, không đúng được. Hễ bánh xe đồng đi tới chữ đinh(khắc thứ nhất) thì chuông nhỏ đánh một tiếng, tới khắc thứ hai đánh hai tiếng, khắc thứ ba đánh ba tiếng, khắc thứ tư đánh bốn tiếng. Tới đúng giờ thì chuông lớn đánh một tiếng, giờ mùi thì chuông lớn đánh hai tiếng, giờ khôn thì ba tiếng, giờ thân bốn tiếng, giờ canh 5 tiếng giờ dậu 6 tiếng, tân 7 tiếng, tuất 8 tiếng, càn 9 tiếng, hợi 10 tiếng, nhâm 11 tiếng, tý 12 tiếng . Đến giờ quí thì lại

đánh 1 tiếng, sửu 2 tiếng, cẩn 3 tiếng, dần 4 tiếng, chođến giáp 5 tiếng, mão 6 tiếng, ất 7 tiếng, thìn 8 tiếng, tốn 9 tiếng, tý 10 tiếng , bính 11 tiếng, ngọ 12 tiếng. Theo giờ mà đánh không sai. Trên đồng hồ lại có cái giá, trên giá có lá sen để che. Hai mặt phía sau và bên hữu thì có che bằng tấm kính, còn haimặt phía trước và bên tả thì có cửa mở ra khép lại để tiện xem.»

LẤY CHÌA KHÓA VẶN THÌ CHẠY

Trong đoạn sách này, Lê quí Đôn đề cập đến tất cả 4 chiếc đồng hồ. Một chiếc của họ Nguyễn nói trên, cũng như một chiếc khác cũng do Nguyễn văn Tú sửa chữa thì cụ Lê không nói là do đâu chế tạo. Lại có chiếc đồng hồ do Nguyễn văn Tú chế tạo : hạng trung, chuông chỉ đánh giờ mà không đánh khắc. Ngoài ra, cụ còn tả kỹ một chiếc đồng hồ nhập cảng từ Tây phương :

« Lại có một thứ đồng hồ thực từ Tây phương đưa sang cao 1 thước 5 tấc, rộng 1 thước, trên có hình người cưỡi voi, tả hữu có hai con rồng , dưới bốn chân giống như chân voi. Chất đồng tốt , chạm vẽ rất khéo. Trong rỗng mà hình tròn. Mặt trước tráng men, vành ngoài khắc chữ tây, vành trong thì khắc số chỉ 24 giờ. Tý và ngọ cùng một vị ở trên khắc 12 vạch; quí và đinh cùng một vị, 1 vạch, ở tây nam;

****

Đọc mỗi số VĂN HỌC NGHỆ THUẬT bạn có:

— Nhận định của các văn sĩ, nghệ sĩ, giáo sư tên tuổi về cá vấn đề văn hóa quan trọng mà mọi Việt kiều không thể khôn suy nghĩ.

— Một số truyện ngắn, tuỳ bút, thơ v.v.. thật chọn lọc.

— Một thiến truyện dài rút ngắn từ các danh phẩm quốc t

— Những tin tức về hoạt động văn nghệ quốc tế và VN.

Ngân phiếu mua dài hạn xin đề:

LÊ SÁNG NGHIỆP
P.O. Box 19555
San Diego , Ca. 92119

thuận hành chuyển sang bên tả thì sửu và mùi cùng một vị, 2 vạch ; cần và khôn cùng một vị, 3 vạch ; dần và thân , một vị, 4vạch; giáp và canh một vị, 5 vạch; ở tây bắc; mão và dậu cũng một vị, 6 vạch; ở dưới, ất và tân một vị,7 vạch; ở đ ông bắc, thìn và tuất cùng một vị, 8 vạch; tốn và can cùng một vị, 9 vạch, tỵ và hợi cùng một vị, 10 vạch; bính và nhâm cùng một vị, 11 vạch, ở đông nam; rồi lại đến tỵ và ngọ. Giữa tấm tráng men có k im trong kim ngoài, cũng như kiểutrên. Kim trong đi đến giờ nào thì chuông lớn cứ theo số giờ mà đánh. Giữa khoảng từ nhâm đến tỵ, tỵ đến quí thì đều có vạch. Khi kim trong đi đến chỗ 1 vạch thì chuông đánh 1 tiếng, đến chỗ 12 vạch thì chuông đánh 12 tiếng, để phân biệt đầu giờ và cuối giờ, vòng quanh các giờ đều thế. Ngoài tấm tráng men lại còn có một tấm kính có vòng đồng bọc chung quanh, bên tả có chốt để tiện mở đóng. Ở trung tâm đồng hồ treo những tấm đồng dẹp và tròn. Trong ngoài ba tầng đều đóng dính làm một. Trong có 2 bánh xe lớn, 10 bánh xe nhỏ, trục ngang nhỏ đều có răng cưa xen kẽ giữa bánh xe lớn v à bánh xe nhỏ. Lại trên tấm tròn tráng men mặt trước, ở bên cái trục giờ, có một lỗ để chuyển phát, hễ thấy kim giờ khắc ở trục không đi, thì dùng cái thìa khóa sắt xỏ vào mà vặn thì lại chạy, khéoléo khơ mà hình dung được. Lại ở trên đỉnh có treo 1 cái chuông lớn để báo giờ. Mặt sau có quả đồng trường - ca n h, lúc lắc không ngớt cho đồng hồ chạy. Mặt sau có một tấm đồng, bên tả có chốt, bên hữu có khóa, cũng dùng để mở đóng. Ý chừng toàn cơ ngọc hành đời xưa chẳng qua cũng như thế.»

Ngày nay đàn hậu bối lưu lạc ở nước Tây phương, đọc lại sách của cụ Lê qui Đôn, rồi n ghĩ đến những gì xảy ra ở quê hương trong thời gian vừa qua, bất giác bái phục cổ n hân hết sức.

Đối với cụ Hiệp trấn tham tán quân cơ Lê qui Đôn của nhà Lê thì hẳn nhiên chúa Nguyễn là n guỵ. Vật dụng cửu nguỵ bắt gặp được, thì cọng sản một mặt chê bai đủ điều, mộ t mặt tranh nhau vơ vét, hạng cao c ấp vơ cái lớn cái

quí, hạng thấp vét cái xoàng, nhất nhất không thể buông tha. Trong tình trạng lúc bấy giờ, những nhân vật cỡ Lê quí Đôn thì muốn đem bao nhiêu đồng kẽm của ngụy về Bắc để "nghiên cứu" mà chả được! Đằng này vị quan lớn ấy không hề có một lời dèm pha đồ của ngụy, mà bình tâm xem xét kỹ, đo từng sợi dây, cân từng cục chì, rồi của ngụy lại để nguyên cho ngụy. Phong cách đường hoàng nghiêm chỉnh.

Mặt khác, người ta thường cho rằng các nho sĩ ta xưa có thiên kiến đối với Tây phương, chỉ biết tôn sùng Trung hoa. Đằng này, Lê quí Đôn là một nhà nho thâm thúy, mà trước một công trình kỹ thuật của Tây phương cụ một mực tìm hiểu, học hỏi, thấy chỗ nào hay khéo, tinh xảo, thì không tiếc lời khen ngợi. Thế giới ngày nay đã thu hẹp, không ai có thể giấu giếm nhau điều gì, thế mà đám trí thức cộng sản vẫn a theo nhà nước che mắt dân chúng

****

VĂN VÀ NGƯỜI

Thượng thư Đàm thận Huy, ở đời Lê, tại xã Ông mặc, huyện Đông ngạn, dạy học trò rất đông. Một hôm giảng sách xong, gặp trận mưa, học trò chưa về được. Ông ra câu đối :

Vũ vô cường tỏa năng lưu khách (*Mưa không có khóa mà có thể cầm giữ khách lại*).

Nguyễn Giản Thanh đối lại :

S Sắc bất ba đào dị nịch nhân (*Sắc đẹp không sóng gió mà dễ đắm đuối người*).

Nguyễn Chiêu Huấn đối rằng :

Nguyệt hữu loan cung bất xạ nhân (*Trăng có vòng cung mà chẳng bắn được người*).

Một người học trò khác đối :

Phẩn bất uy quyền dị sử nhân (*Cục phân không có uy quyền gì mà lắm kẻ người ta sợ*).

Thầy chê người học trò sau cũng là ngày sau có thể giàu, những tư cách bỉ ổi.

và cán binh, làm cho họ tưởng chỉ có Nga xô là chế tạo được máy móc tinh xảo, còn Tây phương là đồ bỏ !

DU HỌC

Cũng trong dịp vào Thuận hóa này, Lê quí Đôn nói đến một du học sinh Việt nam, người đã sửa được và chế tạo được đồng hồ theo kiểu Tây phương.

Ở đoạn trên, ông có nhắc tới một người tên là Từ-tâm-bá; đó là một người Âu, một "ông tây", đến Phú xuân đã 30 năm, làm nghề bán thuốc tây, không hiểu vì sao được giao cho việc sửa chữa đồng hồ. Chúa Nguyễn đưa đồng hồ đến cho người ấy, ông ta lần lữa mãi nhiều năm, không chịu sửa (hay không sửa được ?). Sau có người Tàu ở Ma-cao tên là Tài Phú, tự xưng là biết sửa đồng hồ, nhưng vì già quá không còn làm việc được nữa . Rốt cuộc , đến tay Nguyễn văn Tú.

Lê quí Đôn nói về Nguyễn văn Tú như sau :

« Lại có người là thợ kính của họ Nguyễn , trước là thủ-hợp Chiêu tài nam Nguyễn văn Tú có thể làm được, bèn sai theo phép mà làm, mười ngày thì xong. Văn Tú lại chế tạo một cái đồng hồ hạng trung, cũng theo thức trên , trong bớt đi 5 bánh xe và 6 quả chuông nhỏ, cũng một sợi dây, cho nên không đánh khắc mà chỉ đánh giờ. Đo với bóng mặt trời mà nghiệm thì rất đúng, không sai. Văn Tú là người xã Đại hào, huyện Đăng xương. Khi nhỏ học ở nước Hòa lan, học hai năm biết được nghề, có thể chế các hạng đồng hồ và làm được kính thiên lý rất khéo. Đã 74 tuổi mà sức mắt như lúc trẻ. Em là Văn Thi, con là Văn Duy , con rể là Lương văn Dũng, cả nhà đều biết nghề.

Đáng tiếc là về việc du học của Nguyễn văn Tú, cụ Lê quí Đôn không nói rõ là đã diễn ra như thế nào : do ai đưa đi, trong trường hợp ra sao, cùng với Nguyễn văn Tú cũng như sau và trước ông ta còn có ai khác nữa chăng ?

Tài liệu trên đây đưa ra hai sự kiện : một là những cái đồng hồ Tây phương mà một nhà nho Việt nam được trông thấy hai thế kỷ trước; hai là một người đã du học Tây phương thông hiểu một số kỹ thuật.

Chắc chắn lúc bấy giờ cụ Lê quí Đôn cũng cho đó là những điều quan trọng cho nên mới ghi chép vào sách. Tuy nhiên, thái độ của vị đại thần thống thái ấy, trong trường hợp này tưởng có chỗ đáng chú ý : Đối với kỹ thuật Tây phương ông thực tâm thán phục, cố gắng tìm hiểu với tinh thần phục thiện vô tư. Nhưng đó chẳng qua là tìm hiểu cho riêng ông mà thôi; ngoài ra hình như ông không đặt ra vấn đề học hỏi kỹ thuật Tây phương như một chủ trương cho nước nhà.

Thật vậy, những lời ghi về Nguyễn văn Tú khá vắn tắc, hờ hững, tỏ ra ông không mấy tò mò về việc đi học ở nước ngoài. Lúc bấy giờ Văn Tú đã 74 tuổi, thế thì ông ta đi Hòa lan vào khoảng nửa thế kỷ trước. Đầu thế kỷ XVIII mà đã sang Âu châu học hỏi về kỹ thuật thì là khá sớm. Nếu việc ấy được nhà cầm quyền chú trọng đúng mức, nếu sau Nguyễn văn Tú có được một số lượng khá đông thanh niên được giúp đỡ để Âu du thì hẳn là cuộc diện nước nhà may ra đổi khác.

THU DUNG

ĐỐI ĐÁP

Một hôm vua Lê Thánh tông đi chùa, cùng với trạng nguyên Lường thế Vinh. Vua ra câu đối: *Đường thượng tụng kinh sư sử sư.* (Trên chùa tụng kinh, sư sai sử giả).

Ông trạng giả say nằm ở sân, xin vua cho gọi vợ đến để vực về nhà. Phu nhân vừa đến, ông đứng lên tâu xin đối: *Đình tiền túy tửu phụ phù phu.* (Trước sân say rượu, vợ đỡ chồng).

TÀN SÁT VĂN HÓA VÀ

tự sát văn hóa

L.T.S.— Trên số 6 vừa qua (Thư tòa soạn) *chúng tôi đã có dịp nói đến bài báo sau đây của luật sư Phạm kim Vinh đăng trên tạp chí* Dân Chúa.

Nhận thấy bài báo đưa ra một số vấn đề văn hóa đáng lưu ý và suy nghĩ, chúng tôi xin phép tác giả và bạn đồng nghiệp Dân Chúa *được in lại để giới thiệu với bạn đọc* Văn Học Nghệ Thuật

●

Trong lời phi lộ của tạp chí *Văn Học Nghệ Thuật* số 1, người ta đọc thấy: "... Khó quan niệm một cộng đồng sống đầy đủ mà lại ngưng cảm nghĩ, mà bị cưỡng bức vào sự câm nín, không có được những thể hiện nghệ thuật tư tưởng."

Nhà văn Mạc-Đỗ trong bài tựa là "Làm văn học nghệ thuật trong hoàn cảnh tị nạn" đăng trên tạp chí vừa kể (số 2) có nhắc nhở người Việt: "... Sau ngày thống nhất đất nước, việc đầu tiên chính quyền cộng sản đã làm ở miền Nam trên bình diện văn học nghệ-thuật là kiểm điểm hết sách vở lưu trữ tại Thư viện Quốc gia, những gì bất lợi cho chế độ mới là tiêu huỷ hết. Độc quyền tư tưởng ở miền Bắc nay được thi hành thêm ở miền Nam. Chính sách văn hóa đó rập khuôn chính sách đã áp dụng tại Nga, Hoa lục và tại những nước cộng sản khác... Việc tàn sát văn hóa nhắc nhở việc tàn sát chính-

trị..."

Và cũng trong tạp chí ấy, số 3, người ta đọc được trong lá thư tòa soạn: "... Từ ba năm qua, hẳn ai đều nhận thấy trên các hàng sách báo Việt ngữ ở hải ngoại rất ít tác phẩm mới, trên các báo Việt ngữ rất ít sáng tác mới (...) Người viết não nề thì buông tay, nhưng người đọc càng não nề có thể lại càng tìm đọc, cần tìm lại hơi hướng quê hương, dân tộc trong văn phẩm. Đối với nhiều tập thể kiều dân khác, – Thái-lan, Trung-hoa, Nhật-bản, Phi-luật-tân - v.v..., nhu cầu ấy thật dễ dàng thỏa mãn: sách báo từ chính quốc đến tay họ đều đều. Còn chúng ta, chúng ta bị cắt lìa với xứ sở, đành bơ vơ trong đời sống tinh thần. Cho nên dù muốn vàn khó khăn, chúng ta vẫn phải gầy dựng lấy một sinh hoạt văn nghệ tại chỗ, trong hoàn cảnh ly hương. Văn nghệ là cái gì sống động, nó phản ảnh đời sống xã hội mỗi lúc, phản ảnh tâm hồn của con người mỗi thời. Dù trong dĩ vãng một dân tộc có một thời kỳ văn học nghệ thuật rực rỡ đến đâu, dân tộc ấy cũng không thể vì đó mà dừng lại nghỉ ngơi, và quay về thưởng thức kho tàng cũ đến mãi mãi. Không phải sau Tolstoï, người Nga khỏi cần viết truyện, chỉ việc in lại truyện cũ để xem, Sau Nguyễn-Du, dân Việt-nam khỏi cần làm thơ, chỉ lo tái bản cuốn *Kiều* để ngâm nga là đủ. Tuy không mong làm hơn người trước, các lớp sau vẫn phải tiếp tục không ngừng... Do đó, chúng tôi dành ưu tiên cho bài vở của các cây bút mới. Mỗi lần gặp được tác phẩm có giá trị của một cây viết mới, chúng tôi vui mừng xem như một... thắng lợi... Vả họ mới chính là lớp người chủ động trong cái sinh hoạt văn nghệ của cộng đồng người Việt ly hương sau này."

Tạp chí *Văn Học Nghệ Thuật* là tạp chí duy nhất hiện nay của người tị nạn Việt nam tại hải ngoại, nghiêm chỉnh nêu lên những vấn đề tương lai của đời sống văn hóa người Việt. Hai nhà văn hóa rất quen thuộc với đồng bào Việt từ khi còn ở Việt nam là Võ Phiến và Lê tất Điều, cùng với một vài người trẻ dấn thân, đã phải dùng lợi tức mỉa mai của một người (chỉ vừa đủ để sống lay lứt từng ngày) tài trợ việc xuất bản tạp chí đó, trong khi đời sống của đồng bào đã khá ổn định.

So với cuộc tàn sát văn hóa và tàn sát chính trị tại Việt nam lúc này thì người tị nạn Việt nam quả là còn may mắn hơn rất nhiều, nhìn dưới khía cạnh hưởng thụ các quyền tự do chính trị. Tại sao sự may mắn ấy lại chứa đựng dấu hiệu báo trước một điều gì giống như một cuộc tự sát văn hóa ? Phải chăng ba năm định cư đã làm tiêu hao ý chí tự tồn của một khối người từng chịu đựng nhiều thử thách ghê gớm để bảo vệ tự do cho miền Nam Việt nam trong nhiều năm ?

Câu chuyện bảo toàn văn hóa Việt nam hoặc tự sát văn hóa chắc chắn đã không được đặt ra khi những người Việt hốt hoảng từ bỏ quê hương để tìm tự do vào năm 1975. Sự xúc động quá mạnh và

nhu cầu thực tế lúc ấy đòi hỏi rằng mỗi người lắng lặng nghe theo những gì mà nước bạn bảo-trợ muốn người tị nạn làm.

Do đó, tại các trại tị nạn, người Việt được những người bạn Mỹ dạy bảo nhiều điều lắm. Lại còn có những bạn trẻ Việt nam bỏ quê hương đi đã lâu ngày, nói tiếng mẹ đẻ sai trái cả văn phạm cũng được những người bạn Mỹ kêu gọi tiếp tay để tới các trại tị nạn dạy bảo đồng bào Việt. Hai trong các bài học mà người tị nạn nhớ nhất là điệp khúc giữ gìn vệ sinh và tôn trọng trật tự luật pháp.

Lúc ấy, rất ít có ai trong khối người tị nạn nghĩ rằng đường lối hội nhập văn hóa mà nước bạn Mỹ áp dụng cho người Việt sẽ có những kết quả kỳ quặc. Cũng ít có ai được nhắc nhở rằng sau khi tự do cáo chung tại Việt nam năm 1975, cố nghị-sĩ Hubert Humphrey (từng là phó tổng-thống và từng là ứng-cử-viên tổng thống nước Mỹ) thành khẩn nói với tạp chí *Time* trong một cuộc phỏng vấn: "...Chúng ta nhận được bài học là không có những giải pháp Mỹ cho tất cả mọi vấn đề của thế giới... Rõ ràng là tất cả chúng ta đều đáng trách (trong vụ Việt nam). Kể luôn cả tôi trong đó".

Là quốc gia của những di dân, nước Mỹ bắt buộc phải hình thành chính sách di dân mà nguyên tắc căn bản là sự đồng hóa những người mới tới càng mau càng tốt. Đối với những đợt di dân vì đối ăn, ít ra cũng đã có hai tác giả Mỹ ghi nhận kinh nghiệm bằng hai nhận xét rất hàm xúc. Thomas Wheeler viết: "... Cơ hội tại nước Mỹ đòi hỏi người ta phải vong bản". Còn Oscar Handlin thì nói: "Lịch sử của di dân là lịch sử của sự chối bỏ với tất cả những hậu quả của nó".

Nếu nhà cầm quyền Mỹ máy móc áp dụng chính sách đồng hóa mau lẹ thì khó tránh được những sự tàn ác. Nghị sĩ John F. Kennedy là một trong những chính-trị-gia hiếm có của nước Mỹ sớm nhận ra điều ấy. Từ sau Thế chiến II tới nay, mỗi sự cải cách hoặc mỗi tiến bộ trong luật lệ di trú Mỹ đều mang rõ ràng dấu vết và sự đóng góp ý kiến và công lao vận động của ông ta. Năm 1958, ông Kennedy cho xuất bản cuốn sách do ông ta viết, có tựa là *"Một quốc gia của những di dân"*. Tác giả ghi nhận rằng mỗi tầng lớp di dân đều để lại những dấu vết thật rõ trong đời sống của xã-hội Mỹ. Khi viết về tiến trình đồng hóa các di dân, ông Kennedy phát biểu: ".... Định cư và đồng hóa không nhất thiết cứ phải có nghĩa là chấm dứt lý lịch và các truyền thống nguyên khởi của các di dân".

Cuốn sách ấy được sửa chữa để tái bản nhưng khi sửa xong thì tác giả bị ám sát vào năm 1963. Giới thiệu ấn bản mới của cuốn sách ấy vào năm 1964, bào đệ của tác giả là bộ-trưởng tư-pháp Mỹ Robert Kennedy viết: "Sách ấy được viết để ghi ơn các di dân đã mang lại những đóng góp lớn cho nước Mỹ. Chính sách di dân của nước Mỹ trưởng thành nhờ hiểu được điều ấy. Sách ấy cũng giúp mọi người hiểu được sự đóng góp của các di dân vì có hiểu được các đóng góp

ấy thì mới tránh được sự kỳ thị và tránh được những sự tàn ác trong các luật lệ di trú".

Ngoài ra, tại hội nghị của tổ chức Văn-hóa Quốc-tế (Unesco) họp tại Havana năm 1956, nhiều khuyến cáo đã được đưa ra cho các nước tiếp nhận di dân. Có hai khuyến cáo cần được nhắc lại trong bài này là khi cuộc di dân diễn ra đồng đảo cùng một lúc thì nên tránh phân tán mỏng họ ra và với những tập thể đông đảo ấy, nên dành cho thiểu số trí thức của họ sự đãi ngộ đặc biệt để bớt lãm thương tổn đến danh dự tập thể của họ.

Khi thi hành chính sách di dân đối với người tị nạn Việt nam, dường như lại một lần nữa, người Mỹ tin ở uy lực vạn năng của giải pháp Mỹ. Vì lý do an ninh quốc gia của Mỹ (viện lẽ tránh lập lại tiền lệ của người Cuba năm 1960) và cũng có thể vì những người tị nạn Việt nam này là những nhân chứng phiền phức sau vụ phủi tay chẳng vẻ vang gì cho một đại cường quốc, nước Mỹ đã phân tán người Việt ra nhiều nơi khác nhau và xa nhau.

Nhiều dự án phục vụ người tị nạn Việt nam chỉ có hy vọng được tài trợ nếu qua sự giám sát của một cơ quan gọi là thiện nguyện hoặc qua một số người Việt sống tại Mỹ lâu năm. Trong số người tị nạn mới tới, nếu cơ ai muốn được tuyển dụng thì ráng tỏ ra "không làm chính trị" và càng tỏ ra Mỹ-hóa mau bao nhiêu thì càng hy vọng được tuyển bấy nhiêu. Đối với một vài cơ quan gọi là thiện nguyện thì người tị nạn nào càng ngoan ngoãn càng có hy vọng được thâu dụng. Gần đây hơn nữa, người ta thấy rõ là chính một vài cơ quan thiện nguyện ra mặt cạnh tranh với các tổ chức hoặc hội đoàn thuần tuý người Việt trong việc xin tiểu bang hoặc liên bang tài trợ một số dự án, bề ngoài được tô điểm là để phục vụ người tị nạn nhưng thực chất chỉ giản dị để cấp lương bổng cho một số ít người.

Đường lối kể trên đã thành công vì ở đâu cũng có một vài người sẵn sàng đổi nhân phẩm lấy vài trăm mỹ-kim chỉ vì khiếp nhược, sợ phải làm việc lao động tay chân. Không có văn thư nào nói rõ nhưng người tị nạn dư hiểu những tiêu chuẩn của đời sống mới tại xứ này. Trong một cuộc tuyển "Counselor" để trợ giúp dân tị nạn Đông dương, một y-khoa bác-sĩ Việt nam tị nạn nhiều thành tích phục vụ cộng đồng bị loại để nhường chỗ cho một nữ sinh-viên người Tàu không biết lấy một chút gì về văn minh của người Đông dương, và lại chỉ biết Anh ngữ. Chiêu bài bằng cấp khoa xã-hội-học được đưa ra để bọc cái áo tuyển chọn "cơ hội bình đẳng và đồng đều". Một luật gia tị nạn Việt nam, viết một dự án dịch vụ liên hệ tới luật pháp gửi đi một tổ chức tư nhân xin tài trợ. Luật chơi của xứ này đòi hỏi phải qua sự giám sát của một cơ quan thiện nguyện. Sau khi được

cấp ngân khoản, tác giả rũ áo đứng dậy vì thấy cơ quan muốn giám sát theo lối quan thầy. Một người Việt khác chỉ giữ vai trò liên lạc giữa tác giả dự án và cơ quan thiện nguyện lập tức nhảo vào, xin tận tụy thi hành tuyệt đối chỉ thị của thượng cấp Mỹ. Dĩ nhiên, người đó được hoan hỉ chấp nhận để từ đó, vỗ ngực tự xưng là tác giả dự án kia.

Cuộc chơi lên tới cao độ mới đây khi các cơ quan xồ nhau viết dự án xin ngân khoản mới. Có nhiều hội đoàn thuần túy Việt nam tìm cách kết hợp để tự lập viết dự án xin ngân khoản của tiểu bang hoặc liên bang. Thế là một vài cơ quan thiện nguyện đã cấp tốc đẻ ra một vài hội đoàn mới gồm những người đang lãnh lương của cơ quan đó. Cuộc dàn cảnh này là để cơ quan kia tranh cướp ngân khoản của các hội đoàn người Việt và do đó, nuôi dưỡng một giai cấp nô-bộc vong bản trong khối người tị nạn Việt nam.

Nhìn vào xã-hội mới, người tị nạn không tránh được nụ cười thích thú khi nhớ lại các bài học công dân giáo dục tại các trại tị nạn. Người Việt ra khỏi trại mới thấy những người bạn Mỹ rất chịu khó xả rác ở công lộ, xa lộ, rất siêng năng mặc áo quần kiểu gần gũi với Adam và Eva ở các nơi công cộng... Ngày quốc khánh của nước bạn vừa qua là một thích thú khác: phải đi mỏi chân mới tìm được một nhà người Mỹ biết treo quốc kỳ Mỹ nhân ngày quốc khánh.

Rồi thì các người hữu trách Mỹ cũng phải nhận thấy rằng sự phân tán đã thất bại. Có những người Mỹ khác lờ mờ hiểu rằng người Việt có nhiều giá trị mà người Mỹ muốn có sẽ phải mất nhiều thế hệ mới tạo được. Sau ba năm gọi là thích nghi với đời sống mới, có những người Mỹ bắt đầu hiểu rằng người Việt nam mang lại cho xã-hội Mỹ sự đóng góp mà chưa cộng đồng thiểu số nào làm được: đó là sự bền bỉ chống chủ nghĩa cọng sản. Còn các đóng góp khác về mặt tinh thần thì lại càng rõ rệt hơn.

Hãy nghe lời thú tội của một người Mỹ bảo trợ. Ngày 10.6.78, nhật báo *The New York Times* đăng bài của bà Ellyn Bache, nữ giáo chức. Nội dung bài báo thực ra không ca ngợi gia đình người Việt mà bà ta bảo trợ nhưng nói lên được sự dị biệt rất lớn giữa hai bên khi tờ báo đặt cho bài đó cái tựa nhắn người tị nạn rằng "những con đường của nước Mỹ không lát vàng". Vì không được giáo dục về đời sống của người Việt tại Việt nam, bà Bache rất ngạc nhiên khi thấy gia đình người Việt kia mua chiếc TV màu cỡ bự ngay sau khi họ tự túc kiếm được tiền. Sau đó thì gia đình ấy bỏ đi tới nơi có nhiều gia đình người Việt. Bà ta viết: "... Trong năm 1976, nhiều người tị nạn đã dời đến những thành phố có những cộng đồng đông đảo người Việt. Chính sách quốc gia của chúng ta là phân tán họ ra khắp xứ, trong khi họ không có được sự yểm trợ của những nhóm đồng hương đến trước họ như trường hợp các đợt di dân khi trước. Có lẽ chúng

ta đã dự phần gây ra sự tàn ác đó."

Mùa hè năm nay lại ghi nhận nhiều thành tích văn hóa lẫy lừng của giới trẻ Việt nam. Cơ những tờ báo kỳ thị hoặc ngoan cố nhất cũng phải đăng bài ca ngợi khả năng trí tuệ của học sinh và sinh viên Việt nam. Năm nào cũng có nhiều thành tích vẻ vang như vậy. Trong khi đó, ngày 5 tháng 7 vừa qua, hảng UPI từ thủ-đô Hoa-thịnh-Đốn đánh đi bản tin cho hay rằng nghị sĩ Birch Bayh, chủ-tịch ủy-ban nghiên cứu nạn thiếu nhi phạm pháp báo động là nay thì bạo lực và phá phách diễn ra hằng ngày tại các trường học của Mỹ và những kẻ phạm pháp là học sinh Mỹ thuộc mọi thành phần xã hội. Người hữu trách Mỹ nào muốn mau lẹ đồng hóa người tị nạn Việt nam vào xã hội Mỹ chắc sẽ phải suy nghĩ khi đọc con số do nghị sĩ Bayh đưa ra: trong năm qua, người ta phải chi hơn 500 triệu mỹ-kim để sửa chữa những hư hại tại các trường học bị học sinh Mỹ đốt phá. Con số ấy lớn hơn ngân khoản dùng để mua sách dạy (textbook) cho học sinh Mỹ trong năm 1972.

Những người tị nạn Việt nam có ý thức được các giá trị tinh thần cao cả của họ mang từ Việt nam tới không ? Phía người Mỹ thì ít ra cũng đã có sự công khai tôn vinh các giá trị của người Việt. Ngày 18 tháng 3 năm 1977, tạp chí *National Review* đăng một bài ca ngợi nồng nhiệt của ông Russell Kirl, người Mỹ từng bảo trợ một gia đình Việt nam. Ông ta viết: "Các cô bé Việt nam (con gái của gia đình người tị nạn kia) đã dạy con gái chúng tôi biết đủ thứ: nghệ thuật, thủ công, đức hạnh và lòng hiếu thảo. Về toán và khoa học thì mặc dầu còn gặp khó khăn ngôn ngữ, học sinh Việt vẫn dẫn đầu. Về tâm lý và trí tuệ thì người Việt vượt xa người Mỹ cùng lớp, theo các thống kê thì điều ấy thường đúng với mọi trẻ em Việt nam học trường Mỹ... Trẻ em Việt nam đã phải quen sống dưới lửa đạn cho tới ngày chúng từ giã quê hương, nhưng chúng được cha mẹ săn sóc chu đáo và được gửi tới các trường tốt. Cũng như cha mẹ của chúng, các học sinh Việt nam hiểu rõ giá trị của tự do và phải trả giá đắt để giữ sự tự do, có khi phải lưu vong suốt đời để giữ lấy nó. Cho tới nay, tuổi trẻ Việt nam không phải chịu những thối nát của một xã-hội giàu có, lười biếng và bừa bãi. Trí não các em Việt nam không bị truyền hình làm sa đọa, tài năng của các em không bị thui chột vì sự suy đồi của trò chơi dân chủ và phong thái của các em không bị nhơ nhớp vì thói mất dạy của tuổi trẻ xứ này. Các em ấy hiểu rằng phải phấn đấu gay go mới tồn tại được... Thượng đế đã gửi các em đó đến với chúng tôi và chúng tôi tri ân điều ấy. Ta hãy giả dụ rằng có nhiều gia đình người Mỹ một ngày nào đó phải chạy trốn tới vùng an toàn ở Đông Nam Á để tránh chết chóc, tù đày hoặc nô lệ: hỏi sẽ có được bao nhiêu người Mỹ vượt qua được những dị biệt bao la về

văn hóa, về khung cảnh và về qui chế ? Thế mà những người bạn Việt nam của chúng ta đã vượt được, cả cha mẹ lẫn con cái, vì họ chấp nhận sự an bài của Thượng đế mà không than thở và vì họ cơ tâm hồn cũng như cá tính vững chắc."

Bên những vẻ vang đó, chúng ta thấy cơ những đám mây u-ám đe dọa sự tồn tại của nếp sống Việt nam trong các cộng đồng người Việt. Sau những tháng đầu dành cho nhiều tờ báo Việt ngữ (xin đừng lầm với báo của nhà nước Mỹ gửi tặng người tị nạn hoặc báo ru ngủ được nhà nước tiểu bang hoặc liên bang tài trợ) những cảm tình nồng hậu, người ta thấy số độc giả sụt xuống rất mau. Bây giờ, tờ báo Việt ngữ nào có một ngàn độc giả dài hạn thì đã tự coi là "thứ dữ" rồi ! Còn sách trưng bày la liệt tại các chợ và nhà hàng Việt nam thật ra hầu hết là những sách in lại.

Không sự việc nào không có lý do. Đã có những người đội lốt làm báo để giờ thói Lường-sơn-bạc: lừa và cướp thù lao cũng như tiền bản quyền của các người cộng tác chưa đủ. Bọn ấy còn lừa cả tiền của độc giả nữa. Sự quảng đại bỏ qua của độc giả mỗi khi bị lừa đã giúp những kẻ ấy tậu xe, mua nhà và kinh doanh. Lại có kẻ chưa hề cầm bút tại Việt nam, tới đây, lợi dụng tình thế mới để mưu chuyện riêng tư. Những kẻ ấy đã dùng phương cách thấp nhất để gây chú ý nơi người đọc: phun máu vào bất cứ ai đang tranh đấu cho quyền lợi của người Việt tại hải ngoại và tại quê nhà. Kỹ thuật viết thì lại càng thê thảm hơn nữa: chờ cho tờ báo nào có bài vở nào khá đăng xải thì chép lấy rồi ít lâu sau, báo chế lại và ký tên mình dưới dưới bài đó.

Một số khoa bảng tối xứ này thì coi việc đọc báo tiếng Việt là "thấp". Họ cho rằng chỉ cần đọc báo ngoại ngữ là đủ. Bên cạnh thói ăn chơi đang diễn ra tại nhiều nơi, y hệt thói sa đọa tại Việt nam khi còn chiến tranh, người ta thấy có hiện tượng mua sắm thức ăn bao nhiêu tiền cũng không tiếc, nhưng khi mua sách báo Việt ngữ thì chê đắt. Một số chủ chợ và nhà hàng bán được sách báo thì lại có ý không trả tiền cho tòa soạn và cho tác giả.

Sách in lại là một thảm trạng khác. Một vài tên tài phiệt gốc Tàu bỏ tiền ra vài chục mỹ-kim mua lại một số tiểu thuyết mà một vài người tị nạn mang theo được. Sách in bán một vốn mười lời vì cướp giật được tiền bản quyền của tác giả hoặc thân nhân tác giả. Tệ hơn nữa là bây giờ, ngay cả các tác giả có mặt trên đất Mỹ cũng đau đớn nhìn thấy những kẻ xa lạ in lại tác phẩm của mình mà không thèm viết cả đến một lá thư hỏi xin phép.

Sách báo Việt ngữ đã thoi thóp như vậy rồi thì sách báo của người Việt bằng ngoại ngữ lại càng thua thốt hơn. Chỉ khi nào một số người sống bằng một hình thức lương bổng nào đó của tiểu bang hoặc liên bang cảm thấy ngân khoản sắp bị cắt thì vội vàng đi xin

chữ ký hoặc khuyến khích đồng bào viết thư thỉnh nguyện gửi cho các người hữu trách địa phương và trung ương.

Người viết bài này đã rất lúng túng hồi gần đây, khi nhận được thư của một số thư viện và cơ sở văn hóa của người Mỹ và Gia-nã-đại hỏi chi tiết về hoạt động sách báo Việt ngữ và ngoại ngữ của người tị nạn Việt nam. Các cơ sở ấy nhấn mạnh rằng họ không coi các sách in lại của người Việt tại Mỹ là những sáng tác tiêu biểu cho văn hóa của người Việt trong hoàn cảnh tị nạn. Mặt khác, có những người Mỹ thiện cảm với người Việt quốc gia khuyên rằng người Việt nên cố gắng in nhiều sách báo ngoại ngữ thì mới có hy vọng tranh thủ được sự ủng hộ của quốc hội và nhân dân Mỹ trong nỗ lực góp phần lâm bớt đau thương cho đồng bào tại Việt nam.

Những dấu vết khác đáng ngại: nhiều sinh viên Việt nam bắt đầu viết và nói tiếng Việt khó khăn vì hàng ngày phải dùng ngoại ngữ quá nhiều. Tình trạng ấy cũng đúng với học sinh Việt nam trung và tiểu học. Chúng ta có một số người tị nạn Việt nam lọt vào được một số cơ quan văn hóa Mỹ. Các vị ấy tuy vậy đã không dám đề nghị dùng Việt ngữ làm một môn học (tối thiểu là môn minor) cho các sinh viên Việt nam, trong khi các đại học Mỹ thường có môn học riêng cho các chủng tộc thiểu số.

Khi con số tiêu thụ sách báo chỉ được một vài ngàn thì cần đặt câu hỏi là nhiều ngàn người khác sẽ làm thế nào được thông tin về tình hình trong và ngoài nước Việt nam khi mà còn có những người chưa hoàn toàn thấu triệt phần tin tức của báo ngoại ngữ. Câu trả lời là dường như cái đa số ấy tự cho là không cần đọc sách báo nữa. Khi khối đa số mà tự mãn với sự thiếu vắng thông tin thì đó là điều đáng sợ.

Trên đây mới chỉ là một vài thí dụ mà người viết nêu lên để dẫn chứng. Có phải vì nghèo phương tiện mà đời sống văn hóa của người tị nạn bị đe dọa không ? Cách đây ba năm thì điều ấy có thể đúng. Nhưng bây giờ thì cộng đồng người tị nạn có nhiều người đã sống khác trước rất nhiều. Người ta đã muốn quên sự nghèo khổ và đau thương của đồng bào tại quê nhà để lại bắt đầu đánh giá nhau bằng số trưởng mục, bằng hiệu xe mới hay cũ, bằng những buổi khiêu vũ tiệc tùng sinh nhật cho con cháu, bằng những đám cưới chi rất nhiều tiền. Cũng đã có những người kiếm được nhiều tiền quá nên phải tính mua xuống máy chạy trên sông cuối tuần...

Cuối năm 1977, một nhà trí thức Việt nam mở tiệm ăn kiếm được số tiền lối trên 10,000 mỹ-kim. Ông ta được báo chí Mỹ địa phương ca tụng vì ông ta mời những thực khách quen thuộc tới rồi chia cho mỗi người một phần tiền lời đó. Hãy thử tính xem theo

công thức nhà nghèo. Với 10,000 mỹ-kim đó, một tạp chí mỗi tháng ra một kỳ có thể sống được ít lắm là một năm. Nếu làm báo khắc khổ như tờ *Bút Lửa* (tờ báo chống cộng hung hãn nhất và cũng lương thiện nhất vì khi phải tự đình bản, tờ báo ấy chuyên cần lo trả lại cho độc giả mọi số tiền mua dài hạn còn lại, dầu chỉ mỗi người vài chục xu) thì có thể sống được tối hai năm. Nếu để tài trợ in sách Việt ngữ giúp một vài tác giả người Việt thì 10,000 mỹ-kim in được 10 tác phẩm, mỗi cuốn dầy từ 150 trang trở lại và mỗi cuốn in từ 300 đến 500 bản. Nếu để in sách ngoại ngữ do người Việt viết thì ngân khoản ấy tài trợ được việc in 4 tác phẩm, mỗi cuốn dầy 180 trang, in 1,000 bản cho mỗi tác phẩm. Một đám cưới hạng trung có thể tài trợ in ít ra là một cuốn sách tiếng Việt. Vài buổi khiêu vũ sinh nhật cũng đủ để in một hoặc hai cuốn sách Việt ngữ.

Để chấm dứt, người viết tin rằng lời nhắn của bà số *Văn Học Nghệ Thuật* chắc chắn sẽ không còn chỉ là một lời nhắn thường đối với những ai giờ này còn tin rằng mình tới xứ này không phải vì khoanh bánh khúc thịt.

Năm 1975, khi Nam Việt nam bị bức tử, có nhiều người Việt tức tối đi tìm thủ phạm để hỏi tội. Các vị ấy hăng quá nên quên rằng tại Việt nam, khi đa số phó thác việc nước mặc cho nhóm quân phiệt thì sự phó mặc ấy ít ra cũng đã là đồng lõa. Bây giờ, nếu để cuộc tự sát văn hóa của người Việt tại xứ này xảy ra thì chắc mọi người sẽ không phải tìm các thủ phạm ở đâu xa nữa.-

PHẠM KIM VINH

NHẮN TIN :

* Cựu HQ Trung Úy HUỲNH TRUNG CHÁNH, Sq.70A 700585. Đơn vị cũ là BCH/YTTV/HQ/P.AN, đã rời Việt nam ngày 29.4.75,

* Cựu HQ Thiếu Úy NGUYỄN VĂN KỲ, đầu năm 1975 du học khóa Commission Officers Mesoclosed tại NTC San Diego, Ca.

Hai bạn hiện ở đâu ? Xin liên lạc về NXB Người Việt, POB. 486, Westminster, Ca. 92683. Có tin vui cho hai bạn.

NHỮNG NỐT ĐÀN KỲ DIỆU CỦA

LƯU DANH BÌNH

☆

Những hàng ghế đã kín. Đèn trên trần thính phòng bắt đầu giảm dần độ sáng để tất cả chỉ còn một vùng ánh sáng ấm, tưng bừng trên sân khấu. Thật trang trọng, thật yên lặng, mọi người ở tư thế thật sẵn sàng đón đợi, lắng nghe. Đúng lúc ấy, 8 giờ 5 phút tối ngày thứ bảy 30 tháng 9, năm 1978, Lưu danh Bình, 9tuổi, chững chạc ôm đàn tiến ra sân khấu, giữa những tràng pháo tay ròn rã, nhưng cũng rất từ tốn vừa đủ. Bình cúi chào thính giả. Đèn phía dưới tắt hẳn, và những nốt nhạc êm đềm, nhẹ nhàng từ những ngón tay kỳ lạ thoăn thoắt của Bình tỏa ra, âm vang ròn rã. Đó là bản *Romance in G* của Beethoven. *"Đây là một nhạc phẩm không đòi hỏi ở người chơi phải có một kỹ thuật thật vững, nhưng giá trị âm nhạc rất cao và khó hiểu. Tuy nhiên nếu diễn tả không đúng mức, nhạc phẩm sẽ trở thành một bài tập âm giai, chẳng có ý nghĩa gì."*

Người sành âm nhạc đã biết thế, và sẵn sàng đợi chờ những non yếu nơi Bình. Mặc dầu là bản đầu, các ngón tay chưa ấm, Bình cũng đã làm hài lòng những người khó tính nhất, khắt khe nhất.

Sau những tràng pháo tay thật dài, hầu như không muốn dứt để mừng, để vui, để thấy những lo âu ban đầu của mọi người về Bình đã không còn một gợn nhỏ. Giữa sự tưng bừng đó, Bình lại tiến ra sân khấu, say sưa với nhạc phẩm *Concerto in E major* của J. S. Bach. *"Đây là một nhạc phẩm lừng danh của Bach nhưng cũng là nhạc phẩm khó nhớ vì quá dài"*. Vậy mà Bình đã

Lưu danh Bình là con của ông Lưu Danh Du, một tên tuổi quen thuộc trong giới ngoại giao Việt nam. Di cư từ 1975, sống tại San Diego (California). Theo học đàn chưa lâu, Bình đã tỏ ra có tài năng đặc biệt, và đã được nói đến trên một số báo chí Việt ngữ gần đây.

nhớ hết, đã trải những nốt đàn ấy ra không gian, khi thì tưng bừng ròn rã, khi thì êm ả thiết tha. Và những nốt nhạc ấy thực sự lúc này đã như những áng mây thần kỳ diệu đưa tâm hồn kẻ thưởng ngoạn bay lãng đãng bay cao. Người ta ngồi im để nghe, mở to mắt để nhớ :"Sao lại là thế. Lạ quá !"

Tiếng đàn dứt, mọi người như vừa bừng tỉnh, vội vã vỗ tay. Tưng hồi, tưng hồi... Bình lại ra , cảm tạ thính giả, và lại tiếp tục ngay với nhạc phẩm rất vui của Beethoven, bản *Turkish - March*. Chỉ với một cây đàn vỹ cầm Bình đã khiến cho cử tọa thấy như đang chứng kiến một nhạc đoàn đang từ từ đi lại. Âm thanh đổ ra khi nhí nhảnh như chim hót, khi ròn rã trầm hùng như tiếng trống điểm binh.

Và nỗi vui đó khi vừa hết, lại được tiếp tục ngay bằng *Cây bồ đào (The walnut tree)* của Schumann . Với những âm thanh thật lạ, dưới ngón tay của Bình, đã khiến cho người nghe như đi lạc vào một vùng nào đó, giữa rừng cây , có tiếng gió thổi, có tiếng suối reo, có pha cả những cười khúc khích. Vui lắm , và hết sức hồn nhiên, thơ mộng. Do đó, khi nhạc phẩm này dứt , những tràng pháo tay lại càng thêm lâu, thêm dài, có kèm theo những lời nói thầm bên tai nhau : "Hay quá , hay quá."

Cứ như thế, Bình đã tiếp tục với các nhạc phẩm *Minuot and trio in D* của Mozart, *Zigeunerweisen* của Sarasate. Nhạc phẩm nào Bình cũng chơi tới như thế, trước sự ngạc nhiên đến kỳ lạ của mọi người. Nhất là nhạc phẩm cuối, tiếng đàn có lúc đã trùng xuống, như ai oán, nỉ non, để diễn tả tâm trạng của một tâm hồn du mục (gypsie), nhớ thương về quê hương đã xa, đã mất. Người hiểu nhạc, cho đấy là dụng ý của nhạc sư W. Benner , muốn chấm dứt buổi ra mắt đầu tiên của Bình , một tài danh kỳ lạ Việt nam nơi hải ngoại, bằng chính cái tâm trạng nhớ nhung của những người di tản chúng ta. Không biết có phải thế không Nhưng suốt từ lúc Bình lên sân khấu, nhạc sư Bennet đã đi đi lại lại ở ngoài hàng hiên . Khi thì cúi đầu tư lự, khi thì nghiêng tai mà nghe. Tay ông nắm lại, như sợ rời mất một vật gì quý lắm, quý hơn là cái danh vọng mà hơn 50 năm dạy nhạc của ông hợp lại. Sự nâng niu, kỳ vọng ấy, chính là sự xuất hiện của Bình đêm nay. Có lần ông đã tâm sự : "Tôi học đàn của một vị danh sư nhất Âu châu, cho đến nay tôi tiếc là chưa làm rạng danh được tài danh của người đã khổ công chỉ dạy tôi. Tôi đã tìm mãi suốt 50 năm nay..."

Đèn đã bật sáng. Mọi người đều đứng cả lên, để vỗ tay ,

không ngớt. Và Bình đã xuống, cười e ấp bên mẹ, bên anh. Bình lấy tay vuốt tóc đẫm ướt những mồ hôi. Nhiều người chụp hình với Bình. Nhiều người nắm tay Bình, hôn Bình, và có người đã khóc. Trong những đôi mắt long lanh ấy, tôi tìm thấy nơi nhà tỷ phú Walter Bimson. Ông đã già, quá già. Ông đi phải có hai người dìu. Do đó đợi cho mọi người đã vãn, ông mới từ từ nhờ hai người dìu lại chỗ Bình. Ông nhìn Bình, gật đầu nhè nhẹ, không nói gì hết, chỉ để run rẩy nắm lấy bàn tay của Bình, một hồi lâu rồi về.

Tôi còn được biết thêm, chính vị tỷ phú này, khi nghe danh tài tử hôn này xuất hiện, đã yêu cầu nhạc sư Benner cho Bình trình tấu một buổi đặc biệt cho một mình ông nghe. Và ông đã như lịm đi lần đầu tiên nghe, và thấy Bình trình diễn. Dù vậy ông vẫn cứ tới hôm nay, lần đầu tiên Bình ra mắt công chúng, như để tham dự chung với cái hào quang kỳ lạ đang đến với Bình, và có lẽ cũng để cho tâm hồn mình hòa trong cái không - khí kỳ diệu mà chỉ có Bình mới mang lại được cho ông, qua các nốt nhạc thần kỳ ấy.

Đường còn dài. Mong là Bình còn đi mãi.

Giữa những nỗi đắng cay chồng chất trong mỗi chúng ta, phải có những mầm non kỳ diệu như Bình mới mong lấp đi được một phần nào thương tiếc.

San Diego ngày 8 – 10 – 1978

PHAN LẠC TIẾP

CẨN THẬN

Một đêm triết gia Kant đang ngủ say, bỗng chị người làm lay ông dậy thì thầm:

– Có thằng ăn trộm mới lẻn vào thư phòng của giáo sư.

Triết gia vội vã dặn chị người làm:

– Chị xuống xem hắn đang đọc quyển chi vậy, mà nhớ dặn nó lấy sách chỗ nào thì bỏ lại chỗ đó nghe.

Sách Việt hải ngoại

BA NĂM Ở MỸ.– của Du Miên – Hồn Việt xuất bản – 120 trang, 3$00

Gồm bảy truyện ngắn và một bài thơ.

Bên kia biên giới là chuyện trai Việt gái Mễ. Trong *Nhớ camp*, người Việt kiều di tản ngoảnh lại nhìn những kỷ niệm ban đầu, lúc mới đặt chân đến xứ này. *Con chó và Sue* là một nét tâm lý Mỹ dưới mắt người Việt. *Người ít nói* lại là một nét tâm lý Việt dưới mắt người Mỹ : *Theo gió* là những vui buồn, xung khắc giữa những người Việt lưu lạc với nhau. *Một đêm* kể chuyện cô gái Mỹ từng biểu tình chống lại di dân Việt lại bất đầu bị người Việt thu hút. *Cám ơn rượu* lại là chuyện người Việt bị thu hút lẫn nhau, gần nhau, trong hoàn cảnh tha hương : nhờ cuộc di tản mà một người từng có chức vị ngày còn ở trong nước trở lại có cảm tình với một chàng trai mình đã hất hủi, mà một mối tình tưởng đổ vỡ lại được cứu vãn.

Như thế "ba năm ở Mỹ" cũng khá ngổn ngang. Mặc dù tiếng "rượu" chỉ xuất hiện ở nhan đề thiên truyện cuối, hơi men vấn vương nặc từ đầu, tỏa ra gần khắp các truyện khiến cho người ta có cảm tưởng ba năm ly hương chìm đắm trong ngất ngây đau khổ.

Nhưng thực sự đây là *truyện* hay là *ký* ? (*Tác phẩm tự ghi là truyện ký*). Người đọc thấy rõ dấu vết xây dựng, kết cấu, hơn là ghi chép.

Tác phẩm trình bày khá tra ng nhã.

NAM CHI

Văn nghệ khắp nơi

NGHIÊN CỨU VỀ VIỆT NGỮ Ở MỸ

– Ngày 25 – 9 – 78, giáo sư Nguyễn khắc Kham, nguyên Giám đốc Thư viện và Văn khố Việt nam, đã nói chuyện tại viện đại học Nam Illinois ở Carbondale về những diễn biến của Việt ngữ dưới các thời kỳ đô hộ của Trung hoa và Pháp.

– Tại hội nghị quốc tế hàng năm lần thứ 11 về Ngữ - học Trung Tạng, họp từ ngày 20 đến ngày 22–10–78, tại viện đại học Arizona ở Tucson, giáo sư Nguyễn đình Hòa, nguyên khoa trưởng Văn khoa Việt nam, hiện là Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Việt ngữ tại viện đại học Nam Illinois, đã trình - bày một bản tham luận về Ngữ pháp trong truyện Kiều.

TRANH VIỆT NAM Ở PHÁP

Từ ngày 7 đến ngày 20–10–1978, họa sĩ Vĩnh Ấn đã tổ chức một cuộc triển lãm các họa phẩm tại Galeries Raymond Duncan ở Paris (Pháp).

Phòng triển lãm khai mạc tưng bừng, và đã thu đạt nhiều thành công, báo chí Pháp có nhiều bài ca ngợi.

Được biết họa sĩ Vĩnh Ấn vừa được trao tặng giải thưởng *Grand Prix Humanitaire de France* năm 1978 về Họa.

NHẠC VIỆT TẠI MỸ

Sau một thời gian ngưng nghỉ, nhạc sĩ Phạm Duy lại cất tiếng tưng bừng, tung ra một loạt nhiều bài hát mới : *Hát trên đường tạm dừng, Bài hát cho người vượt biển* v.v...

Được biết trong số những người vượt biển may mắn hồi gần đây có ba cậu con trai của nhạc sĩ, hiện ở Mã lai, chờ ngày sang Hoa kỳ. Có phải niềm vui đoàn tụ đã thổi cảm hứng sáng tác vào tâm hồn người nhạc sĩ ?

Phạm Duy lại vừa dời đến nhà mới:

14692 Hunter Lane

Midway city, Ca 92655

Nghe đâu ông cũng lại vừa sưu tầm được nhiều băng nhạc lạ, rất hiếm có, lại vừa xuất bản thêm những tập nhạc mới.

SỐ PHẬN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở NAM VIỆT NAM

Các cơ sở đại học trước đây ở miền nam Việt nam đã bị nhà cầm quyền mới xóa đi xếp lại . Hiện thời có:

* Viện đại học Sài gòn, với 7 trường :

– Trường Tổng hợp(tức trường Văn khoa và trường Khoa học cũ),

– Trường Kinh tế (tức Luật khoa cũ),

– Trường Bách khoa (tức Kỹ thuật Phú thọ cũ),

– Trường Y Dược (tức Y khoa và Dược khoa cũ),

– Trường Sư phạm Kỹ thuật Thủ đức (như cũ),

– Trường Sư phạa thành phố H.C.M.(tức Sư phạm Sài gòn cũ).

– Trường Kiến trúc thành phố H.C.M. (tức Kiến trúc Sài gòn cũ).

* Viện đại học Huế, với 3 trường :

– Trường Y,

– Trường Sư phạm,

– Trường Tổng hợp.

* Viện đại học Cần thơ.

* Trường Bách khoa Đà nẵng.

* Trường Hải sản Nha trang.

* Trường Nông nghiệp Thủ đức.

* Trường Tây nguyên.

* Trường Đà lạt.

Ngoài 16 trường đại học kể trên, còn có 2 trường dự bị đại

học là trường Tiền giang và trường Nha trang.

Như chúng ta nhận thấy, các viện đại học Minh Đức, Phương nam, Vạn Hạnh, Long xuyên không còn được nhắc nhở đến nữa.

PHIM ÚC VỀ CHIẾN TRANH VIỆT NAM

Người Mỹ làm phim (nhảm nhí) về chiến tranh Việt nam đã khá nhiều. Người Úc cũng có tham dự chiến trận tại Việt nam, trong vòng 7 năm đã gửi sang Việt nam 47.000 binh sĩ, nhưng phải chờ đến hơn ba năm sau khi cuộc chiến kết thúc mới có cuốn phim đầu tiên về Việt nam : phim *The Odd, Angry Shot.*

Dù sao, Úc cũng không quá chậm trễ. Hình như ngoài Mỹ ra, đó là cuốn phim duy nhất của các nước "đồng minh" về chiến cuộc Việt nam.đấy. Mở miệng chậm chưa chắc đã là để nói lên được cái gì đáng giá. Một tài tử đóng vai sĩ quan Úc trong phim tuyên bố: "Ở đây không có bản thông điệp nào quan trọng. Nếu có, đó là : Đừng đi đánh giặc". Thế thôi!

"Thông điệp" thế thì cúp đuôi chạy là phải.

NGUYỄN DU TẠI HOA KỲ

Trong tháng 10 vừa qua, tại Los Angeles (California), các cụ Đào Đặng Vỹ , Lê thọ Giáo đã tổ chức trọng thể ngày kỷ niệm thi hào Nguyễn Du.

Cũng trong tháng ấy, tại tiểu bang Washington, một nhóm văn thi sĩ (Thanh Nam, Xuân Hiến, Nguyễn đăng Diệm) xúc tiến tổ chức một Ngày Nguyễn Du. Không khí thơ văn ở Seattle và Tacoma rộn ràng cả lên.

NHÀ VĂN VÀ QUÊ HƯƠNG

Tạp chí *New York Times* vấn bảo Gholam-Hossein Sa'edi là nhà văn nổi tiếng rộng rãi nhất của Ba-tư. Ông viết kịch, viết sách, đã từng bị tù đày, tra khảo trong nước. Từ ngày sang Mỹ, nhà văn 43 tuổi này được hoan nghênh, được nhà Random House và Hiệp hội các nhà xuất bản Hoa kỳ "chiếu cố". Nghĩa là ông có thể tiếp tục ở lại đây, sống "vinh quang".

Thế nhưng Sa'edi đã quyết định trở về nước chiến đấu chống độc tài, sẵn sàng hứng chịu mọi nguy hiểm đang chờ đợi mình. Ông bảo: "Đối với tôi , xa quê hương là một cuộc tự sát về xã hội và văn hóa.(...) Nhổ bật khỏi rễ, cây sẽ chết khô".

NHỮNG KẺ RA ĐI

Một kịch tác gia Bảo-gia-lợi, ông Georgi Markov, bỏ chế độ cọng sản ra đi, sang Luân-đôn, làm việc tại đài B.B.C. Một hôm ông ta bị một người lạ đụng nhẹ bằng chiếc dù, rồi về nhiễm độc, đau, chết. Khám xét thấy có hai lỗ thủng nhỏ ở chỗ đụng dù, có dấu độc dược.

Rồi một người Bảo tị nạn khác, tại Paris, cảm thấy có cái gì chích sau lưng ở một trạm xe điện ngầm; lại đau ốm, lại có lỗ thủng nhỏ tương tự. Ông tên là Vladimir Kostov.

Rồi Vladimir Simeon ov, cũng làm ở đài B.B.C. chết bí mật trong phòng.

Rồi hai người Bảo tị nạn khác, một ở Nữu-ước, một ở Los Angeles, bị tấn công...

Thì ra những kẻ này rời bỏ cọng sản, nhưng cọng sản chưa chịu bỏ họ.

HAI CỤC CỦNG VĂN HÓA

Ngày còn ở Việt nam, chúng ta đã có dịp đọc bản Việt ngữ của học giả Nguyễn Hiến Lê phiên dịch mấy tập trong bộ *Lịch sử văn minh thế giới* của cặp vợ chồng sử gia Will và Ariel Durant, do nhà Lá Bối ấn hành.

Đôi vợ chồng già này hiện sống ở thành phố Los Angeles, (California) và rất được trọng vọng. Ngày chủ nhật 5–11–78 vừa qua được cả thị xã quận Los Angeles cùng xem như là Ngày Will và Ariel Durant, để kỷ niệm sinh nhật thứ 93 của một sử gia kiêm triết gia lừng lẫy.

CƯỜI, CHÍNH VÌ ĐAU KHỔ.

Art Buchwald, Don Rickles, Joan Rivers, Alan King v.v... là những cây cười của Hoa kỳ. Họ đều là người gốc Do thái cả. Tại sao có sự trùng hợp kỳ cục ấy ? Một nhà chuyên môn, ông Samuel Janus đã bỏ ra mười năm và xuất hai vạn tiền túi đi chu du khắp nước để tìm hiểu về vấn đề này.

Theo kết quả cuộc tìm hiểu thì 80% các cây cười nước Mỹ là người gốc Do thái, trong khi người Do thái chỉ chiếm 3% dân số Hoa kỳ. Vậy hiển nhiên người Do thái cười cợt hăng nhất, khéo nhất nước. Lý do: vì họ đau khổ.

Thật vậy, nói về cuộc đời cá nhân, thì phần lớn những tay khôi hài trứ danh đều mồ côi mẹ từ tấm bé (Art Buchwald mất mẹ ngay khi chào đời). Nói chung , cộng đồng di dân Do thái thấm thía nhiều đắng cay cơ cực. Và cười là một phương tiện để chống trả lại áp bức, là một cách giải tỏa nỗi đau buồn u uất.

Vì vậy, hãy xót thương những người toe toét.

NGƯỜI MỚI, NGHỀ CŨ

Buffy Wilson là một tác giả mới toanh, nhưng lại là tên tuổi quen thuộc trong cái nghề xưa nhất lịch sử: nghề mãi dâm.

Ngày 21 tuổi, ly dị xong, Wilson yêu một người chủ quán , mang nợ hơi nhiều. Người này đề nghị nàng bán thân để trả nợ cho ông, nàng ô-kê.

Tại một địa điểm nổi tiếng ở Nevada, nàng "làm việc" 16 giờ mỗi ngày, làm một mạch 17 ngày mới được nghỉ 1 ngày. Trung bình mỗi ông khách tốn mất 15 phút; mỗi ngày gặp độ 45 ông,mỗi ông tối thiểu 10$, trừ mọi chi phí và hoa hồng nàng bỏ túi 30%.

Tất cả những chi tiết hay ho ấy, Buffy Wilson , sau khi giải nghệ đã kể lại trong các buổi diễn thuyết, và trong tác phẩm vừa xuất bản, nhan đề là *A new look at the Oldest Profession.*

Cũng như các cuốn *Malaya Zemlya* và *Vozrozhdeniye* của Leonid Breznev, tác phẩm của Wilson cũng là hồi ký.

GIÁ TRANH

Một bức tranh của Edvard Munch vừa bán đấu giá tại Stoc - kholm (Thụy điển) với giá 380.000$. Họa phẩm nhan đề là *Cảnh mùa hè*, do một người Thụy sĩ tên Peter Nathan mua được. Đó có lẽ là bức tranh đắc nhất từ trước tới nay.

NGƯỜI MỸ ĐỌC SÁCH

Sau hơn ba năm chung sống, bà con Việt kiều tị nạn nhận thấy người Mỹ làm việc thật hăng, chơi thật khỏe. Thế còn vấn đề đọc sách ? Người Mỹ đọc sách ra sao ? Nhiều hay ít ?

Con số thống kê mới đã y cho thấy họ chịu đọc hơn bất cứ dân tộc nào ở thời đại nào!

Trên thị trường Mỹ có hai loại sách giá cả khác nhau rất xa thứ sách bìa dày (hardback) bán đắt, và loại bình dân bìa mỏng (paperback) thường in rất nhiều, bán dưới 2$ mỗi cuốn.

Sách bìa dày thì từ bốn chục năm nay, số lượng tiêu thụ không tăng bao nhiêu : vẫn độ 40.000 bản mỗi tác phẩm . Nhưng sách bình dân thì năm 1977 ở Hoa kỳ bán được 459 triệu bạc, tính ra chia đều cho cả nam phụ lão ấu thì trung bình mỗi người Mỹ mua 2$25 sách một năm. Nhất đấy.

THẠCH TÂM

BÀI CẬY ĐĂNG (do Hội Sinh Viên Việt nam tại U.C.L.A.)

Theo một cuộc nghiên cứu mới nhất về phẩm chất giáo dục của các đại học Mỹ, University of California tại Los Angeles (UCLA) được xem là một trong các đại học đứng đầu nước Mỹ (ngang hàng với Harvard, Stanford, Yale, Cal Tech v.v... trong nhiều phân khoa). Sự xếp hạng này rất quan trọng vì tại Mỹ, sinh viên tốt nghiệp từ các đại học nổi tiếng có nhiều triển vọng tìm được việc làm với số lương cao.

Đối với sinh viên ty nạn Việt nam, UCLA có một ưu điểm hơn hẳn các đại học tư vừa kể ở phương diện vì là trường công nên học phí tại UCLA rất hạ (234$ một tam cá nguyệt cho sinh viên California). Sinh viên Việt nam đến từ tiểu bang khác sẽ được đóng số tiền học tương đương sau khi ở tại tiểu bang California một năm.

Để trang trải số học phí nói trên cũng như chi phí ăn ở trong khi theo học, sinh viên Việt nam tại UCLA sẽ được trợ cấp tài-chánh tối đa tùy theo nhu cầu.

Trên đây là một số lợi điểm thiết thực mà quý anh chị em sinh viên học sinh, nhất là quý anh chị ở quanh vùng Los Angeles, nên nghĩ đến khi dự định tiếp tục học vấn bậc đại học. Ngoài ra, một đại học lớn như UCLA còn có nhiều ưu điểm khác mà anh chị sẽ có dịp nhận thấy khi đến học tại trường.

Anh chị em Sinh viên học sinh đang học ở các trường trung học hay các đại học khác đều có thể nộp đơn xin học tại UCLA và nên chuẩn bị trước một năm. Đặc biệt quý anh chị nào không mang theo được bằng cấp từ Việt nam, nhưng nếu quyết định đi học trở lại thì trước hết có thể theo học tại một học viện cao đẳng hai năm, rồi sau đó xin chuyển qua UCLA.

Thời hạn nộp đơn xin học cho khóa mùa thu niên khóa 1979 –1980 là từ ngày 1 cho đến 30–11–1978. Vì số chỗ có hạn, quý anh chị nên liên lạc gấp với trường để nhận mẫu đơn xin học, hoặc bằng cách đến thẳng trường tại 405 Hilgard Ave., Los Angeles, hoặc gửi thư về địa chỉ:

Admissions Office
University of California
Los Angeles, CA 90024

Hội Sinh Viên Việt nam tại UCLA kính chúc quý anh chị em đạt được ý nguyện.

V.H.NT & CÁC BẠN

Bạn viết

BÀI SẼ ĐĂNG

THƠ.– Tình cờ (Vĩnh Liêm). Thư(Lê ngọc Hồ) . Bài thơ trong bình bát (Hoàng Tiểu Bố). Màu nắng vàng quê hương (Đào Nguyên) .Bước sầu (Tuệ Nga).
TRUYỆN.– Những con sóc nhỏ của tôi (Yên Vũ). Loài chim trốn lạnh (Cao Thiên Lương).

BÀI ĐÃ NHẬN ĐƯỢC

THƠ.– *Ngày có buồn như ta ?*–*Bâng quơ*.–*Vượt thoát* (của V.L.).–*Gửi người bạn làm thơ* (của N.P.T.). *Lòng ta trăm nỗi buồn phiền* (của Đ.H.)

ĐOẢN VĂN .– *Tình buồn*.–*Lá thư không bao giờ gửi*.–*Tử thần bằng hữu* (của Đ.H.)

Nếu sau ba số báo không thấy đăng xin coi như không có dịp đăng nữa.

NHẮN VĂN HỮU

- Anh Ng. L. –"Ngoài bể" gặp nhau, mừng lắm. Sẽ có thư riêng.(V.P.)
- Ô. Phạm Mạnh Tuệ (Az) . Bài đã đăng ở báo này không có thể đang lại ở báo khác. Trừ những trường hợp thật đặc - biệt..
- Ô. Nam Giả.–Nhận *Hưng Đạo vương* đã muộn, hết sức tiếc không kịp trình lăng những câu tuyệt vời:

"Tan trận rủ trăng cùng nhau đối ẩm.
...Kiếm lạnh tung trời chém nát hoàng hôn".

- Nguyễn thị Mưa Sa .–Xin cô(?) địa chỉ để gửi báo biếu.

Bạn đọc

...Tôi nghĩ với chủ trương đứng đắn của quý báo, một địa - chỉ chắc chắn và một số phone rõ ràng của tòa soạn sẽ làm người đọc hết nghĩ "vớ vẩn" và "vững dạ" hơn.

N.T.D.
(Long Beach, CA)

Chủ trương thì vẫn cố giữ cho được đứng đắn. Tiếc vì phương tiện eo hẹp, điều kiện thiếu thốn, tòa soạn chưa

đặt được ở một nơi "chắc chắn", (và báo ra cứ chậm trễ hoài!). Đã tin nhau là đứng đắn, xin cứ vững dạ. Nhân dịp này, chúng tôi xin cáo lỗi về mọi phiền phức đã gây ra cho bạn đọc.

❁

... Từ sau ngày 30–4–75 có nhiều văn thi sĩ từ Bắc vào Sài gòn, tôi vẫn để ý theo dõi nhưng chưa nghe nói đến Thâm Tâm lần nào. Thâm Tâm là thi sĩ, tác giả bài *Tống biệt hành* mà tôi rất thích.

Nhân tiện, từ số báo đầu VHNT đã nói về thơ Cao Tần tại sao từ đó đến nay không đăng thơ Cao Tần ? VHNT đã qui tụ được hầu hết các cây bút lỗi lạc nhất ở hải ngoại lẽ nào bỏ sót Cao Tần ?

Trần văn TH.
(Florida)

• Thi sĩ Thâm Tâm đã thọ bệnh, qua đời ở Quảng yên vào năm 1950.

• Tình cờ bạn vừa nhắc thì Cao Tần vừa xuất hiện ; đồng thanh tương ứng chăng ? VHNT số 8 sẽ đăng thơ Cao Tần, một bài thơ hùng tráng mà bi ai thê thiết hơn bao giờ hết.

Mỗi số báo giá 2$. Mua dài hạn xin gửi chi phiếu đến:

Ô. LÊ SÁNG NGHIỆP
P.O. Box 19555
San Diego,Ca. 92119

THÔNG BÁO

Chúng tôi trân trọng báo tin : Hạn mua báo của quý vị chấm dứt sau số.....

Chúng tôi mong sớm nhận được phiếu mua để tiếp tục gửi báo đến quí vị , hầu khỏi có sự gián đoạn đáng tiếc.

(Nếu không thấy ghi số hết hạn tại mục này trong tờ báo của quí vị, tức là hạn mua báo của quí vị vẫn còn.)

● CƠ SỞ ẤN LOÁT VÀ XUẤT BẢN

VĂN NGHỆ

NHẬN IN
- ○ Sách, báo, cùng tất cả các loại ấn phẩm
- ○ Ấn chỉ, quảng cáo v.v....

Giá hạ ○ Nhanh chóng ○ Mỹ thuật

NHẬN XUẤT BẢN:
- ○ Tiểu thuyết
- ○ Thi ca
- ○ Khảo luận v.v...

bằng Việt ngữ, Anh ngữ và Pháp ngữ.

○ Có họa sĩ trình bày miễn phí.

XIN LIÊN LẠC TẠI:

Điện thoại: (213) 256–5038

đóng cửa trần gian

TRUYỆN DÀI MỚI NHẤT CỦA LÊ TẤT ĐIỀU VIẾT TRÊN ĐẤT MỸ, VỀ XÃ HỘI MỸ, TẠO DỰNG UY TÍN ĐẦU TIÊN CỦA TÁC GIẢ TRÊN ĐẤT MỸ.

☐ ☐ Mỗi cuốn giá 4$00;chi phiếu xin gửi về:

Ô. Lê sáng Nghiệp
P.O. Box 19555
San Diego, Ca. 92119

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
P.O.Box 19555
San Diego, CA 92119
U.S.A.

● TRONG BUỔI ĐẦU CỦA CUỘC SỐNG LY HƯƠNG, VIỆT KIỀU MÃI ĐẶT RA VẤN ĐỀ HỘI NHẬP VÀO XÃ HỘI MỸ : TẬP ĂN TẬP NÓI, TÌM VIỆC, HỌC NGHỀ, MUA NHÀ MUA XE V.V...

● LẦN ĐẦU TIÊN VẤN ĐỀ NGƯỜI VIỆT SỐNG TRÊN ĐẤT MỸ ĐƯỢC ĐẶT TRÊN MỘT BÌNH DIỆN CAO : SUY NGHĨ VỀ CÁC DỊ BIỆT GIỮA VĂN HÓA MỸ VÀ VIỆT, GIỮA BẢN CHẤT VÀ TÂM HỒN CON NGƯỜI ĐÔI BÊN. NHỮNG SUY NGHĨ THÂM TRẦM, TINH TẾ. TRÌNH BÀY SÁNG SỦA, LINH HOẠT, Ý NHỊ.

● TỪ BÙI VIỆN ĐẾN NAY, SAU BAO THẾ KỶ TIẾP XÚC MỸ VIỆT, ĐÃ ĐẾN LÚC CHÚNG TA NGHIÊM CHỈNH NHẬN XÉT VỀ NGƯỜI MỸ VÀ XÃ HỘI MỸ.

ĐÓ LÀ ĐIỀU ĐÃ ĐƯỢC THỰC HIỆN TRONG CUỐN

lại thư gửi bạn

TÁC PHẨM MỚI NHẤT CỦA NHÀ VĂN VÕ PHIẾN

MỖI CUỐN GIÁ 4$00

CHI PHIẾU XIN ĐỀ :

NGƯỜI VIỆT
P.O.BOX 488
WESTMINSTER, CA 92683

GÍA : $2.00